

ISSN 1859-4212

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SAN

# Khoa học và Công nghệ

SỐ 4  
2020



**Ngành Khoa học và Công nghệ chủ động  
đi đầu tham gia cuộc Cách mạng  
công nghiệp lần thứ tư**



# TRONG SỔ NÀY

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngành Khoa học và Công nghệ chủ động đi đầu tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	3
Năng suất chất lượng hỗ trợ đắc lực cho Doanh nghiệp phát triển- hội nhập	10
Vai trò của hoạt động tiêu chuẩn hóa trong bảo vệ người tiêu dùng	16
Truy xuất nguồn gốc - Tìm ở đâu	19
Những điểm cần lưu ý trong quản lý và phát triển sau bảo hộ thành công nhãn hiệu	24

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị	28
Ứng dụng kỹ thuật phân lớp dữ liệu bằng cây quyết định trong phân tích, dự đoán kết quả học tập sinh viên trường CĐSP Quảng Trị	32
Chính sách thông tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới ở Việt Nam	38
Một số phương thức giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền được áp dụng tại Hoa Kỳ và kinh nghiệm đối với Việt Nam	48

## KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

Kết quả bước đầu từ đề tài “Điều tra chọn cây giống làm vật liệu đầu dòng và xây dựng mô hình vườn ươm giống bơ địa phương có triển vọng của huyện Gio Linh”	53
Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất lạc năng suất cao và sản xuất lạc an toàn theo VietGAP tại tỉnh Quảng Trị	56
Tuyển chọn các chủng giống nấm đùi gà <i>Pleurotus eryngii</i> (DC.:Fr.) mới nhập nội nuôi trồng trên giá thể phụ phẩm nông nghiệp	60

## VĂN HÓA – LỊCH SỬ

Một số hoạt động lễ hội nhằm tôn vinh giá trị của thông điệp “hòa bình” tại Quảng Trị	69
Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị	75

## HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TÂM GIƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng để thực hiện tốt Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị	80
Học và làm theo Bác về “Đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh”	86

## VĂN BẢN KH&CN



### CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân  
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

### CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN. Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị. Điện thoại: 0233. 2211643  
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

### GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 30/GP-XBĐS ngày 06/12/2019 của Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông. In 100 cuốn, khổ 20x28cm tại Công ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2020

# Ngành Khoa học và Công nghệ chủ động đi đầu tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Trần Ngọc Lân

TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

*Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang diễn ra với tốc độ nhanh, tác động đến mọi mặt trên toàn cầu, mở ra cơ hội mới nhưng cũng nhiều thách thức, tác động mạnh mẽ, toàn diện tới nền kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội. Nhận thức đúng, chọn đúng trọng tâm, trọng điểm sẽ vượt lên, nếu không sẽ bị tụt lại. Mỗi một địa phương cần phải thống nhất trong chiến lược và tổ chức hành động, sự đồng tâm hiệp lực của các cấp, ngành, trong đó ngành Khoa học và Công nghệ cần đi đầu trong đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực tiếp cận nhằm thích ứng nhanh với cuộc CMCN 4.0.*

Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 27/9/2019 về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (Nghị quyết số 52-NQ/TW) với nội dung cốt lõi là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Đây là chủ trương đúng đắn và kịp thời về nhận thức và lý luận, để định hướng tư tưởng, triển khai hành động một cách chủ động.

Tỉnh Quảng Trị đã có những chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị tại địa phương cũng như người dân. Đến

nay, đã có những kết quả bước đầu tiếp cận cuộc CMCN 4.0 trên một số lĩnh vực đời sống.

UBND Tỉnh ban hành Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025, trong đó ưu tiên hỗ trợ các dự án ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản; dự án ứng dụng công nghệ cao phát triển nông nghiệp bền vững; Sở KH&CN tham mưu UBND tỉnh về Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. Tập trung ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý môi trường, trong các mô hình nuôi tôm thâm canh hai giai đoạn ở Vĩnh Linh,

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Triệu Phong đạt được hiệu quả rõ rệt; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các loài cây dược liệu, hoa, cây có giá trị kinh tế cao (mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng đầu tiên tại Vĩnh Linh; “Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao FAM - Quảng Trị” tại xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ; Mô hình trồng hoa tại Trạm nghiên cứu và thực nghiệm Bắc Hướng Hóa ;...).

Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh về xây dựng chính

đẩy mạnh. Hiện nay, 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đã sử dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp, nhằm công khai minh bạch và có sự giám sát của các cơ quan trong giải quyết hồ sơ TTHC, tỷ lệ hài lòng của người dân khi làm TTHC được tăng cao. Việc chú trọng triển khai chính quyền điện tử tại Quảng Trị đã góp phần



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Nam phát biểu tại cuộc họp các đơn vị liên quan thảo luận kế hoạch xây dựng Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị*

*Ảnh: Baoquangtri.vn*

quyền điện tử, xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn đến 2030. Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước tiếp tục được

không nhỏ vào công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, các sở, ngành, huyện, thị, thành phố để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Lĩnh vực y tế song song với việc ứng dụng nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong chăm sóc sức khỏe cho người dân, đã ứng dụng công nghệ thông tin trong thanh toán bảo hiểm y tế (BHYT)

và xây dựng hồ sơ sức khỏe cá nhân. Việc cấp mã số BHXH định danh duy nhất cho mỗi cá nhân và quản lý tập trung trên cơ sở dữ liệu (CSDL) hộ gia đình tham gia BHYT. Người dân sẽ được cập nhật liên tục tình trạng sức khỏe trong suốt cuộc đời, nắm được tình trạng sức khỏe và những tư vấn của bác sỹ để có những biện pháp phòng bệnh, nâng cao sức khỏe.

Trong giáo dục, các trường học thực hiện đẩy mạnh ứng dụng CNTT

điện tử; phần mềm hỗ trợ dạy học; phần mềm quản lý ngân hàng để một cách thống nhất;..

Bên cạnh những kết quả có được, trong điều kiện tiềm lực và cơ sở vật chất còn hạn chế, để chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 tỉnh Quảng Trị còn rất nhiều việc phải làm, với sự đồng tâm hiệp lực của các cấp, các ngành và của toàn xã hội.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ tỉnh đã xác định: Nghiên



*Đồng chí Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu tại Hội thảo góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 190-KH/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Ảnh: Hải Yến*

trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, hoạt động dạy - học. Kết nối mạng giáo dục, xây dựng Cổng thông tin điện tử thống nhất liên thông toàn ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất dùng chung toàn ngành. Nhiều trường học đã có những phần mềm soạn bài giảng

cứu xây dựng các chính sách đối tượng để chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 như hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; An toàn thông tin, an ninh

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

mạng; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử, nông nghiệp số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số, y tế, giáo dục đào tạo. Kế hoạch số 190-KH/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ-TW (Kế hoạch số 190-KH/TU) khẳng định việc chủ động, tích cực tham gia cuộc CMCN 4.0 là yêu cầu tất yếu khách quan; có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã

phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị cơ bản đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh, tập trung ưu tiên các lĩnh vực trọng yếu như: Y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, chính quyền điện tử, Internet băng thông rộng phủ 100% đến các xã. Phần đầu kinh tế số chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP). Đến năm 2030, phủ sóng mạng di động 5G, mọi người dân đều

TT	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Công cụ
1	Mức độ 4	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Nộp Hồ Sơ
2	Mức độ 4	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Nộp Hồ Sơ
3	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Nộp Hồ Sơ

*Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến được tăng cường nhằm nâng cao chất lượng công tác phục vụ, vì người dân và doanh nghiệp. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa*

hội mà tỉnh Quảng Trị đặt ra và quyết tâm thực hiện. Trên tinh thần Nghị quyết số 52-NQ-TW, Kế hoạch số 190-KH/TU đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện với mục tiêu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội; xây dựng chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2025, Thành

được truy cập Internet băng rộng với chi phí thấp. Hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử; triển khai đồng bộ hệ thống các dịch vụ thiết yếu thông minh như: Điện, nước, ngân hàng, thương mại, điện tử, du lịch, môi trường, quy hoạch và nhà ở đô thị,... thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu lớn của đô thị thông minh. Các đô thị trong tỉnh đạt hoặc tiệm cận các tiêu chí đô thị thông minh. Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP trong

tỉnh. Sở KH&CN đã tham mưu UBND ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 50/QN-CP và Kế hoạch 190/KH-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy với việc xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh để thúc đẩy quá trình tiếp cận và tham gia CMCN 4.0.

Bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp, ngành về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0, xu hướng phát triển nền KH&CN trên thế

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 52/NQ-TW và Kế hoạch 190/KH-TU) đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý cũng như đến đông đảo nhân dân trên toàn tỉnh; tham mưu xây dựng các kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện trên các lĩnh vực đảm bảo tính khả thi, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của Ngành.

2. Chú trọng đến vấn đề bảo hộ sở



*Nuôi cấy mô các loại hoa tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ. Ảnh: Sỹ Tiến*

giới, trong nước và đặc thù của tỉnh, Ngành KH&CN sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung phương thức tiếp cận cuộc CMCN 4.0 (cụ thể là Nghị quyết 52/NQ-TW, Nghị quyết 50/NQ-CP, Kế hoạch 190/KH-TU và sắp tới đây là kế hoạch của UBND tỉnh về ban hành

hữu trí tuệ; hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Tham mưu triển khai tốt các chương trình hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ trên địa bàn; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt đối với các sáng chế trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo lợi ích quốc gia; xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình hỗ trợ tạo

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

lập và phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn năm 2021 - 2025; chương trình hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch sản phẩm..., nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

3. Hỗ trợ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tập trung nâng cao trình độ nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo ở cấp độ vận hành các hoạt động hằng ngày của doanh

các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng chủ lực, có giá trị gia tăng. Hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến, tiêu chuẩn cơ sở,...

4. Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh. Cần tập trung hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, trong



*Mô hình lan Hồ Điệp ứng dụng công nghệ cao tại Sa Mù, Hương Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến*

niệp. Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh; lựa chọn ưu tiên một số lĩnh vực đầu tư để chuyển đổi căn bản từ dây chuyền lạc hậu lên phiên bản hiện đại, ưu tiên tính hiệu quả trong đầu tư vào dây chuyền công nghệ mũi nhọn;

sản xuất và chế biến hàng hóa nông sản; hỗ trợ các dự án chuyển giao công nghệ, cải tiến và đổi mới công nghệ hoặc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ sinh học. Ưu tiên đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, ứng dụng công nghệ cao và có khả năng nhân rộng trong sản xuất



nông nghiệp; ...

5. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, sẵn sàng tham gia cuộc CMCN 4.0. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025; Tham mưu xây dựng và phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, tập trung vào các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0; Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với việc xây dựng và vận hành các trung tâm đổi mới sáng tạo. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo; Phát động phong trào nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong cán bộ nghiên cứu, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân;...

6. Đào tạo nhân lực KH&CN thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học. Xác định con người là nhân tố trung tâm của cuộc CNMC 4.0. Tập trung nâng cao trình độ nguồn nhân lực ở cấp độ chiến lược quản lý và cấp độ vận hành các hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh về các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0; Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh xây dựng và phát triển các mạng lưới trí thức, nhân tài về các công nghệ chủ chốt của CMCN 4.0; Tiếp tục phối hợp tham mưu cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn để huy động trí thức, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới; Triển khai lồng ghép, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín nhằm tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới; nghiên cứu,

hoàn chỉnh các quy định có liên quan để tăng cường hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh...

CMCN 4.0 là một xu thế lớn đang diễn ra trên toàn thế giới với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ mà nòng cốt là công nghệ số làm thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đời sống văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh; tạo ra nhiều cơ hội và thách thức đối với tất cả các quốc gia. Thời gian qua, các sở, ban, ngành chức năng của tỉnh Quảng Trị đã sớm thực hiện những quyết sách có tính chất tạo tiền đề cho Quảng Trị chủ động tham gia CMCN 4.0.

Hy vọng rằng, trên tinh thần Nghị quyết 52-NQ/TW, Nghị quyết 50-NQ/CP và Kế hoạch 190-KH/TU và tới đây là Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 50-NQ/CP và Kế hoạch 190-KH/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW, cùng với tiền đề mà tỉnh đã tạo dựng được trong thời gian qua, các ngành các cấp cần đánh giá lại, tham mưu kịp thời các chính sách, cơ chế cụ thể để triển khai thực hiện. Tất cả các tổ chức, cá nhân từ khu vực công và tư tới giới khoa học và toàn xã hội với quyết tâm cao trong đó con người là nhân tố trung tâm; cần kết hợp hài hòa những xu hướng phát triển của nền khoa học công nghệ trên thế giới, trong nước và các đặc thù của tỉnh, phù hợp với nguồn lực tài chính, nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, như vậy mới có thể đồng tâm hiệp lực chủ động tham gia cuộc cách mạng 4.0 một cách hiệu quả./.

T.N.L

# **Năng suất chất lượng hỗ trợ đắc lực cho Doanh nghiệp phát triển - hội nhập**

**Dương Mạnh Tường**

Chi cục Trưởng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

*Thực hiện Thập niên Chất lượng lần thứ hai với chủ đề “Năng suất Chất lượng - Chìa khóa phát triển và hội nhập”, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 về việc Phê duyệt Chương trình Quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” đã đánh dấu bước chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động thúc đẩy năng suất và chất lượng tại Việt Nam. Tại Quảng Trị, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND ban hành Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 31/08/2010 về việc phê duyệt Chương trình “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”.*

Chương trình “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020” với mục tiêu xây dựng thương hiệu, đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến, giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng, tạo lập môi trường, nguồn lực cần thiết để triển khai có hiệu quả hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chương trình đã tạo bước chuyển biến về năng suất và chất lượng (NSCL) đối với những sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế chung của Tỉnh.

*Hoạt động nâng cao nhận thức, kỹ năng về NSCL cho các doanh nghiệp:* Đã góp phần tạo lập phong trào năng suất chất lượng sâu rộng trong các doanh nghiệp, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và văn hóa quản lý của doanh nghiệp để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đã hướng dẫn cho các cơ sở xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở; quảng bá các giải pháp về khoa học và công nghệ; Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực năng suất và chất lượng của các doanh nghiệp; đào tạo được các chuyên gia nòng cốt của tỉnh về năng suất và chất lượng; chuẩn bị nguồn nhân lực được đào tạo cơ bản bảo đảm cho triển khai có hiệu quả Chương trình

nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị.

*Hoạt động nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh:* Phối hợp với các đơn vị ở Trung ương tổ chức các Hội thảo khoa học nhằm giúp các doanh nghiệp trong việc thúc đẩy năng suất chất lượng; Đánh giá tình hình chất lượng các sản phẩm hàng hóa trọng điểm của tỉnh; Đánh giá thực trạng hệ thống đo lường năng suất của doanh

và áp dụng hệ thống, công cụ quản lý chất lượng như: Bia Quảng Trị xây dựng TCVN ISO 14000; ISO 22000 và công cụ 5S; Nhà máy Cao su Cam Lộ, Công ty Thương mại số 1, Công ty CP Thiên Tân xây dựng hệ thống ISO 9001. Tiếp tục đề nghị Trung ương hỗ trợ Công ty Thương mại Quảng Trị xây dựng hệ thống bảo mật ISO 27000, Công ty Minh Hưng, Nhà máy MDF xây dựng hệ thống ISO 5000.

*Hoạt động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ hội nhập và quảng bá cho doanh nghiệp:*



*Tập huấn Thực hành công cụ 5S trên nền tảng cải tiến liên tục Kaizen. Ảnh: Hải Yến*

nh nghiệp. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp đều được thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng của Tỉnh.

Đã đào tạo, làm nguồn lực chuyên gia về tiêu chuẩn hóa, năng suất chất lượng; Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá trình độ công nghệ; đo lường năng suất; đánh giá sự phù hợp của các sản phẩm. Đã hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng

Đã tiến hành khảo sát, lựa chọn và hỗ trợ việc tin học hóa một số công việc trong hoạt động doanh nghiệp như: Tư vấn cho doanh nghiệp triển khai và lựa chọn giải pháp CNTT phù hợp để triển khai ứng dụng và hỗ trợ kết nối mạng LAN; Hỗ trợ thiết kế Website; Đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT; Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp điện tử bao gồm các phân hệ chính (Hệ

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

chia sẻ thông tin và cộng tác trực tuyến; Hệ quảng bá sản phẩm trực tuyến; Phần mềm quản lý nhân sự trực tuyến); Biên soạn tài liệu: Hỏi & Đáp “CNTT và truyền thông cho doanh nghiệp”; Xây dựng hệ thống tuyên truyền, phổ biến an toàn, an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2002; Nâng cấp và duy trì Website Năng suất chất lượng Quảng Trị. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND tỉnh Quy định

*Hoạt động xây dựng tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu được công nhận và chỉ định chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng”: Hoàn thành việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn TCVN 7457:2004 (ISO/IEC Guide 65:1996) vào hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và đã được cấp Giấy*



*Lễ phát động chương trình 5S tại Công ty cổ phần phân bón Bình Điền Quảng Trị.  
Ảnh: Sỹ Tiến*

về chỉ tiêu đánh giá mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị; xây dựng 04 mô hình triển khai hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp áp dụng triển khai hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT, tăng mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT trong thời gian tới. Đây là hoạt động mang tính thực tiễn và có hiệu năng kinh tế cao.

chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong lĩnh vực hoạt động: Thử nghiệm vật liệu xây dựng, Điện- Điện tử, Sinh học- Hóa học, Kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị đo. Tích hợp với hệ thống tài liệu điều hành chung giữa TCVN ISO 9001 và TCVN ISO/IEC 17025.

Song song với Chương trình Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị. Giai đoạn 2015-2020, *Sở KH&CN*

*Quảng Trị đã hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 20/7/2011. Đã hỗ trợ tuyên truyền và phổ biến kiến thức về Sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; tăng cường quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Quảng Trị” cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Quảng Trị; xây dựng, quản lý và phát triển*

*2025. Nhằm hỗ trợ thực hiện mô hình/dự án nghiên cứu ứng dụng, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản; mô hình/dự án ứng dụng công nghệ cao; mô hình/dự án ứng dụng công nghệ cao phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững; ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát*



*Duy trì sản xuất, đổi mới công nghệ tại Nhà máy chế biến mủ cao su Cam Lộ.*

*Ảnh: DMT*

*nhãn hiệu tập thể “Khe Sanh” cho sản phẩm cà phê chè vùng Hướng Hóa cho 09 doanh nghiệp và các sản phẩm đặc trưng của địa phương, đã được cấp 17 văn bằng bảo hộ về nhãn hiệu hàng hoá và kiểu dáng công nghiệp; Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-*

*triển trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Lần đầu tiên, công tác ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh đã có một chính sách hỗ trợ khá toàn diện, bài bản trên các lĩnh vực với nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của địa phương.*

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp. Do đó các doanh nghiệp tại Quảng Trị bắt đầu quan tâm tới vấn đề cải tiến năng suất chất lượng và đã có những bước kết quả rõ rệt cải thiện năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa. Đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế cần khắc phục như tiến độ xây dựng, phê duyệt dự án năng suất chất lượng của các sở, ban, ngành còn chậm, một số dự án còn lúng túng trong việc triển khai các hoạt động, thiếu sự chủ động của doanh nghiệp...

Nhằm tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ hoạt động này, ngày 31/8/2020 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030. Đây được coi là “cú hích mới” hỗ trợ DN trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ đến khả năng cạnh tranh của DN. Mục tiêu của Chương trình nhằm hỗ trợ DN nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu

quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phần đầu đến năm 2030, đào tạo và chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 1.000 chuyên gia năng suất chất lượng, với các mục tiêu cụ thể được đưa ra: *Giai đoạn 2021-2025*: tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt khoảng 65%; đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 600 chuyên gia năng suất chất lượng tại các bộ, cơ quan, địa phương và DN; *Giai đoạn 2026-2030*: tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt khoảng 70-75%; đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 1.000 chuyên gia năng suất chất lượng, trong đó có khoảng 200 chuyên gia được chứng nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế; *Giai đoạn*



*Nhà máy chế biến mủ cao su Cam Lộ được chứng nhận hợp chuẩn đối với sản phẩm Cao su thiên nhiên SVR 10.*

*Ảnh: DMT*

2021-2030: số DN được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng hàng năm tăng từ 10-15%, trong đó, số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cấp cho DN tăng ít nhất 10% so với giai đoạn 2011-2020; có ít nhất 100 DN được hướng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng trên toàn quốc.

Để đạt được các mục tiêu trên, đòi hỏi đề ra nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy, nâng cao năng suất quốc gia, ngành, địa phương và DN trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế. Đồng thời, tăng cường công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng. Đẩy mạnh phổ biến, hướng dẫn áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào DN. Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng. Khuyến khích, hỗ trợ DN tham gia các hoạt động của Giải thưởng chất lượng quốc gia.

Có thể nói, hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các Doanh nghiệp ở tỉnh Quảng Trị nói riêng đã ý thức được tầm quan trọng của việc xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Các chương trình cải tiến năng suất, chất lượng đã trở thành hoạt động không thể thiếu trong quá trình xây dựng và phát triển của doanh nghiệp. Nhiều hệ thống quản lý như ISO 9001, SA 8000, ISO 14000,

GMP, HACCP và các công cụ cải tiến 5S, Kaizen, Lean, Lean 6 Sigma... đã dần quen thuộc với các doanh nghiệp Việt Nam. Thời gian tới, doanh nghiệp cần áp dụng một số hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp với trình độ quản trị, đặc thù như: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm (ISO 22000), Hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISO 27000); Hệ thống quản lý năng lượng (ISO 50001); Hệ thống quản lý môi trường (ISO 14000); Hệ thống quản lý Trách nhiệm xã hội (ISO 26000); Hệ thống quản lý Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp (ISO 45001). Bên cạnh đó, cần tiếp tục đẩy mạnh áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng, cụ thể là áp dụng công cụ “Quản lý tinh gọn Lean” (bao gồm: 5S, bố trí mặt bằng, duy trì hiệu suất tổng thể, chuyển đổi nhanh, nghiên cứu thời gian và thao tác, cân bằng chuyên, sản xuất đúng lúc, bản đồ chuỗi giá trị, hạch toán chi phí dòng nguyên liệu) có hệ thống, liên tục và tập trung nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, rút ngắn thời gian chu trình sản xuất/cung cấp dịch vụ; đồng thời, tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và ngày càng khắt khe của khách hàng./.

D.M.T

# Vai trò của hoạt động tiêu chuẩn hóa trong bảo vệ người tiêu dùng

**Nguyễn Thị Thanh**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

*Tiêu chuẩn hoá là một hoạt động thiết lập các điều khoản để sử dụng chung và lặp đi lặp lại đối với những vấn đề thực tế hoặc tiềm ẩn, nhằm đạt được mức độ trật tự tối ưu trong một khung cảnh nhất định. Vai trò của tiêu chuẩn hóa tạo thuận lợi cho trao đổi thông tin; đơn giản hoá, thống nhất hoá tạo thuận lợi phân công, hợp tác sản xuất, tăng năng suất lao động, thuận tiện khi sử dụng; đảm bảo vệ sinh, an toàn cho người sử dụng, người tiêu dùng; thúc đẩy thương mại toàn cầu.*

Trong thực tế nhu cầu tìm hiểu quá trình xây dựng cũng như việc áp dụng tiêu chuẩn của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng như cung cấp dịch vụ thương mại là nhu cầu thiết thực, không thể thiếu, vì để triển khai sản xuất sản phẩm hoặc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào ra thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế thì các tổ chức, doanh nghiệp đó phải nắm bắt được các quy chuẩn, Tiêu chuẩn cũng như các văn bản qui phạm pháp luật liên quan. Không những chỉ nắm bắt các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn hiện có liên quan, các tổ chức, doanh nghiệp còn phải luôn cập nhật, theo dõi những thay đổi về chính sách, pháp luật, về công nghệ để đảm bảo luôn cung cấp ra thị trường những sản phẩm có chất lượng, phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng nhằm duy trì sự bền vững lâu dài. Chính vì vậy, việc

phổ biến các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Quốc Gia, hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đến với người áp dụng tiêu chuẩn là hết sức cần thiết.

Liên quan đến hoạt động này, cùng với việc thực hiện Kế hoạch số 1569/KH-UBND ngày 11/7/2018 triển khai Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 4560/KH-UBND ngày 17/10/2018 triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Kế hoạch 4192/KH-UBND ngày 13/9/2019 hỗ trợ, kết nối sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh vào các siêu thị, chuỗi bán lẻ năm 2019 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hàng năm Chi cục Tiêu chuẩn Chất lượng Quảng Trị tổ chức từ 9 đến 10 lớp tập huấn, hội nghị phổ biến hướng



dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho gần 300 học viên là cán bộ quản lý, doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

Quá trình phổ biến hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã mang lại những hiệu quả, lợi ích rất lớn cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý, xã hội cũng như người tiêu dùng như:

Giúp doanh nghiệp hiểu và áp dụng đúng các QCVN, TCVN; tiếp cận thông tin cập nhật, công nghệ tiên tiến

Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn cho hoạt động tiêu chuẩn hóa và định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa mang tính chủ động, tích cực, đưa hoạt động tiêu chuẩn hóa trở thành một công cụ hữu ích giúp nâng cao năng suất chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Giúp cho sản phẩm, dịch vụ và quá trình sản xuất, chế biến theo tiêu chuẩn tạo ra sản phẩm, dịch vụ an toàn, có chất lượng đáp ứng yêu cầu của xã hội, bảo vệ người tiêu dùng, giảm chi phí



*Đoàn Sở Khoa học và Công nghệ khảo sát, hỗ trợ Doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn cơ sở. Ảnh: Sỹ Tiến*

thông qua các tiêu chuẩn, quy chuẩn từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình phù hợp với những yêu cầu của quản lý nhà nước, xã hội, nâng cao chất lượng sản phẩm, thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường quốc tế thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn được hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế;

sản xuất; tạo ra một “kênh thông tin đa chiều” để trao đổi thông tin về việc xây dựng cũng như áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Giúp các nhà quản lý nắm bắt tình hình thực tế, nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội, từ đó đưa ra kế hoạch, quy hoạch xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương đáp ứng được thực tế, nâng

cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Hơn nữa, từ các hội nghị phổ biến này, việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn sẽ ngày càng đồng bộ, phát huy hiệu quả vai trò của hoạt động tiêu chuẩn hóa trong sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân.

Vì vậy năm 2020, UBND tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế đảm bảo có hiệu lực trước ngày 01/07/2021. Thông qua đó giúp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy chuẩn để cung cấp nước sạch cho người dân sử dụng, đảm bảo sức khỏe người dân. Việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng tại Quảng Trị nói riêng, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật các mục đích như tiết kiệm năng lượng, chất lượng không khí, hàng hóa sản phẩm mang đặc trưng của tỉnh,... nói chung.

Để thực hiện tốt công tác tiêu chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu hội nhập, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cần tăng cường việc tham gia xây dựng tiêu chuẩn từ khối các doanh nghiệp. Bản thân doanh nghiệp phải chủ trì thực hiện quá trình xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn hơn là chỉ đóng vai trò hỗ trợ cho việc xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn. Đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng và áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững, thu hút sự tham gia của

các bên liên quan và người sử dụng.

Đảm bảo thông tin trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa. Nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất bản, phổ biến và thông tin tiêu chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan đều tiếp cận được với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thông qua các phương pháp trợ giúp hữu hiệu.

Quy chuẩn, tiêu chuẩn đặt ra các giao thức chuẩn hóa và phương pháp

**NGÀY TIÊU CHUẨN THẾ GIỚI 14-10-2020**

**WORLD STANDARDS DAY 14 OCTOBER 2020**

### **TIÊU CHUẨN GIÚP BẢO VỆ HÀNH TINH**

**Protecting the planet with standards**



*Poster ngày Tiêu chuẩn Thế giới năm 2020.*

*Ảnh: tcvn.vn*

đo lường. Việc sử dụng rộng rãi các quy chuẩn, tiêu chuẩn giúp giảm thiểu tác động môi trường của các quá trình sản xuất và quy trình công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho tái sử dụng các nguồn lực hạn chế cũng như giúp cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng đáp ứng thông điệp Ngày tiêu chuẩn thế giới 2020 với chủ đề “Tiêu chuẩn giúp bảo vệ hành tinh”./.

N.T.T

# Truy xuất nguồn gốc - Tìm ở đâu?

Phan Tuấn Anh

Phòng Quản lý công nghệ và Sở hữu trí tuệ, Sở KH&CN

*Nhà sản xuất tất nhiên phải PR sản phẩm của mình, sản phẩm của chúng tôi đảm bảo về chất lượng là sản phẩm sạch/tự nhiên/hữu cơ/... đã được chứng nhận A/B. Trên sản phẩm còn có thể chống hàng giả, có tem truy xuất nguồn gốc; Người tiêu dùng khi xem hàng hóa thấy có đủ các tem nhãn và khi quét lên thấy có các thông tin nhà sản xuất, tên sản phẩm, hình ảnh,... lại có chứng nhận A/B. Đó là Thông tin từ nhà sản xuất và tiếp nhận của người tiêu dùng, nhưng thực tế những thông tin này thực chất là gì và được thể hiện như thế nào?*

Giờ đây khi chúng ta – người tiêu dùng thông minh cầm trên tay một sản phẩm điều đầu tiên chúng ta quan tâm (và cũng đập vào mắt mỗi người) đó là tên sản phẩm, nơi sản xuất, hạn sử dụng,... và rất nhiều thông tin khác khiến chúng ta có cảm thấy rất tin tưởng hay không. Tuy nhiên, nếu có ai đó chợt hỏi cái này có đúng như vậy không? Thì phải tìm câu trả lời ở đâu? Và xin có ngay trên mỗi bao bì sản phẩm... tất nhiên bạn phải là người tiêu dùng thông minh. Nhưng để nhận diện các thông tin này không phải mọi người trong chúng ta đều hiểu đúng và đủ, vậy như thế nào và tại sao là Đúng và bao nhiêu là Đủ?

*Trước hết*, sản phẩm có tên cùng với nhãn hiệu hàng hóa đi kèm, như khi cầm trên tay lon nước giải khát đập vào mắt chúng ta là những *nhãn hiệu*

Coca, Pepsi hay Lavie, Vĩnh Hảo, Thạch Bích... câu chuyện này xin không đề cập ở đây. Trong thời đại CN 4.0 người ta sẽ xem *mã số mã vạch* (MSMV). Vậy MSMV là gì? MSMV bao gồm hai thành phần: Mã vạch là một dãy các vạch và khoảng trống song song xen kẽ được sắp xếp theo một quy tắc mã hóa nhất định để thể hiện mã số (hoặc các dữ liệu gồm cả chữ và số) dưới dạng máy quét có thể đọc được và bên dưới mã vạch là dãy mã số tương ứng. MSMV được in trực tiếp lên đối tượng cần quản lý như thương phẩm, vật phẩm, các thùng hàng để giao nhận/vận chuyển. Như vậy thực chất MSMV thực ra chỉ nhằm hỗ trợ công tác quản lý, kinh doanh của đơn vị sản xuất. Tất nhiên, nếu sử dụng MSMV đầy đủ đúng cách trên hàng hoá cũng sẽ mang lại nhiều lợi ích: Tăng

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

năng suất: nhanh chóng tính tiền, làm hóa đơn phục vụ khách hàng; Tiết kiệm: sử dụng ít nhân lực, tốn ít thời gian trong khâu kiểm kê, tính toán; Chính xác: nhờ mã vạch, người ta phân biệt chính xác các loại hàng hóa mà có khi bằng mắt thường ta thấy chúng rất giống nhau, tránh nhầm lẫn khi tính giá, phục vụ khách hàng tốt hơn; Người dùng thông qua mã vạch *có thể biết về* nguồn gốc sản phẩm.

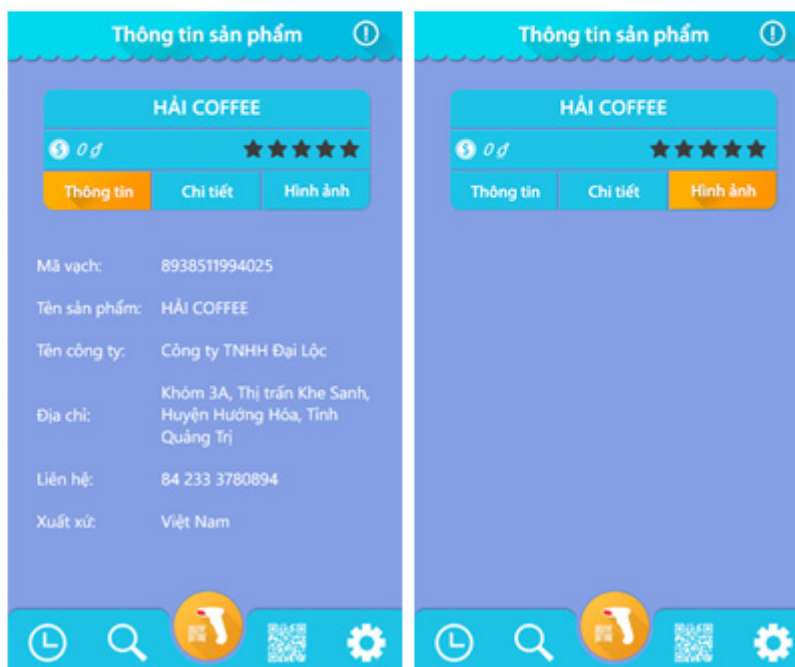
Tuy nhiên, chính người tiêu dùng và các nhà sản xuất (đơn vị đăng ký) cũng chưa chắc hiểu đúng lợi ích và sử dụng hiệu quả MSMV được đăng ký. Các đơn vị đăng ký nhiều khi đơn giản chỉ làm đẹp sản phẩm, đầy đủ trên

bao bì còn thực tế cho thấy hầu hết các chủ sở hữu chưa triển khai ứng dụng các loại mã số mã vạch trên các đơn vị giao nhận; vận chuyển; trong trao đổi dữ liệu điện tử (EDI- Electronic Data Interchange); đặc biệt trong việc phân định các bên đối tác trong giao dịch sản xuất; kinh doanh. Qua thống kê cho thấy số lượng các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mã số mã vạch chiếm tỷ lệ thấp; số lượng hàng hoá của Việt Nam sử dụng mã số mã vạch chưa nhiều.

Vậy thực chất MSMV được đăng ký để làm gì? Trước tiên đây là phương tiện chống hàng nhái, hàng giả. Thực tế chỉ đúng một phần đây chỉ là bước đầu nhận biết hàng thật, hàng giả: (i) Xem



Hình ảnh quét MSMV



Hình ảnh quét MSMV chỉ với vài thông tin (minh họa)

3 chữ số đầu tiên của mã vạch và đối chiếu với bảng hệ thống mã vạch quy chuẩn biết được xuất xứ quốc gia của mặt hàng; (ii). Sau khi biết được nguồn gốc xuất xứ, kiểm tra tính hợp lệ của mã vạch đó. Nếu kiểm tra không hợp lệ bước đầu có cơ sở để kết luận nghi ngờ đây là hàng giả, hàng nhái. Mã vạch do cơ quan có thẩm quyền cấp tương ứng với từng sản phẩm, nhìn chung là một dấu hiệu khó làm giả. Tuy nhiên không có gì tuyệt đối, trong thực tế với kỹ thuật

xuất hiện. Người dùng cứ định ninh khi quét MSMV với các thông tin đi kèm thì đây chắc chắn là hàng thật, còn người sản xuất mặc nhiên coi như phương tiện chống hàng nhái hàng giả, thậm chí chứng minh “xuất xứ nguồn gốc”.

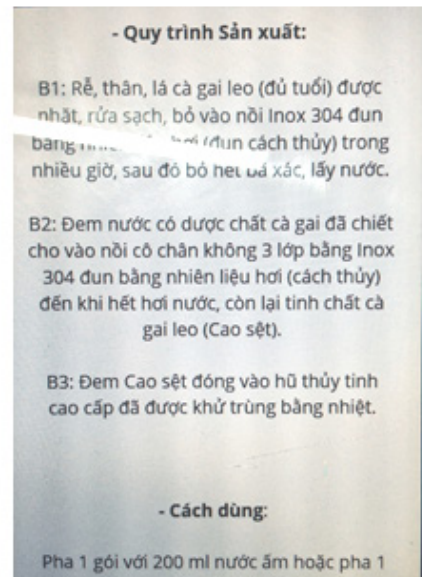
*Thứ hai:* Khi mà trên thị trường loạn các danh xưng: sản phẩm nguồn gốc tự nhiên, sản phẩm sạch, sản phẩm theo hướng hữu cơ, sản phẩm hữu cơ,... thì người dùng bắt đầu quan tâm đến “xuất xứ nguồn gốc” và thế là tiếp tục các đơn



QR Code nhưng lại là website



Thông tin QR Code của một sản phẩm (minh họa)



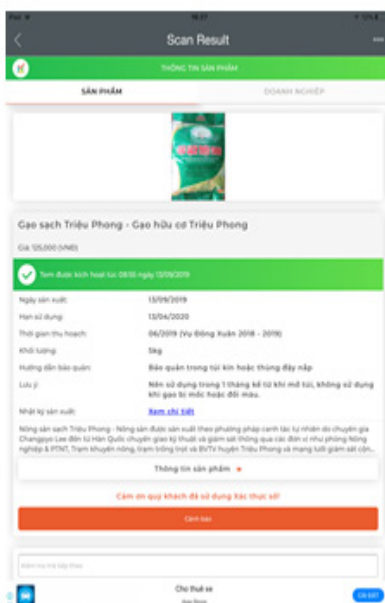
ngày càng tinh vi nhiều loại hàng hóa được làm giả, làm nhái “từ đầu đến chân” không bỏ sót một chi tiết nào thì mã vạch cũng không phải là ngoại lệ. Vậy là chỉ với một kinh phí không lớn sẽ đăng ký được MSMV và với vài thông tin về doanh nghiệp, tên sản phẩm. Thế là chủ sở hữu và cả người dùng coi đó như một “mác” chống hàng giả, thậm chí với các thông tin này để biết “xuất xứ nguồn gốc” sản phẩm.

Tiếp theo sự nhầm lẫn (có thể do không biết hoặc cố ý lợi dụng) bắt đầu

vị sản xuất chứng minh nguồn gốc của các sản phẩm để người dùng có thể nhận biết dễ dàng. Với tem truy xuất nguồn gốc (TXNG) bằng công nghệ QR Code dán trên các sản phẩm sẽ là một minh chứng sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng với các tên gọi sản phẩm sạch, hữu cơ (và cộng thêm một thương hiệu A, B nào đó nữa) khiến người dùng thông minh rất yên tâm, mà làm sao không yên tâm khi mà thời đại công nghệ tem dán lên từng sản phẩm và quét một phát có bao nhiêu thông tin.

Như vậy đó có phải là “nguồn gốc” thật “xuất xứ nguồn gốc” của sản phẩm không? Để trả lời câu hỏi này chúng ta phải biết TXNG là gì? Và mang lại lợi ích như thế nào? *Truy xuất nguồn gốc là khả năng truy nguyên được sản phẩm tại bất kỳ điểm nào của chuỗi cung ứng.* TTXNG giúp cho nhà sản xuất tự bảo vệ được sản phẩm của mình, chống hàng giả, hàng nhái; Giúp cho người mua bảo vệ được quyền lợi của mình, không phải

cả các đơn vị tham gia vào chuỗi cung ứng. Và muốn thực hiện được việc này đòi hỏi phải có *Hệ thống TXNG* có thể thực hiện bằng phương pháp thủ công như ghi chép, trao đổi dữ liệu xử lý bằng tay, hoặc cũng có thể được thực hiện tự động thông qua các công nghệ hỗ trợ như công nghệ thông tin, mã số mã vạch... để số hóa, trao đổi, truy xuất dữ liệu tự động. Và theo xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin sẽ là *Hệ thống*



*QR Code truy xuất nguồn gốc đầy đủ để tìm kiếm thông tin trong chuỗi sản xuất*



*Thông tin đơn vị sản xuất*



*Vị trí cánh tác với thông tin địa điểm vị trí, diện tích*

trả giá đắt cho những sản phẩm không đúng chất lượng; Giúp Cơ quan quản lý nhà nước quản lý và quản trị thị trường; Giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với thị trường thế giới.

*Các thông tin truy xuất* phải bao gồm: Nhà sản xuất, Quy trình kỹ thuật sản xuất, địa điểm sản xuất, quá trình vận chuyển, nhà phân phối, tên và thông tin sản phẩm, nhật ký sản xuất, các hồ sơ liên quan trong quy trình,... thông qua quá trình lưu trữ dữ liệu của tất

*TXNG điện tử* và áp dụng các công nghệ thu thập dữ liệu trên nhãn TXNG đang trở nên phổ biến. Với một quy trình quản lý chặt chẽ tất cả các thông tin liên quan để truy xuất.

Như vậy có thể khẳng định hiện nay còn có rất nhiều nhầm lẫn, TXNG không chỉ đơn thuần chứng minh nguồn gốc sản phẩm (nhận diện sản phẩm như nhiều người nhầm khi dùng MSMV) mà phải giúp truy được nguồn gốc của sản phẩm trong chuỗi giá trị từng công đoạn

(nếu sản phẩm nông sản từ khâu chuẩn bị đất, nước, phân, giống; trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản và phân phối). Và sẽ giúp người tiêu dùng truy xuất và kiểm tra được đầy đủ và chính xác nguồn gốc sản phẩm mình mua.

**Kết luận:** Để TXNG sản phẩm không chỉ đơn giản là một con tem TXNG mà nhiều người hay gọi tem QR Code với CN 4.0 mà yêu cầu sản phẩm phải có đầy đủ các *thông tin truy xuất* do nhà sản xuất thường xuyên cập nhật bởi các sản phẩm làm ra là không cố định nhất là các sản phẩm nông sản theo mùa, vụ trong năm. Thực tế hiện nay trên thị trường có rất nhiều sản phẩm có tem QR Code và các thông tin (chưa hẳn đã là thông tin truy xuất) lại luôn cố định - chỉ là nguồn gốc sản phẩm tất nhiên sẽ không thể *truy nguyên được sản phẩm tại bất kỳ điểm nào của chuỗi cung ứng*. Đó là chưa kể nhiều điều bất cập khác như việc quản lý tem (thời gian kích hoạt, thu hồi, hết hạn,...) tất cả đều không do nhà sản xuất quản lý mà do đơn vị cung cấp tem (thường sẽ in tem với các thông tin do nhà sản xuất cung cấp). Trong khi, đáng lẽ việc quản lý hệ thống TXNG phải do nhà sản xuất điều hành để thường xuyên cập nhật và quản lý số lượng cũng như loại tem (được kích hoạt, hết hạn, hoặc thu hồi) và biết được số lượng đã xuất số lượng đã bán,... Từ đó dẫn đến nhiều câu chuyện dở khóc dở cười như: Do xuất bán quá nhiều nhà sản xuất không kịp báo đơn vị cung cấp tem kích hoạt, thế là con tem vô tình biến thành tem giả vì không có một thông tin nào về sản phẩm; hay khi mua hàng về bán lẻ đã nhận (hay mua) tem để... dán vào từng sản phẩm; thậm chí do việc sử dụng con tem để đánh lừa nên người ta đã làm giả, in thêm tem (vì hành bán chạy qua thiếu tem)... để

dán lên, thế là có TXNG rồi!!! Trong khi thực chất TXNG không phải nội dung ở con tem mà là cả một hệ thống thông tin TXNG hỗ trợ. Vậy là vô tình hay cố tình tem TXNG này rút cục chỉ là cái *bình mới* trong nội dung đều cũ và không đầy cũng chưa đủ. Vấn đề TXNG mấu chốt chính là độ tin cậy tại từng điểm truy xuất, tức các bên tham gia trong các bước sản xuất nông sản (từ vùng nguyên liệu, sơ chế, thu mua, chế biến, đóng gói, lưu trữ, bán hàng.v.v) đều phải nhập thông tin chính xác và có sự giám sát của một bộ phận thuộc nhà sản xuất. Vậy rút cục vẫn cần có một Hệ thống TXNG với sự hỗ trợ của công nghệ thực hiện theo các quy trình, tuân thủ quản lý từng khâu trong chuỗi cung ứng và nhà sản xuất luôn thường xuyên thực hiện đúng và đủ các nội dung để có các *thông tin truy xuất* chính xác kịp thời. Và cuối cùng con người thực hiện vẫn quyết định tất cả: Người thực hiện phải đáp ứng đòi hỏi của công nghệ, tuân thủ các yêu cầu của cả quá trình; Người tiêu dùng cũng không thể không “thông minh” để nhận diện sản phẩm và nhận biết nguồn gốc thật sự của các sản phẩm mình đang cần và khi đó truy xuất nguồn gốc cũng còn giúp phát hiện ra thực phẩm bản, hàng giả, hàng kém chất lượng để bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp tốt hơn.

P.T.A

# Những điểm cần lưu ý trong quản lý và phát triển sau bảo hộ thành công nhãn hiệu

Hồ Bảo Quốc

Phòng Quản lý công nghệ và Sở hữu trí tuệ

*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển nền kinh tế, văn hóa, xã hội trở thành điều kiện tiên quyết trong hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Các sản phẩm sau khi được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đã có những thay đổi tích cực về thương hiệu và giá trị, nâng cao uy tín, danh tiếng sản phẩm. Vì thế, công tác quản lý và phát triển sau bảo hộ thành công nhãn hiệu là hết sức quan trọng, cần được quan tâm thực hiện.*

Trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường hiện nay, việc bảo hộ nhãn hiệu cho sản phẩm, dịch vụ là yếu tố quan trọng để giúp các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển sản phẩm, dịch vụ một cách bền vững và đảm bảo quyền sở hữu đối với sản phẩm, dịch vụ của mình. Việc bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm đã tạo dựng được niềm tin cho người tiêu dùng và sự yên tâm cho người sản xuất, bởi khi sản phẩm có nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được công khai trên diện rộng sẽ dễ bán và có giá cao hơn so với các sản phẩm cùng loại. Các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận được bảo hộ phải tuân thủ theo một quy trình gắn nhãn mác, bao bì chặt chẽ, bảo đảm việc truy xuất nguồn gốc, đồng thời phải đáp ứng những tiêu chí nhất định trong quy trình sản xuất, từ đó luôn bảo đảm chất lượng và gia tăng số lượng hàng tiêu thụ.

Tại Quảng Trị, những năm gần đây, nhiều chủ trương chính sách về phát triển khoa học và công nghệ trong đó có lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT) đã được ban hành để thúc đẩy hơn nữa hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh. Việc xây dựng, bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm địa phương trên địa bàn tỉnh được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: chú trọng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đa dạng, phong phú để phù hợp với từng đối tượng cụ thể như tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị tập huấn, phát hành tài liệu, sách, báo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng báo, đài, internet,... Có thể nói hoạt động quản lý và phát triển sản phẩm sau bảo hộ trên địa bàn tỉnh đã có những kết quả khả quan. Điều này có thể thấy rõ thông qua số lượng sản phẩm được bảo hộ nhãn hiệu ngày càng tăng, khẳng định công cụ sở hữu



trí tuệ này đã góp phần nâng cao giá trị, tính cạnh tranh của sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp. Đến nay, toàn tỉnh Quảng Trị có 489 đơn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp, trong đó, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp 247 văn bằng bảo hộ. Đặc biệt nhiều sản phẩm thế mạnh của tỉnh đã được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể, có thể kể đến như: 1 chỉ dẫn địa lý (Tiêu Quảng Trị); 5 nhãn hiệu chứng

quảng bá, đã được biết đến rộng rãi ở thị trường trong và ngoài nước, tác động mạnh mẽ đến giá trị và uy tín của sản phẩm, giá bán của các sản phẩm có xu hướng tăng. Điển hình như: Sản phẩm Cam K4 Hải Phú được canh tác theo hướng cam sạch, hữu cơ có giá bán cao hơn giá cam sản xuất bình thường khoảng 5.000 - 10.000 đồng/kg. Các sản phẩm được bảo hộ thương hiệu cũng là một trong những điều kiện thúc đẩy xuất



*Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Tiêu Quảng Trị” được trồng theo quy trình hữu cơ bên cạnh xuất khẩu sang các thị trường truyền thống đã xuất khẩu sang được các thị trường khó tính như châu Âu và Mỹ. Ảnh: Hải Yến*

nhận (Nước mắm Mỹ Thủy, Nước mắm Cửa Việt, Nước mắm Cồn Cỏ, Rau an toàn Đông Hà, Gạo sạch Triệu Phong); 26 nhãn hiệu tập thể (cà phê Khe sanh, Gạo Hải Lăng, Cam K4 Hải Phú, Chuối Hướng Hóa, Rượu men lá Ba Nang...).

Thực tế chứng minh, một số sản phẩm của tỉnh Quảng Trị sau khi đăng ký quyền bảo hộ SHTT đã có những thay đổi tích cực về thương hiệu và giá trị, nâng cao uy tín, danh tiếng sản phẩm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền,

khẩu sản phẩm ra nước ngoài. Tiêu biểu như sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Tiêu Quảng Trị” được trồng theo quy trình hữu cơ bên cạnh xuất khẩu sang các thị trường truyền thống đã xuất khẩu sang được các thị trường khó tính như châu Âu và Mỹ; Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Gạo sạch Triệu Phong” sản xuất theo phương thức canh tác tự nhiên bắt đầu được đưa vào hệ thống siêu thị Coop.mart, hệ thống cửa hàng Bác Tôm và các kênh phân phối khác ở

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội và nhiều tỉnh, thành khu vực miền Trung.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong thời gian vừa qua, cũng cần mạnh dạn thừa nhận rằng công tác quản lý và phát triển sau bảo hộ thành công nhãn hiệu còn một số vấn đề khó khăn. Vai trò của tổ chức, tập thể trong việc kiểm soát, quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đã được bảo hộ trong nhiều trường hợp chưa

kết vì mục tiêu chung bền vững... chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường, đặc biệt là thị trường nước ngoài, đây chính là điểm hạn chế trong việc khai thác, phát huy tài sản trí tuệ đã được bảo hộ. Nhận thức của doanh nghiệp và người dân trên địa bàn trong vấn đề bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ còn hạn chế, do thông thường các sản phẩm được bảo hộ thường chưa mang lại hiệu quả kinh tế ngay, mà đòi hỏi cần



*Sản phẩm sản xuất theo phương thức canh tác tự nhiên “Gạo sạch Triệu Phong” được người tiêu dùng rất quan tâm. <http://nongsansachtrieuphong.com.vn/>*

phát huy hiệu quả. Trong quá trình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các loại hình chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể thì việc thành lập các tổ chức tập thể là một quy định bắt buộc và tổ chức này có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì chất lượng sản phẩm và phát triển danh tiếng, uy tín của sản phẩm được bảo hộ nhưng trên thực tế vai trò của các tổ chức tập thể này còn mờ nhạt do các yếu tố về con người, kinh phí hoạt động, sự đoàn

phải có sự tiếp tục đầu tư về kinh phí và thời gian nhất định. Việc sản xuất các sản phẩm đặc sản của địa phương hiện nay chủ yếu theo hình thức đơn lẻ, manh mún và tự phát, những vùng sản xuất tập trung thì lại chưa tạo được thói quen tuân thủ theo quy trình nhằm đảm bảo và duy trì sự đồng đều về chất lượng của sản phẩm; năng lực, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế, sự liên kết giữa chính quyền, người dân và

doanh nghiệp chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng trong nhiều trường hợp các sản phẩm phát triển một cách tự phát, thiếu sự quản lý chặt chẽ của các ngành, các cấp làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm,...

Từ thực tiễn đặt ra, trong thời gian tới để công tác quản lý, phát triển, khai thác giá trị các sản phẩm sau bảo hộ tốt hơn cần tập trung vào một số nội dung sau:

1. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý đối với từng nhãn hiệu, thành lập ban kiểm soát hoạt động, các bộ phận chuyên môn giúp việc chủ sở hữu, hoàn chỉnh Quy chế quản lý, sử dụng nhãn hiệu, xây dựng và ban hành các văn bản khác quy định cụ thể về công tác quản lý. Cụ thể là quy trình trao và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu; quy trình sử dụng kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu; các quy trình kiểm soát và quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh; quy trình truy xuất nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm... Cần tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cho các nhà sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về nhãn hiệu; phương thức và các quy định quản lý, sử dụng nhãn hiệu. Tổ chức trao quyền sử dụng nhãn hiệu cho các tổ chức/cá nhân có nhu cầu và thỏa mãn các tiêu chí quy định. Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị của UBND tỉnh.

2. Phát triển sản phẩm. Đó là đẩy mạnh các hoạt động liên kết sản xuất, để phát triển giá trị sản phẩm hàng hóa theo chuỗi, nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của sản phẩm. Ứng dụng KH&CN nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn giữ được những

giá trị đặc trưng, truyền thống của sản phẩm. Tăng cường xúc tiến thương mại để thu hút các nhà đầu tư có năng lực tham gia đầu tư phát triển sản phẩm. Tổ chức giám sát việc tuân thủ Quy chế sử dụng nhãn hiệu, kiểm tra quy trình sản xuất, kinh doanh; kiểm tra hàng hóa, dịch vụ lưu thông trên thị trường để đảm bảo sản phẩm cung ứng đến người tiêu dùng đạt chất lượng cao nhất.

3. Xây dựng hệ thống phương tiện quảng bá và khai thác giá trị nhãn hiệu. Tổ chức việc thiết kế và phát hành các tài liệu giới thiệu hàng hóa, dịch vụ, biểu tượng, hệ thống tem nhãn sử dụng cho nhãn hiệu (tem truy xuất nguồn gốc, nhãn hàng hóa, tờ rơi, poster, biển hiệu quảng cáo...) với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Triển khai các hoạt động quảng bá nhãn hiệu bằng nhiều hình thức nhằm giới thiệu hàng hóa, dịch vụ đến đông đảo người tiêu dùng.

Có thể nói, việc sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ để nâng cao giá trị cho các sản phẩm trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm. Tuy nhiên, cần chú trọng hơn nữa đối với công tác quản lý và phát triển sau bảo hộ thành công nhãn hiệu. Cần có sự phối hợp, tham gia tích cực của các cấp, các ngành có liên quan, nâng cao vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng người dân vùng sản xuất sản phẩm và có lộ trình phù hợp cho các sản phẩm phát triển một cách bền vững./.

H.B.Q

# Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị

Nguyễn Trí Ánh

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị

*Thấu suốt quan điểm “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”<sup>1</sup>, Quảng Trị cùng cả nước đã, đang và sẽ hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng. Trong quá trình đó, con người là nhân tố quyết định; phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị là việc làm có ý nghĩa quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Chính vì vậy, ngày 15/02/2017, tại buổi làm việc với lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã yêu cầu: Trên cơ sở các yếu tố về văn hóa, lịch sử, con người Quảng Trị, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ động nghiên cứu đề tài khoa học “Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển” để sớm triển khai trong thực tiễn nhằm phát huy sức mạnh “mềm” - giải pháp quan trọng, động lực thúc đẩy quá trình phát triển của tỉnh. Theo tinh thần đó, ngày 27/9/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2225/QĐ-UBND, phê duyệt đề tài<sup>2</sup> với thời gian thực hiện 24 tháng.*

Sau hơn hai năm nghiên cứu, mặc dù là một đề tài khó; đề cập đến một vấn đề vừa trừu tượng vừa bao quát; tính xuyên suốt từ cổ tới kim... lại có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa đồng nhất; hơn nữa khi muốn nắm bắt, nghiên cứu về một đối tượng của đề tài (cụ thể là một phẩm chất nào đó) thì phải dùng phương pháp logic biện chứng, tổng hợp liên ngành để phân tích, bóc tách các cơ tầng lịch sử - văn hóa từ khi hình thành, vận động phát triển để cuối cùng là kết tinh thành phẩm chất đặc trưng tiêu biểu của con người Quảng Trị. Nhưng, Ban Nghiên cứu đề tài Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị đã có cách tiếp cận, bám sát vào mục tiêu, tiêu chí của đề tài; dùng phương pháp tổng hợp, phân tích, biết giới hạn đối tượng

và phạm vi nghiên cứu... Chính vì vậy, hầu hết các thành viên Hội đồng nghiệm thu<sup>3</sup> đều thống nhất đánh giá: Công trình khoa học được đầu tư công phu, bài bản từ việc xác định đề tài, mục đích cần đạt được, quá trình xây dựng đề cương, sưu tầm tài liệu, viện dẫn các luận cứ khoa học, hệ thống các vấn đề có liên quan để đưa ra những kiến giải, đúc kết có tính thuyết phục cao, có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Đề tài góp phần giải quyết một nhiệm vụ bức thiết, cấp bách đối với đất nước nói chung và Quảng Trị nói riêng trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Hành trình nghiên cứu tuy khó khăn, vất vả cũng đã khép lại, nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị được

phát huy, các tính cách còn hạn chế phải khắc phục trong thời kỳ mới; đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống cũng không kém phần gian nan.

Chúng ta biết rằng, văn hóa và con người đang được các quốc gia trên thế giới coi là nguồn nội lực quan trọng của chiến lược phát triển bền vững. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển*”<sup>4</sup>; “*Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có con người xã hội chủ*

vụ Tỉnh ủy HĐND, UBND tỉnh tuy không ban hành các nghị quyết chuyên đề về vấn đề trên nhưng trong nhiều văn bản, nhất là các văn bản liên quan đến lĩnh vực: Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa... đã đề cập, nhấn mạnh các chỉ tiêu, giải pháp phát triển nguồn lực con người. Các văn bản trên đã tạo cơ chế, hành lang, định hướng, cũng như góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa, chăm lo phát triển nguồn nhân lực.

Lần này, khi xác định tính thực



*Nghiệm thu đề tài KHCN cấp tỉnh: “Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển”. Ảnh: Hải Yến*

nghĩa”<sup>5</sup>. Thấu suốt quan điểm này, Đảng bộ Quảng Trị trong quá trình lãnh đạo xã hội, đặc biệt trong hơn 30 năm lập lại tỉnh đã rất quan tâm đến vấn đề văn hóa và con người, coi đây là sức mạnh “*mềm*”, động lực của sự phát triển. Vì vậy, đã ban hành khá đồng bộ hệ thống văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực văn hóa - xã hội nói chung, xây dựng con người nói riêng<sup>6</sup>. Để cụ thể hóa các chủ trương của BCH Đảng bộ, Ban Thường

tiên của đề tài, Ban Nghiên cứu đã đề ra 6 giải pháp chính<sup>7</sup>, trong đó giải pháp về sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp có ý nghĩa quyết định; bởi mấy lý do sau đây: *Một là*, thời gian qua mặc dù Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết, chương trình hành động, chỉ thị, kết luận liên quan đến lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa, con người khá đầy đủ nhưng công tác tổ chức thực hiện chưa quyết liệt, vì vậy

việc phát huy những phẩm chất tốt đẹp trong hành trình phát triển kết quả đạt được còn mức độ. *Hai là*, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã, đang và sẽ tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; vừa mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Vì vậy, để chủ động nắm bắt cơ hội, hạn chế thách thức... nhằm phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ Tổ quốc; xây dựng đảng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy là yếu tố quyết định đến việc phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập.

Với 3 lý do cơ bản đó, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy từ kết quả nghiên cứu đề tài khoa học *“Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển”*, sẽ tiến hành một số công việc sau đây:

1. Báo cáo với Ban Thường vụ



*Hội thảo khoa học báo cáo kết quả thực hiện đề tài “Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển”. Ảnh: Baoquangtri.vn*

và hệ thống chính trị vững mạnh, *“Phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước vào năm 2025; nằm trong nhóm 30 tỉnh thuộc tốp đầu của cả nước vào năm 2030”*<sup>8</sup> thì nhân tố con người có vai trò quyết định. *Ba là*, kết quả điều tra xã hội học của Ban Nghiên cứu đề tài có 86,2% đồng ý *“Cấp ủy Đảng cần ban hành Nghị quyết chuyên đề”*. Như vậy, có thể nói cả về lý luận và thực tiễn đều khẳng định sự lãnh đạo của Đảng bộ,

Tỉnh ủy kết quả thực hiện đề tài khoa học *“Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển”* theo Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đề xin ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành văn bản lãnh đạo các huyện, thị, thành ủy; đảng ủy trực thuộc; các sở, ban ngành; Mặt trận TQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng và*

*phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị thời kỳ hội nhập và phát triển”.*

Nội dung văn bản dự kiến đề cập các nội dung chính sau: Điểm lại những giá trị, hệ giá trị của những phẩm chất tốt đẹp con người Quảng Trị trong lịch sử phát triển của tỉnh, đặc biệt sau hơn 30 năm lập lại tỉnh; khẳng định những giá trị đó đã góp phần quan trọng để Quảng Trị từng bước đổi mới và phát

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của Mặt trận TQVN và các đoàn thể chính trị- xã hội trong việc xây dựng con người Quảng Trị đáp ứng tình hình mới; Nhóm giải pháp thứ hai là trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài những phẩm chất cần có của từng đối tượng đã được “định vị” (cán bộ, công chức; cán bộ quản lý; trí thức, doanh nhân; thanh niên; phụ nữ, nông dân...) các cấp, các



*Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Quảng Trị lần thứ V, giai đoạn 2020-2025.  
Ảnh: Quangtriv.vn*

triển; Bước vào thời kỳ mới, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đặt ra cho con người Quảng Trị cần hội tụ những phẩm chất gì? Phẩm chất nào đã có cần phải phát huy? Phẩm chất nào cần phải xây dựng? Tính cách hạn chế nào cần phải kiên quyết khắc phục...

Về các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, dự kiến sẽ có các nhóm giải pháp sau đây: Nhóm giải pháp thứ nhất là:

ngành cần cụ thể hóa các phẩm chất, chuẩn mực của cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động... phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu công tác của từng ngành, từng cấp, cơ quan, đơn vị để xác định những chuẩn mực, phẩm chất, tính cách của các thành viên trong tổ chức phù hợp xu thế hội nhập, vừa phát huy, khẳng định, củng cố những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị. Và nhóm giải pháp thứ ba: Những biện pháp kiểm tra, giám sát, sơ kết,

nhân rộng việc thực hiện những chuẩn mực, góp phần khẳng định, bổ sung những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ mới.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đang mở ra nhiều cơ hội và nhưng cũng không ít thách thức. Hành trang để đi tới đích “Phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước vào năm 2025; nằm trong nhóm 30 tỉnh thuộc top đầu của cả nước vào năm 2030” ; ngoài việc thấu suốt các quan điểm phát triển, thiết nghĩ một trong những nhiệm vụ xuyên suốt cả nhiệm kỳ đó là: *“Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật. Quan tâm xây dựng đạo đức trong gia đình, trường học và xã hội nhất là thế hệ trẻ. Tạo điều kiện nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân”*<sup>9</sup>.

Với bề dày truyền thống văn hóa, lịch sử; khát vọng phát triển, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Trị sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu; nắm bắt, tận dụng thời cơ, hạn chế thách thức; khai thác tốt tiềm năng lợi thế; trong đó có việc phát huy sức mạnh “mềm” của văn hóa và con người Quảng Trị, biến quyết tâm chính trị thành hiện thực cuộc sống; xây dựng Quảng Trị ngày càng phát triển, giàu đẹp.

N.T.A

## CHÚ THÍCH

<sup>1</sup>Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội.

<sup>2</sup> Chuyên đề 1: Con người- Những quan điểm trước Mác và của chủ nghĩa Mác- Lênin; chuyên đề 2: Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về con người; chuyên đề 3: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành phẩm chất truyền thống của con

người Quảng Trị; chuyên đề 4: Một số phẩm chất của con người Quảng Trị qua các nhân vật lịch sử tiêu biểu và văn học dân gian; chuyên đề 5:Những phẩm chất truyền thống của con người Quảng Trị và một số tính cách cần khắc phục; chuyên đề 6: Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế và tác động của hội nhập quốc tế đến tính cách con người Việt Nam; Chuyên đề 7: Những tính cách, phẩm chất cần có của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển và chuyên đề 8: Giải pháp phát huy, phát triển phẩm chất tốt đẹp của người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập.

<sup>3</sup> Hội đồng đánh giá nghiệm thu được thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-SKHCN, ngày 31/8/2020, của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; họp ngày 09/9/2020

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh, (2000) toàn tập, tập 5, Nxb CTQG

<sup>6</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: Kế hoạch số 06-KH/TU, ngày 30/9/1998 thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Chương trình hành động số 54- CTHĐ/TU, ngày 28/12/2004 thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ X, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII); Chương trình hành động số 100-CTHĐ/TU ngày 16/10/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”;

<sup>7</sup> Giải pháp về sự lãnh đạo của Đảng và sự vào cuộc của hệ thống chính trị; Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức; Giải pháp về xây dựng môi trường văn hóa; Giải pháp về cơ chế chính sách; Giải pháp phát huy tiềm lực con người Quảng Trị ở các tỉnh thành trong nước, người Quảng Trị ở nước ngoài; và giải pháp tập trung nguồn lực để xây dựng con người Quảng Trị có chuyên môn cao, khả năng thích nghi nhanh và kỹ năng lao động giỏi.

<sup>8</sup> Dự thảo Văn kiện của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVI trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

<sup>9</sup> Dự thảo Văn kiện của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVI trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.



# Ứng dụng kỹ thuật phân lớp dữ liệu bằng cây quyết định trong phân tích, dự đoán kết quả học tập sinh viên trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị

Nguyễn Phong, Nguyễn Thị Ánh Dương,  
Nguyễn Thị Thu Sang, Nguyễn Thị Việt Khuê  
Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị

*Khai phá nhằm phát hiện tri thức từ dữ liệu hiện đã được nghiên cứu và ứng dụng trên nhiều lĩnh vực khác nhau và đã có nhiều kết quả cho các vấn đề nghiên cứu này [2, 6, 10]. Tuy vậy, tại trường CĐSP Quảng Trị, trong điều kiện hiện nay, nhà trường mới chỉ đầu tư, sử dụng các phần mềm ứng dụng cho công tác quản lý và thống kê thông thường, mà chưa có các nghiên cứu để xây dựng các phần mềm dự báo kết quả học tập sinh viên qua đó có những cảnh báo trong học tập giúp cho sinh viên có những chiến lược học tập tốt hơn. Bên cạnh đó, việc tư vấn học tập, tư vấn chọn ngành nghề phù hợp với từng đối tượng học sinh – sinh viên là vấn đề cần và bức thiết đối với nhà trường và xã hội. Trong khuôn khổ bài báo này nhóm tác giả giới thiệu về kỹ thuật phân lớp trong khai phá tri thức và ứng dụng kỹ thuật phân lớp dữ liệu bằng cây quyết định trong phân tích, dự đoán kết quả học tập cho sinh viên trường CĐSP Quảng Trị.*

## 1. Phân lớp dữ liệu

Phân lớp (classification) được biết như là tiến trình đi tìm những đặc tính của đối tượng nhằm mô tả một cách rõ ràng phạm trù mà các đối tượng đó thuộc về, trong đó các thành viên trong một lớp được thừa nhận thuộc về các lớp đã định nghĩa trước và quyết định bởi một thuộc tính gọi là thuộc tính nhãn lớp.

Trong khoa học máy tính, sự phân lớp xuất phát từ bản chất của việc “học”: học đòi hỏi phải khái quát hoá (thông qua việc qui nạp) những kinh nghiệm (thể hiện bằng các mẫu dữ liệu), hiệu năng cần phải được cải thiện không chỉ

trên việc lặp lại trên cùng nhiệm vụ, mà còn trên những nhiệm vụ tương tự khác trên lĩnh vực đó.

Quá trình phân lớp dữ liệu gồm hai bước: Bước học (giai đoạn huấn luyện): xây dựng bộ phận lớp (classifier) bằng việc phân tích/học tập huấn luyện; Bước phân lớp (classification): phân lớp dữ liệu/đối tượng mới nếu độ chính xác của bộ phân lớp được đánh giá là có thể chấp nhận được (acceptable)

## 2. Phân lớp dữ liệu bằng cây quyết định

Một cây quyết định (decision tree) là một đồ thị của các quyết định. Cây quyết định được sử dụng để xây dựng

một kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu mong muốn. Các cây quyết định được dùng để hỗ trợ quá trình ra quyết định. Cây quyết định là một dạng đặc biệt của cấu trúc cây. Cây quyết định là cấu trúc biểu diễn dưới dạng cây, bao gồm các nút và các nhánh: Nhánh (branch): biểu diễn giá trị có thể có của thuộc tính; Nút (node): mỗi nút mạng một thuộc tính bao gồm 3 loại: Nút gốc (root node) là đỉnh trên của cây, Nút lá (leaf node) là nút ngoài cùng, mang thuộc tính phân lớp. Nút trong (internal node) là các nút còn lại, mang thuộc tính phân loại.

### **3. Phân lớp dữ liệu sinh viên Trường CĐSP Quảng Trị bằng cây quyết định thông qua công cụ Business intelligence Development studio**

#### **3.1. Phân tích trực tuyến (OLAP)**

OLAP là một kỹ thuật sử dụng các thể hiện dữ liệu đa chiều gọi là các khối (cube) nhằm cung cấp khả năng truy xuất nhanh đến kho dữ liệu. Để phân tích OLAP trước hết cần tạo khối (cube) cho dữ liệu trong các bảng chiều (dimension table) và bảng sự kiện (fact table) trong kho dữ liệu và cung cấp khả năng thực hiện các truy vấn tinh vi và phân tích cho các ứng dụng client.

Trong khi kho dữ liệu và data mart lưu trữ dữ liệu cho phân tích, thì OLAP là kỹ thuật cho phép các ứng dụng client truy xuất hiệu quả dữ liệu này. OLAP cung cấp nhiều lợi ích cho người phân tích, ví dụ như: cung cấp mô hình dữ liệu đa chiều trực quan cho phép dễ dàng lựa chọn, định hướng và khám phá dữ liệu. OLAP cung cấp một ngôn ngữ truy vấn phân tích, cung cấp sức mạnh để khám phá các mối quan hệ trong dữ liệu kinh doanh phức tạp. Dữ liệu được tính toán trước đối với các truy vấn thường xuyên làm cho thời gian trả lời rất nhanh đối với các truy vấn đặc biệt. Cung cấp

các công cụ mạnh giúp người dùng tạo các khung nhìn mới của dữ liệu dựa trên một tập các hàm tính toán đặc biệt.

OLAP được đặt ra để xử lý các truy vấn liên quan đến lượng dữ liệu rất lớn mà nếu cho thực thi các truy vấn này trong hệ thống OLTP sẽ không thể cho kết quả hoặc sẽ mất rất nhiều thời gian.

#### **3.2. Công cụ BI trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL**

Business Intelligent (BI) là qui trình và công nghệ mà các doanh nghiệp dùng để kiểm soát khối lượng dữ liệu khổng lồ, khai phá tri thức giúp cho các doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh của mình. Công nghệ BI (BI technology) cung cấp một cách nhìn toàn cảnh hoạt động của doanh nghiệp từ quá khứ, hiện tại và các dự đoán tương lai. Mục đích của BI là hỗ trợ cho doanh nghiệp ra quyết định tốt hơn. Vì vậy một hệ thống BI (BI system) còn được gọi là hệ thống hỗ trợ ra quyết định (Decision Support System -DSS)

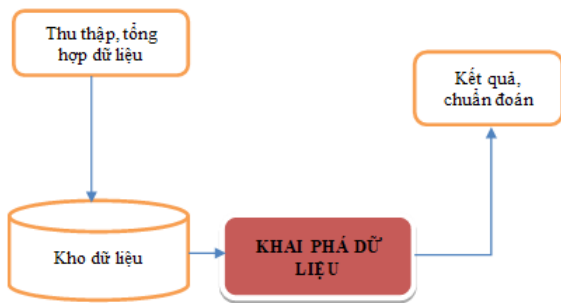
Dịch vụ phân tích BIDS là công cụ cho phép tổ chức quản lý và khai thác kho dữ liệu (Xử lý phân tích trực tuyến) cũng như xây dựng các mô hình khai phá dữ liệu để sử dụng và hiệu quả của Microsoft, BIDS cho phép triển khai các mô hình khai phá dữ liệu sau: Microsoft Decision Tree (Cây quyết định); Microsoft Clustering (Phân cụm); Microsoft Naive Bayes (Phân lớp với Bayes Rules); Microsoft Time Series (Chuỗi thời gian); Microsoft Association (Luật kết hợp); Microsoft Sequence Clustering (Phân tích chuỗi); Microsoft Neural Network (Mạng Neural); Microsoft Linear Regression (Hồi qui tuyến tính); Microsoft Logistics Regression (Hồi qui logistics)

Dịch vụ phân tích của BI chứa các tính năng và công cụ cần thiết để tạo lập

các giải pháp khai phá phức tạp. Khai phá dữ liệu giúp chúng ta tạo lập các quyết định thông minh về các vấn đề khó khăn của doanh nghiệp. Sử dụng các công cụ khai phá dữ liệu trong dịch vụ phân tích giúp chúng ta nhận ra các mẫu trong dữ liệu, do đó xác định được tại sao lại xảy ra vấn đề đó, cho phép tạo ra các luật và kiến nghị, để có thể dự báo điều gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Quy trình xây dựng mô hình khai phá dữ liệu với BIDS như sau: (1) Tạo mới 1 project (Analysis Services Project); (2) Tạo một Data Source; (3) Tạo một Data Source View; (4) Tạo một Mining model structure; (5) Tạo các Mining models. (6) Khai thác Mining models; (7) Kiểm tra độ chính xác của Mining Models; (8) Sử dụng Mining Models để dự đoán;

**Mô hình cấu trúc hệ thống**



Hình 1. Mô hình cấu trúc hệ thống

**3.3. Thực nghiệm**

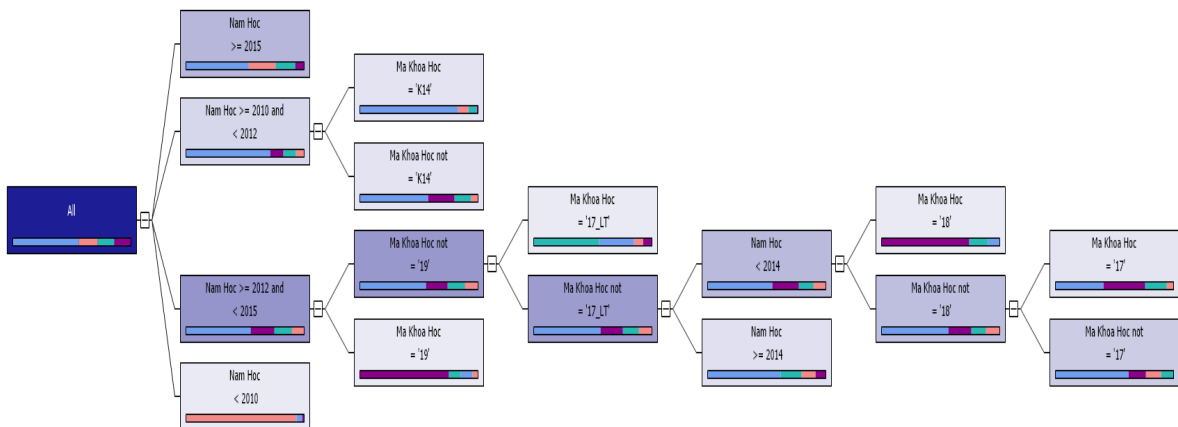
Thực hiện khai phá dữ liệu với BIDS được tích hợp vào phần mềm Microsoft Visual Studio 2013 kết quả bài toán thu được mô hình cây quyết định của Kết quả rèn luyện theo năm học; cây quyết định của Kết quả học tập sinh viên theo năm học và cây quyết định Kết quả tốt nghiệp của sinh viên

Độ chính xác của Mining Models của cả 3 kết quả phân tích bằng cây quyết định là 61.00% (Kết quả xếp rèn luyện sinh viên theo năm); 45.8% (Kết quả học tập sinh viên theo năm học); 54.63% (kết quả xếp loại tốt nghiệp theo năm).

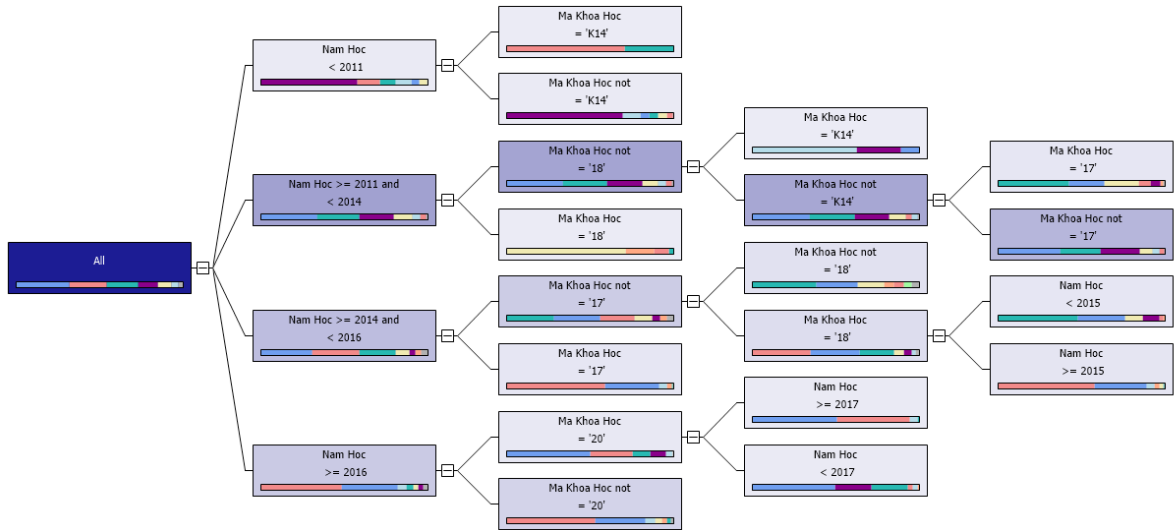
Từ mô hình của hệ thống, BIDS đã cho kết quả chẩn đoán kết như sau:

Từ dữ liệu kết quả học tập sinh viên theo năm học cho thấy sinh viên 180000017 ở lớp 21.18.01 đạt điểm C dự đoán về học lực của sinh viên là 55.95% (Expression), nhưng sinh viên 180000027 ở lớp 21.18.01 khả năng bị điểm F là rất cao 70.29%, so với kết quả thực tế ta thấy đúng với kết quả đạt của sinh viên. Ta sẽ sử dụng kết quả này để kiểm soát tình hình học tập của sinh viên, đồng thời định hướng học tập cho sinh viên.

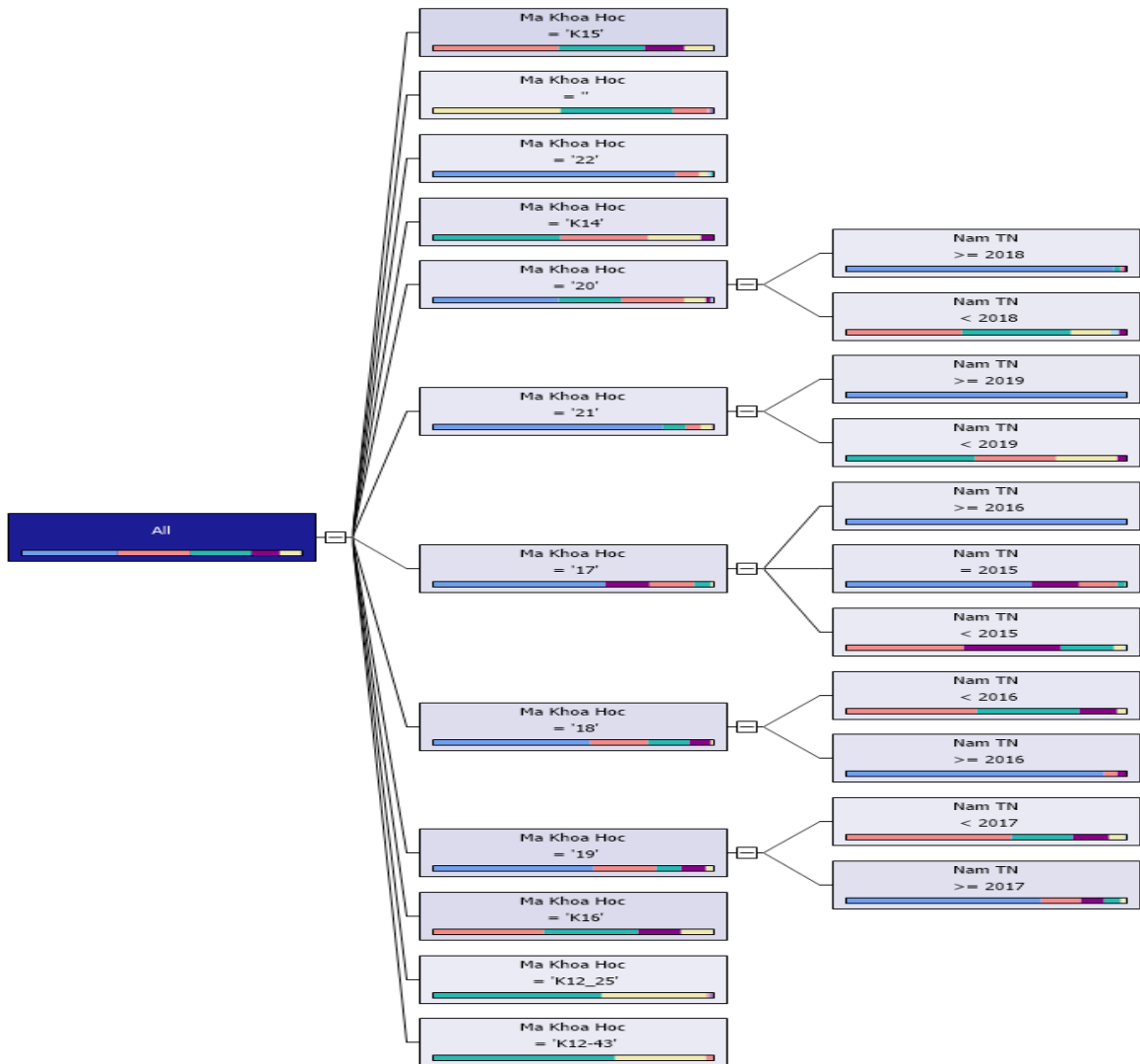
Từ những dự đoán kết quả học tập này bộ phận cố vấn học tập cần có



Hình 2 Mô hình cây quyết định theo xếp loại rèn luyện sinh viên



Hình 3. Cây quyết định kết quả học tập của sinh viên



Hình 4. Kết quả tạo cây quyết định kết quả tốt nghiệp sinh viên

những tư vấn cho sinh viên cần tránh những điểm liệt (điểm F) vì khả năng điểm sinh viên đạt điểm cao là rất thấp nếu không tập trung vào việc học tập của mình. Sinh viên cần có những chiến lược học tập cụ thể.

#### 4. Kết luận

Bằng những thực nghiệm của mình tác giả sử dụng công cụ Microsoft Business Intelligent Development Studio, để thử nghiệm với 3 thuật toán Decision Tree, Neural Network và NaiveBayes. Sau đó dùng biểu đồ Lift Chart để kiểm tra độ chính xác của mỗi mô hình. Kết quả cho thấy mô hình cây quyết định đã lựa chọn để xây dựng với khả năng đạt được mục tiêu cao hơn. Chính vì thế mô hình thuật toán cây quyết định được lựa chọn để dự đoán kết quả học tập của sinh viên là hoàn toàn hợp lý trên cả phương diện lý luận và thực nghiệm.

Như vậy bài toán phân tích kết quả học tập và rèn luyện thực hiện khai phá dữ liệu bằng kỹ thuật cây quyết định với tập dữ liệu gồm thông tin của học sinh, sinh viên toàn trường là vô cùng hữu ích cho những giảng viên cố vấn học tập, các phòng, khoa chuyên môn có liên quan và sinh viên. Từ đó nhà trường có biện pháp giúp các em có những chiến lược và phương pháp học tập phù hợp để cải thiện và nâng cao thành tích học tập. Đặc biệt là việc tổ chức các câu lạc bộ, đội nhóm, các hội nghị trao đổi học tập nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ học tập giữa các sinh viên, các khoá và các năm học từ đó nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên trong toàn trường.

N.P, N.T.A.D, N.T.T.S, N.T.V.K

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đỗ Phúc, Hoàng Kiếm, 2010, "Triển khai ứng dụng khai phá dữ liệu vào một số cơ sở dữ liệu trong trường học". Kỷ yếu hội nghị tin học toàn quốc, ngày 14 - 15 tháng 1 năm 2010, Hà Nội.

[2]. Lê Văn Tường Lân, Nguyễn Mậu Hân, Nguyễn Công Hào, "Một thuật toán học tạo cây quyết định cho bài toán phân lớp dữ liệu", Tạp chí khoa học Đại học Huế, tập 81, số 3, trang 71-84, 2013.

[3]. Trần Hùng Cường, Ngô Đức Vĩnh, "Tổng quan về phát hiện tri thức và khai phá dữ liệu", Tạp chí khoa học, số 5, 2011

[4]. Berson a., Smith S. J., *Data Warehousing, Data Mining Application for CRM*, McGraw-Hill, 1997.

[5]. Burosch G., Demetrovics J., Katona G. O. H. *The poset of closures as a model of changing databases*, Oder 4, pp.127-142, 1987.

[6]. Huang J., Ertekin S., Song Y., Zha H., Giles C. L., *Efficient Multiclass Boosting Classification with Active Learning*, Seventh SIAM International Conference, Minnesota University, America, 2007.

[7]. Jiawei Han, Micheline Kamber, *Data Mining Concepts and techniques*, Second Edition, Elsevier Inc, 5/2008.

[8]. Jianwei Li, Ying Liu, Wei-keng Liao, Alok Choudhary *Parallel Data Mining Algorithms for Association Rule and Clustering*, CRC Press, 2006.

[9]. Larose D. T., *Data Mining: Methods and Models*, John Wiley & Sons, Inc. Pubs., Canada, 2006.

# Chính sách thông tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới ở Việt Nam

Lê Tùng Sơn<sup>1</sup>, Trần Hậu Ngọc<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

<sup>2</sup>Viện đánh giá khoa học và Định giá công nghệ

*Tóm tắt: Trong bối cảnh xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức, thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN) giữ một vị trí quan trọng đối với mỗi quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng của thông tin KH&CN, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng chính sách thông tin KH&CN dựa trên nền tảng khung chính sách được UNESCO đề xuất cho các nước thành viên. Trên cơ sở phân tích thực trạng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam, bài viết xác định những yếu tố cơ bản trong xây dựng chính sách thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới ở Việt Nam và đưa ra những khuyến nghị trong việc hoàn thiện chính sách.*

## Mở đầu

Những biến đổi sâu sắc mang tính cách mạng của nền kinh tế thế giới trong khoảng vài thập niên trở lại đây do tác động của KH&CN đã đánh dấu sự ra đời một nền kinh tế mới (kinh tế tri thức) - nền kinh tế dựa trên tri thức khoa học, chất xám trở thành tài sản trí tuệ vô giá và mang lại hiệu quả kinh tế lớn.

Trong nền kinh tế này, quyền tiếp cận thông tin để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học (tạo ra tri thức có tính quy luật), đổi mới (vận dụng tri thức vào hoạt động sản xuất) là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được các quốc gia thừa nhận và bảo đảm thực hiện thông qua các chính sách quốc gia về thông tin KH&CN. Chính sách này đã tạo ra sự thay đổi quan trọng trong xã hội đương đại, một

xã hội mới được kiến tạo: xã hội thông tin - xã hội tri thức, đây là một xu thế tất yếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của nhân loại.

Năm 2009, nhóm nghiên cứu thuộc Chương trình thông tin cho mọi người (Information for All Programme - IFAP) của UNESCO đã công bố công trình nghiên cứu “National Information Society Policy: A Template” (chính sách quốc gia về xã hội thông tin - một mô hình), đây là một nghiên cứu chứa đựng nhiều thông tin, dữ kiện khoa học làm nền tảng trong quá trình hoạch định chính sách thông tin của mỗi quốc gia được UNESCO khuyến nghị cho các nước thành viên trên cơ sở cung cấp một khung mẫu để xây dựng một xã hội thông tin cho mọi người trên tinh thần mọi người đều có quyền tiếp cận thông

tin để cải thiện cho cuộc sống của họ.

Tại Việt Nam, chính sách thông tin KH&CN được hình thành trong một thời gian dài, có sự kế thừa trong các giai đoạn khác nhau và phát triển trong điều kiện phát triển nhanh chóng của KH&CN, đặc biệt là công nghệ thông tin, cùng với đó là sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã mở ra nhiều triển vọng cho sự phát triển trên các phương diện: liên kết chia sẻ thông tin KH&CN, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin, phát triển nguồn nhân lực thông tin KH&CN... Chính những yếu tố này đã tác động to lớn đến quá trình hình thành và hoàn thiện của chính sách thông tin KH&CN.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi phân tích thực trạng chính sách thông tin KH&CN hiện hành ở Việt Nam và đưa ra những luận điểm khoa học về nền tảng

xây dựng chính sách thông tin KH&CN. Nghiên cứu trả lời cho câu hỏi: “Đâu là yếu tố cơ bản để xây dựng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam?”, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách.

### **Khái luận về chính sách thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới**

#### **Khái niệm thông tin KH&CN**

Có nhiều định nghĩa khác nhau liên quan đến khái niệm “thông tin KH&CN”. Trong nghiên cứu này, thông tin KH&CN được định nghĩa là *các dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức được xử lý và có ý nghĩa trong hoạt động KH&CN và đổi mới* [1, 2].

Thuật ngữ “hoạt động KH&CN” trong định nghĩa này được xác định bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KH&CN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KH&CN [3]; “Hoạt động đổi mới” được xác định là việc thực thi một sản phẩm (hàng hóa/dịch vụ) hay một quy trình mới hoặc cải tiến đáng kể, một phương pháp marketing mới hay một biện pháp mang tính tổ chức trong thực tiễn hoạt động, trong tổ chức công việc hay trong quan hệ bên ngoài. Hoạt động đổi mới bao gồm: đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, đổi mới tiếp thị và đổi mới tổ chức [4].

#### **Vai trò của thông tin KH&CN đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới**

Thông tin KH&CN được xem là “bước gạch nối” quan trọng giữa hoạt động nghiên cứu khoa học (tạo ra tri thức mới) và hoạt động đổi mới (vận dụng, áp dụng tri thức vào hoạt động sản xuất kinh doanh).

Ảnh: <http://sromost.gov.vn/>



*Thông tin KH&CN được xem là “bước gạch nối” quan trọng giữa hoạt động nghiên cứu khoa học (tạo ra tri thức mới) và hoạt động đổi mới (vận dụng, áp dụng tri thức vào hoạt động sản xuất kinh doanh).*

dụng tri thức vào hoạt động sản xuất kinh doanh). Thông tin KH&CN có ý nghĩa quan trọng trong cả 2 hoạt động này, được thể hiện ở các điểm sau:

**Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học:** thông tin KH&CN tạo nền tảng trong việc hình thành tư tưởng khoa học, vấn đề khoa học, thúc đẩy việc khám phá, tìm hiểu bản chất, quy luật tự nhiên, xã hội, tư duy, định hướng mới trong khoa học. Hoạt động nghiên cứu khoa học là quá trình xây dựng giả thuyết khoa học và chứng minh giả thuyết khoa học, để

trình nghiên cứu của đồng nghiệp, gây ra sự lãng phí về mặt nguồn lực trong nghiên cứu; thông tin KH&CN tạo ra sự liên kết giữa các nhà nghiên cứu, gắn kết các công trình nghiên cứu, đưa các công trình khoa học vào thực tiễn cuộc sống.

**Đối với hoạt động đổi mới:** thông tin KH&CN thúc đẩy và tạo ra cầu nối giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành các ý tưởng đổi mới sáng tạo trong các cơ quan, tổ chức và đặc biệt là doanh



Hội thảo: “Bảo đảm thông tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu và đào tạo tại Việt Nam”. Ảnh: Most.gov.vn

thực hiện các hoạt động này, thông tin giữ vai trò là dữ liệu, cứ liệu để chứng minh các luận điểm khoa học. Để có được điều này, quyền tiếp cận thông tin KH&CN cần được đề cao; thông tin KH&CN giúp giảm thiểu tính rủi ro trong hoạt động nghiên cứu, tránh việc thiếu thông tin trong chứng minh giả thuyết, tránh nghiên cứu trùng lặp, tránh giẫm chân lên lối mòn thất bại trong các công

nh nghiệp; góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, nội dung, quy trình hoạt động, đổi mới phương thức, quy trình vận hành tổ chức, doanh nghiệp, từ đó nâng cao tính cạnh tranh trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

**Chính sách thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới**

Trong tiếp cận của nghiên cứu,



chính sách thông tin KH&CN là *tập hợp các biện pháp được thể chế hóa mà chủ thể quyền lực đưa ra, tác động và tạo sự ưu đãi cho hệ thống đảm bảo thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới, định hướng cho hệ thống này bảo đảm quyền tiếp cận thông tin KH&CN cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới của tổ chức, cá nhân* [5-9].

Phân tích định nghĩa này, có thể nhận diện bản chất của chính sách thông tin KH&CN được tiếp cận trong nghiên cứu này như sau:

*Thứ nhất*, chính sách thông tin KH&CN là chính sách công, do chủ thể quyền lực nhà nước hoặc chủ thể quản lý nhà nước ban hành.

*Thứ hai*, chính sách thông tin KH&CN bao gồm các biện pháp được thể chế hóa, bao gồm: thừa nhận và bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin KH&CN; chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN; thiết lập mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN; bảo đảm các nguồn lực cho hoạt động thông tin KH&CN.

*Thứ ba*, đối tượng tác động của chính sách này được xác định đó là hệ thống đảm bảo thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới. Hệ thống này được cấu thành bởi các phần tử: nguồn lực thông tin KH&CN, hoạt động thông tin KH&CN, mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN, các nguồn lực cho hoạt động thông tin KH&CN nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

*Thứ tư*, mục đích của chính sách này nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin KH&CN phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

### **Thực trạng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam**

Chính sách thông tin KH&CN ở

Việt Nam được hình thành trong một khoảng thời gian dài gắn liền với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam. Trong giới hạn của một bài báo, tác giả chỉ nghiên cứu chính sách thông tin KH&CN thông qua các quy định hiện hành, còn hiệu lực cho đến nay. Thao tác hóa khái niệm chính sách thông tin KH&CN, có thể khái quát hóa và nhận diện các biện pháp quan trọng mà chính sách này hướng đến đó là: i) Thừa nhận và bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin KH&CN; ii) Chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN; iii) Thiết lập mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN; iv) Bảo đảm các nguồn lực cho hoạt động thông tin KH&CN. Nội dung của các biện pháp này tương ứng với 5 trụ cột cơ bản trong Khung chính sách quốc gia về xã hội thông tin mà UNESCO đề xuất. Việc phân tích nội dung các biện pháp của chính sách dựa trên phân tích nội dung các quy định đã được thể chế hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật.

### **Thừa nhận và bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin KH&CN**

Quyền tiếp cận thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới được thừa nhận và cụ thể hóa ở văn bản cao nhất là Hiến pháp. Trong đó, Điều 25 của Hiến pháp quy định: *công dân có quyền tự do tiếp cận thông tin. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*; đồng thời khoản 2 và 3 Điều 62 cũng quy định: *Nhà nước bảo đảm quyền nghiên cứu KH&CN; tạo điều kiện để mọi người tham gia và hưởng thụ lợi ích từ các hoạt động KH&CN*. Để thừa nhận quyền cơ bản này, Điều 8 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (Luật Tiếp cận thông tin) đã quy định *“công dân có quyền được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời*.

Ngoài ra, quyền tiếp cận thông tin

KH&CN còn được điều chỉnh bởi Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN (Nghị định 11). Nội dung này được quy định tại Điều 32 của Nghị định, theo đó tổ chức, cá nhân khai thác thông tin KH&CN có quyền: được yêu cầu cung cấp thông tin KH&CN nhằm phục vụ nhu cầu hợp pháp của mình; được tiếp cận thông tin KH&CN tạo ra bằng ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật.

Tương ứng với việc thừa nhận quyền tiếp cận thông tin KH&CN đó là nghĩa vụ của Nhà nước trong việc đảm bảo thông tin thông qua các chế định của pháp luật về nguyên tắc tiếp cận thông tin cũng như xây dựng khung chính sách về đảm bảo thông tin với các thiết chế cung cấp thông tin KH&CN.

Luật Tiếp cận thông tin đã xác định những nguyên tắc cơ bản trong bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, trên cơ sở đó toàn bộ nội dung quy định của Luật đã tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin KH&CN của công dân bao gồm: xác định chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 4), xác định phạm vi tiếp cận thông tin (Điều 5, 6 và 7), phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin (Điều 9), cách thức tiếp cận thông tin (Điều 10) và xác định các biện pháp về công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

### **Chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN**

Đây là một trong những biện pháp quan trọng có chứa đựng những nội dung được xem là trụ cột trong khung chính sách được đề xuất bởi UNESCO, đó là: vấn đề về quản lý hoặc đảm

bảo thông tin, năng lực thông tin

và đạo đức thông tin. Để cụ thể hóa biện pháp này, Nghị định 11 đã quy định nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thông tin KH&CN: về tính chính xác, khách quan, về hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng và quản lý thông tin KH&CN; bảo đảm quyền của tổ chức cá nhân trong tiếp cận thông tin KH&CN, tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin KH&CN và sự gắn kết giữa hoạt động thông tin KH&CN với các hoạt động có liên quan khác [1].

Trên cơ sở xác định các nguyên tắc cơ bản, Điều 5 của Nghị định 11 đã xác định các loại hình hoạt động thông tin KH&CN, quy định này nhằm chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN theo một chu trình thông tin tự liệu: từ phát triển nguồn lực thông tin, xử lý, phân tích thông tin, lưu giữ thông tin, tìm kiếm, tra cứu, chỉ dẫn, chia sẻ các nguồn tin KH&CN và phổ biến tri thức KH&CN. Từ việc chuẩn hóa này, sẽ thúc đẩy việc phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phục vụ việc tiếp cận thông tin KH&CN của tổ chức, cá nhân.

Phát triển nguồn lực thông tin KH&CN được xem là một trong những nội dung quan trọng được các Điều 7, 8, 9 và 10 của Nghị định 11 cụ thể hóa. Ngoài ra, vấn đề xây dựng dịch vụ thông tin KH&CN cũng được chú trọng với các loại hình dịch vụ quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

### **Thiết lập mạng lưới thông tin KH&CN**

Thiết lập mạng lưới thông tin KH&CN có ý nghĩa quan trọng tạo ra cơ hội cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đa dạng hóa phương thức tiếp cận thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới. Biện pháp về thiết lập mạng lưới thông tin KH&CN nhằm cụ thể hóa nội dung: *thông tin cho sự phát triển* được đề xuất bởi khung

chính sách thông tin của UNESCO<sup>1</sup>. Nội dung về biện pháp thiết lập mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN được thể chế hóa bởi nhiều văn bản khác nhau, trong đó quan trọng nhất là Nghị định 11, theo đó: Khoản 4 Điều 3 Nghị định 11 đã xác định tổ chức thực hiện chức năng thông tin KH&CN là tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động thông tin KH&CN; xây dựng, phát triển, vận hành và khai thác hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu về KH&CN [1].

Trên cơ sở đó, khoản 1 Điều 22 của Nghị định 11 đã xác định mạng lưới của tổ chức thông tin KH&CN bao gồm 5 loại hình cơ bản: i) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN quốc gia; ii) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ; iii) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh; iv) Tổ chức thực hiện chức năng thông tin KH&CN công lập khác; v) Các tổ chức thực hiện chức năng thông tin KH&CN do tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước và các tổ chức khác thành lập.

Để cụ thể hóa địa vị pháp lý của các tổ chức này, Nghị định 11 đã xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ cơ bản của tổ chức thông tin KH&CN (quy định tại các Điều 25, 26, 27 và 28); đồng thời người đứng đầu các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định hành chính cá biệt nhằm xác định địa vị pháp lý cho các tổ chức thông tin KH&CN như: Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLTBKHCN- BNV ngày 15/10/2014 của Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 29); Quyết định số 1785/QĐ-BKHCN ngày 28/6/2018 của Bộ KH&CN về việc ban hành Điều

lệ tổ chức và hoạt động của Cục Thông tin KH&CN quốc gia; các quyết định về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ (do người đứng đầu bộ, thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành). Hiện nay, loại hình này có 30 tổ chức là các đơn vị thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ [10].

### ***Bảo đảm các nguồn lực cho hoạt động thông tin KH&CN***

Các nguồn lực cho hoạt động thông tin KH&CN được thể chế hóa bao gồm: bảo đảm về nhân lực, bảo đảm về vật lực (cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin) và bảo đảm về tài chính. **Bảo đảm về nhân lực:** Điều 29 Nghị định 11 đã xác định cá nhân hoạt động thông tin KH&CN bao gồm: công chức, viên chức, người lao động hoạt động và cung cấp dịch vụ thông tin KH&CN phục vụ quản lý nhà nước, công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và các hoạt động khác có liên quan. Nghị định 11 đã có những quy định nhằm thu hút nguồn nhân lực thông qua các quy định về quyền của cá nhân hoạt động thông tin KH&CN gắn với quyền của cá nhân hoạt động KH&CN quy định tại Điều 20 của Luật KH&CN 2013.

**Bảo đảm về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin:** Nghị định 11 đã có những quy định cụ thể về hạ tầng thông tin quốc gia về KH&CN được xác định bao gồm: (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin KH&CN; các cơ sở dữ liệu về thông tin KH&CN; (2) Hệ thống trang thiết bị xử lý kỹ thuật để xử lý, truyền tải và lưu giữ thông tin KH&CN, các mạng thông tin KH&CN kết nối khu vực và trên thế giới. Nghị định 11 cũng đã quy định các biện pháp về đầu tư, duy trì phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN và duy trì, phát

triển mạng thông tin nghiên cứu đào tạo quốc gia. Các quy định này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thiết lập hạ tầng thông tin KH&CN quốc gia phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

**Bảo đảm về tài chính:** đây là một “điểm sáng” thể hiện sự hoàn thiện trong hệ thống pháp luật về bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin KH&CN đối với việc bảo đảm nguồn lực tài chính cho các thiết chế cung ứng thông tin KH&CN. Điều 20 của Nghị định 11 đã xác định nguồn kinh phí hoạt động thông tin KH&CN bao gồm: từ ngân sách nhà nước, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ thông tin KH&CN và nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Cùng với đó, Nghị định 11 đã quy định về nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thông tin KH&CN, đồng thời xác định ngân sách cho hoạt động thông tin KH&CN được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN của bộ, ngành và địa phương.

Ngoài ra, tại điểm c khoản 1 và điểm i khoản 2 Điều 4 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN đã xác định việc xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê KH&CN, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông và hoạt động thông tin KH&CN là những nội dung chi ngân sách nhà nước cho KH&CN.

Đánh giá chính sách thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới ở Việt Nam

Chính sách thông tin KH&CN hiện hành đã thiết lập khung pháp lý tương đối toàn diện cho việc bảo đảm thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới

với các biện pháp cơ bản được thể chế hóa mà nền tảng pháp lý cao nhất đó là Hiến pháp 2013 trên cơ sở thừa nhận và bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin như một quyền cơ bản của công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hệ thống pháp luật thể chế hóa chính sách tương đối đầy đủ và hoàn thiện đã tác động một cách sâu rộng đến hệ thống đảm bảo thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới, mở ra nhiều cơ hội tiếp cận thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời góp phần tăng cường tiềm lực thông tin KH&CN của quốc gia.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, chính sách thông tin KH&CN cũng còn những bất cập như sự dàn trải, thiếu tính đồng bộ, thống nhất, có sự mâu thuẫn, chưa phù hợp với thực tiễn, gây ra sự khó khăn trong quá trình thực thi. Cụ thể:

*Một là*, các biện pháp về thừa nhận và bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin KH&CN còn có sự mâu thuẫn, chồng chéo, đó là sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật chung (được quy định tại Luật Tiếp cận thông tin) và pháp luật chuyên ngành (quy định tại Nghị định 11). Cụ thể, theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 32 Nghị định 11, tổ chức, cá nhân khai thác thông tin KH&CN “(1) được yêu cầu cung cấp thông tin KH&CN nhằm phục vụ nhu cầu hợp pháp của mình; (2) được tiếp cận thông tin KH&CN tạo ra bằng ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 6 của Luật Tiếp cận thông tin quy định về thông tin công dân không được tiếp cận lại bao gồm “*thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực KH&CN*” nhưng lại không quy định cụ thể tiêu chí để xác định thể nào là “thông

tin có nội dung quan trọng”.

*Hai là*, biện pháp về thiết lập mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN chưa thừa nhận tính đa dạng trong mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN, tạo ra sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức thông tin KH&CN. Cụ thể, Nghị định 11 mới điều chỉnh tổ chức **thực hiện chức năng** thông tin KH&CN (khoản 4 Điều 3) chứ chưa điều chỉnh tổ chức **hoạt động** thông tin KH&CN đó là các thư viện, trung tâm thông tin thư viện, đặc biệt là thiết chế có tính cộng đồng cao phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người sử dụng như thư viện công cộng. Ngoài ra, tại điểm đ Điều 22 Nghị định 11 mới chỉ thừa nhận sự tồn tại các tổ chức thực hiện chức năng thông tin KH&CN do tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước thành lập (là tổ chức phụ thuộc) chứ chưa thừa nhận sự tồn tại của các tổ chức thông tin KH&CN ngoài công lập với tư cách độc lập, thậm chí chưa có hành lang pháp lý cụ thể cho hoạt động theo mô hình doanh nghiệp thông tin KH&CN (lấy việc cung ứng thông tin KH&CN, sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN để kinh doanh và thu lợi nhuận).

Mặt khác, xét về bản chất, hoạt động thông tin KH&CN là hoạt động sự nghiệp, với việc cung ứng dịch vụ công là thông tin KH&CN, sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN. Tuy vậy, chính sách này lại thiết lập ra các tổ chức thông tin KH&CN bao gồm cả những mô hình cơ quan tham mưu quản lý nhà nước như cấp Cục, Vụ trực thuộc Bộ (với một bộ phận làm công tác thông tin KH&CN); Sở KH&CN tại địa phương (hiện nay có 24 Sở có mô hình này), điều này dẫn đến tình trạng khó khăn trong phân định trách nhiệm giữa tham mưu quản lý nhà nước về thông tin KH&CN và trách nhiệm hoạt động sự nghiệp thông

tin KH&CN, có những tổ chức vừa làm chức năng tham mưu quản lý nhà nước về thông tin KH&CN nhưng lại vừa làm hoạt động thông tin KH&CN, dễ dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”.

*Ba là*, một số nội dung trong chính sách thông tin KH&CN chưa được cụ thể hóa, dẫn đến việc khó khăn trong quá trình triển khai thực thi. Đó là: các quy định của pháp luật về chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN được quy định tập trung tại Chương II từ Điều 5 đến 12 của Nghị định 11, tuy nhiên nhiều nội dung hoạt động được nêu trong Nghị định lại chưa có văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể đối với từng hoạt động nghiệp vụ, dẫn đến khó khăn trong vấn đề chuẩn hóa. Các nội dung nghiệp vụ cụ thể trong hoạt động thông tin KH&CN được quy định tại Điều 5 Nghị định 11 chủ yếu phải vận dụng các quy định của pháp luật về thư viện hoặc lưu trữ, như: vấn đề phân tích, xử lý thông tin phải vận dụng Điều 5 của Thông tư 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 8/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện (Thông tư 18), vấn đề về tìm kiếm, tra cứu, chỉ dẫn, khai thác sử dụng thông tin KH&CN, vấn đề về phổ biến thông tin, tri thức KH&CN phải vận dụng quy định tại các Điều 6, 7, 10 và 12 của Thông tư 18.

**Xác định những yếu tố cơ bản trong xây dựng chính sách thông tin KH&CN và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách**

**Những yếu tố cơ bản của chính sách thông tin KH&CN**

Xuất phát từ khung chính sách được UNESCO đề xuất cho các quốc gia thành viên, kinh nghiệm trong xây dựng chính sách của một số quốc gia đang phát triển và thực trạng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam<sup>2</sup>, chúng

tôi xin đưa ra những luận điểm cơ bản có tính nền tảng trong xây dựng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam như sau: Chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam phải được xây dựng trên nền tảng triết lý: *hoạt động thông tin KH&CN lấy việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin KH&CN của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp làm trung tâm; tổ chức thông tin KH&CN được thiết lập trên cơ sở nhiều thành phần, trong đó Nhà nước giữ vai trò điều tiết, tạo động lực phát triển; tư nhân và các tổ chức xã hội giữ vai trò nòng cốt trong việc cung ứng sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN. Thông tin KH&CN luôn đi trước, mở đường, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới.* Trong đó:

Hoạt động thông tin KH&CN được xây dựng dựa trên nền tảng phát triển của công nghệ thông tin và các thành tựu KH&CN khác. Lấy việc xây dựng sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN làm trọng tâm, xác định các sản phẩm và dịch vụ chiến lược, chủ lực, tạo ra lợi nhuận, doanh thu trong hoạt động thông tin KH&CN. Người dân trở thành chủ thể chính trong hoạt động thông tin KH&CN bằng việc tạo ra thông tin, tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến, trao đổi và sử dụng thông tin; được sử dụng các sản phẩm và dịch vụ từ các thiết chế cung cấp thông tin KH&CN trên nguyên tắc tự do, bình đẳng trong tiếp cận.

Việc thiết lập mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN được xây dựng dựa trên việc Nhà nước thừa nhận sự đa dạng, nhiều thành phần của hoạt động thông tin KH&CN, trong đó, các thiết chế cung cấp thông tin có tính chất cộng đồng cao như thư viện công cộng được chú trọng phát triển và mở rộng mạng lưới, các tổ chức thông tin KH&CN ngoài công lập, doanh nghiệp thông tin KH&CN được khuyến khích phát triển.

Thiết lập cơ chế tự chủ trong hoạt động thông tin KH&CN của các tổ chức thông tin KH&CN công lập, tạo điều kiện để các tổ chức này tự do ký kết, thỏa thuận việc cung ứng thông tin, sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phục vụ cộng đồng. Nhà nước giữ vai trò điều tiết vĩ mô thông qua các chính sách, tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức này hoạt động. Nhà nước cùng các tổ chức xã hội khác trở thành các nhà tài trợ cho hoạt động thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới.

### **Giải pháp hoàn thiện**

Chính sách thông tin KH&CN giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, trên cơ sở nhận diện thực trạng chính sách thông tin KH&CN hiện hành và xác định những nền tảng cơ bản trong xây dựng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách như sau:

*Thứ nhất*, cần nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về hoạt động thông tin KH&CN (nâng cấp và thay thế cho Nghị định 11) nhằm hoàn thiện thể chế và thiết lập khung pháp lý đủ mạnh trong việc thừa nhận và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin KH&CN, chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN, thiết lập mạng lưới tổ chức thông tin KH&CN và bảo đảm các nguồn lực cho hoạt động thông tin KH&CN, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới.

*Thứ hai*, hoàn thiện pháp luật về quyền tiếp cận thông tin KH&CN, trong đó chú trọng sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin bảo đảm sự tương thích giữa Luật Tiếp cận thông tin với pháp luật về hoạt động thông tin KH&CN.

*Thứ ba*, ban hành các văn bản quy

phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho việc chuẩn hóa hoạt động thông tin KH&CN nhằm cụ thể hóa các quy định trong các hoạt động nghiệp vụ, từ đó thúc đẩy việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN; tạo lập sự liên thông, liên kết giữa các tổ chức thông tin KH&CN, từ đó thúc đẩy hoạt động thương mại hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN.

### Kết luận

Trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng khung chính sách thông tin quốc gia được UNESCO đề xuất cho các nước thành viên, cùng với việc đánh giá, nhận diện thực trạng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của chính sách, nghiên cứu này đã xác định những nền tảng cơ bản trong xây dựng chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam, đồng thời kiến nghị giải pháp để hoàn thiện chính sách.

Do hạn chế về khuôn khổ của một bài báo, và tính phức tạp của các nội dung được thể chế hóa trong chính sách thông tin KH&CN, bài viết mới chỉ dừng lại ở việc phân tích và nhận diện chính sách thông tin KH&CN ở Việt Nam mà chưa đi sâu phân tích và nhận diện những tác động của chính sách này đến việc đảm bảo thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới, cũng như các tác động đến quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Chúng tôi xin được phân tích thấu đáo nội dung này trong các nghiên cứu sau.

Tạp chí KH&CN Việt Nam

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Chính phủ (2004), *Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 quy định về hoạt động thông tin KH&CN*.

[2] Đoàn Phan Tân (2006), *Thông tin học, giáo trình dành cho sinh viên ngành thông tin - thư viện và quản trị thông tin*, Nhà

xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Quốc hội khóa XIII (2013), *Luật KH&CN năm 2013*.

[4] OECD (2005), *Handbook on Economic Globalisation Indicators*.

[5] Trung tâm Thông tin KH&CN quốc gia (1999), *Tài liệu hướng dẫn của UNESCO về việc xây dựng, phê duyệt, thực hiện và vận hành chính sách thông tin quốc gia*.

[6] Vũ Cao Đàm (2009) *Tuyển tập các công trình đã công bố tập II (nghiên cứu chính sách và chiến lược)*, Nhà xuất bản Thế giới.

[7] Adrian Rozengardt, Alenjandra Davidziuk, Daniel Finkelievich (2009), *National Information Society Policy: A Template*, UNESCO information for all programme.

[8] Mercedes Caridad Sebastian, et al. (2001), "Information policies in Spain: Towards the new information society", *Libri*, 51, pp.49-60.

[9] Nguyễn Hữu Hùng (1999), *Nghiên cứu xây dựng chính sách quốc gia phát triển công tác thông tin KH&CN trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. [10] <http://www.vista.gov.vn/thong-bao/muc/danh-sach-to-chucthuc-hien-chuc-nang-dau-moi-thong-tin-khoa-hoc-va-cong-nghe-2.html> (truy cập ngày 23/5/2020).

# Một số phương thức giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền được áp dụng tại Hoa Kỳ và kinh nghiệm đối với Việt Nam

ThS Diệp Thị Thanh Xuân

Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ  
Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

*Xu hướng toàn cầu hóa và sự gia tăng giá trị kinh tế, xã hội của tên miền đã kéo theo hàng loạt các vụ việc tranh chấp, xung đột giữa tên miền và các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ như nhãn hiệu. Là quốc gia đi đầu trong việc ban hành các quy định nhằm đối phó với những thách thức của tên miền đối với quyền sở hữu trí tuệ nói chung, nhãn hiệu nói riêng, Hoa Kỳ đã có nhiều nỗ lực trong việc mở rộng và áp dụng linh hoạt các quy định điều chỉnh nhãn hiệu trong môi trường internet. Bài viết giới thiệu một số phương thức trong giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền ở Hoa Kỳ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.*

**Các biện pháp chủ sở hữu nhãn hiệu tại Hoa Kỳ có thể sử dụng để chống lại sự lạm dụng của người đăng ký tên miền**

Theo quy định của pháp luật hiện hành, chủ sở hữu nhãn hiệu tại Hoa Kỳ có thể dựa vào một số quy định dưới đây để chống lại sự lạm dụng của người đăng ký tên miền.

**Đạo luật bảo vệ người tiêu dùng chống nạn chiếm dụng tên miền (Anticybersquatting Consumer Protection Act - ACPA)**

“Chiếm dụng tên miền” (cybersquatting) là việc một người lấy nhãn hiệu đã được bảo hộ của người khác để đăng ký tên miền với mục đích bán lại cho chủ sở hữu nhãn hiệu để kiếm lời. Ra đời vào năm 1999 và sau này

được hợp nhất vào Đạo luật Lanham, ACPA hướng vào việc ngăn chặn hành vi chiếm dụng tên miền. Đạo luật này cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu kiện người đăng ký tên miền trong trường hợp người đó đăng ký với “dụng ý xấu” và đăng ký, mua bán, sử dụng tên miền mà tên miền đó thuộc 1 trong 3 trường hợp sau <sup>1</sup>: i) Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu đã được bảo hộ; ii) Trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nổi tiếng hoặc làm lu mờ nhãn hiệu nổi tiếng; iii) Là nhãn hiệu liên quan đến một số dấu hiệu đặc biệt như biểu tượng chữ thập đỏ hoặc biểu tượng của Thế vận hội olympic.

Để xác định liệu một người có đăng ký tên miền với “dụng ý xấu” hay không, Đạo luật ACPA đưa ra danh



sách bao gồm 9 yếu tố mà Tòa án có thể sử dụng làm căn cứ. Một số yếu tố điển hình được kể đến như: liệu tên miền có chứa tên thông dụng hay pháp lý của người đăng ký hay không; việc sử dụng trước tên miền của người đăng ký liên quan đến việc chào bán hàng hóa/dịch vụ có được thực hiện một cách vô tình hay không; việc đăng ký tên miền của người đăng ký chỉ nhằm chuyển giao tên miền đó cho chủ sở hữu nhãn hiệu để thu lợi về tài chính chứ không phải

định thế nào là “tương tự gây nhầm lẫn” theo ACPA để đáp ứng hơn so với các tiêu chuẩn truyền thống.

**Chính sách giải quyết tranh chấp tên miền thống nhất (Domain - Name Dispute - Resolution Policy - UDRP)**

Bên cạnh Đạo luật ACPA, chủ sở hữu nhãn hiệu ở Hoa Kỳ còn có một phương thức khác để kiện người đăng ký tên miền bất hợp pháp là UDRP. UDRP được xem là “luật mềm” cho việc giải quyết các tranh chấp tên miền.



*Xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền ngày càng tăng.  
Ảnh: <https://amdllawgroup.com/>*

sử dụng nhãn hiệu đó trong một trang web hợp pháp; người đăng ký tên miền cố tình cung cấp thông tin sai lệch khi đăng ký<sup>2</sup>...

Như vậy, ACPA quy định rất rõ ràng các cơ sở pháp lý để chủ sở hữu nhãn hiệu ở Hoa Kỳ kiện người đăng ký tên miền. Đặc biệt, các yếu tố để xác định thế nào là đăng ký với “dụng ý xấu” được quy định rất cụ thể, chi tiết, giúp cho chủ sở hữu nhãn hiệu dễ dàng hơn khi xem xét để lấy làm căn cứ cho việc khởi kiện. Mặt khác, các căn cứ để xác

Việc đăng ký tên miền được thực hiện bởi nhiều tổ chức trên toàn cầu nhưng không có tổ chức nào có sự hiện diện và quy mô lớn như Tổ chức quản lý tên miền và số hiệu mạng thế giới (ICANN). ICANN đã được Hoa Kỳ và nhiều chính phủ khác công nhận là một tổ chức điều phối việc quản trị kỹ thuật hệ thống tên miền internet. UDRP là chính sách được Ban giám đốc của ICANN thông qua vào ngày 24/8/1999.

Thủ tục hành chính của UDRP rất đơn giản. Cụ thể, khi có bằng chứng về

việc chiếm dụng tên miền, chủ sở hữu nhãn hiệu nộp đơn khiếu nại cho tổ chức giải quyết tranh chấp được ICANN công nhận. Bên bị khiếu nại sẽ phải trả lời bằng văn bản cùng với các tài liệu chứng minh. Sau đó, Ban hội thẩm được thành lập để đưa ra quyết định và thông báo cho các bên liên quan. Cuối cùng, cơ quan đăng ký tên miền có liên quan thi hành quyết định của Ban hội thẩm thông qua việc hủy bỏ hoặc chuyển giao tên miền.

Để thuyết phục thành công Hội đồng UDRP, chủ sở hữu nhãn hiệu phải chứng minh được tên miền đang tranh chấp trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của họ, và người đăng ký tên miền không có quyền hoặc lợi ích hợp pháp liên quan đến tên miền. Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu cũng phải chứng minh được tên miền đã được đăng ký với “dụng ý xấu”<sup>3</sup>. Bằng chứng để chứng minh “dụng ý xấu” theo quy định của UDRP có nhiều điểm tương đồng với Đạo luật ACPA đã được đề cập ở trên, bao gồm: người đăng ký tên miền đăng ký với mục đích bán, cho thuê, chuyển giao tên miền đó cho chủ sở hữu nhãn hiệu với giá cao và để ngăn chặn việc đăng ký của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc nhằm làm gián đoạn việc kinh doanh của đối thủ cũng như thu hút người dùng internet tới trang web của họ bằng cách tạo ra sự tương tự gây nhầm lẫn rằng nhãn hiệu và tên miền có cùng nguồn gốc.

Có thể nói, mặc dù còn có một số nhược điểm nhưng rõ ràng UDRP ra đời đã tạo cho chủ sở hữu nhãn hiệu một công cụ nhanh chóng với chi phí hợp lý nhằm lấy lại được các tên miền đã bị bên thứ ba đăng ký với dụng ý xấu. UDRP cho phép các bên phản đối việc đăng ký tên miền có chứa các thuật ngữ trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn

hiệu của họ và quy định các chế tài bao gồm việc chuyển giao hoặc hủy bỏ tên miền. Kể từ khi ra đời, UDRP đã được chủ sở hữu nhãn hiệu thường xuyên sử dụng như một công cụ hữu ích để chống lại những kẻ chiếm dụng tên miền.

Ngoài hai phương thức giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền đã được đề cập ở trên cũng như các quy định khác liên quan đến vấn đề này trong Luật Lanham và trong Quy chế thẩm định đơn nhãn hiệu của Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (TMEP), chủ sở hữu nhãn hiệu ở Hoa Kỳ còn có thêm một lựa chọn khác để bảo vệ nhãn hiệu của mình là Cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến nhãn hiệu (Clearinghouse) của ICANN. Cơ chế này cung cấp cho chủ sở hữu nhãn hiệu hai dịch vụ là “Đăng ký trước” (Sunrise service) và “Dịch vụ xác nhận quyền sở hữu” (Trademark claim). Mặc dù phương thức này không có quy trình giải quyết tranh chấp riêng nhưng đã cung cấp cho chủ sở hữu nhãn hiệu lợi thế đáng kể trong việc đi trước các đối thủ cạnh tranh và bảo vệ nhãn hiệu của mình trong không gian ảo.

### **Kinh nghiệm đối với Việt Nam**

Có thể thấy, chủ sở hữu nhãn hiệu ở Hoa Kỳ có thể áp dụng các phương thức khác nhau nhằm hạn chế và giải quyết xung đột giữa tên miền và nhãn hiệu. Đây thực sự là những biện pháp rất hữu ích để Việt Nam học hỏi khi mà các xung đột và tranh chấp giữa nhãn hiệu và tên miền ở Việt Nam đang ngày càng gay gắt.

Ở Việt Nam, xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền không chỉ thể hiện ở giai đoạn xác lập quyền mà còn ở nội dung và phạm vi bảo hộ của 2 đối tượng. Mặc dù cả pháp luật về nhãn hiệu và pháp luật liên quan đến tên miền đã cố gắng đưa ra các giải pháp nhằm ngăn

chặn và khắc phục xung đột, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của chủ sở hữu nhãn hiệu, tên miền cũng như quyền lợi của người tiêu dùng. Tuy nhiên, hiện các quy định về vấn đề này còn nằm rải rác ở các văn bản khác nhau như Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ thông tin, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại điện tử... và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành. Và cùng một vụ việc liên quan đến cạnh tranh không lành mạnh đối với nhãn hiệu và tên miền nhưng các văn bản khác nhau quy định hình thức thủ tục giải quyết khác nhau.

Hơn nữa, ở Việt Nam nhãn hiệu là đối tượng điều chỉnh của Luật Sở hữu trí tuệ, do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, còn tên miền chịu sự điều chỉnh và quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hiện tại, giữa hai cơ quan này không có sự kết nối về cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc tra cứu chéo trước khi đăng ký. Trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu, các thẩm định viên của Cục Sở hữu trí tuệ căn cứ vào cơ sở tuyệt đối (Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ) và cơ sở tương đối (Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ) và các đối chứng tìm được từ hệ thống cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ để đánh giá, kết luận về khả năng bảo hộ của nhãn hiệu. Tên miền không thuộc

đối tượng của Luật Sở hữu trí tuệ và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ mục đích tra cứu nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ không bao gồm dữ liệu liên quan đến các tên miền đã được nộp tại Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC).

Xuất phát từ thực trạng của pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên miền cũng như xuất phát từ việc nghiên cứu, phân tích các biện pháp mà Hoa Kỳ đã và đang



Ở Việt Nam nhãn hiệu là đối tượng điều chỉnh của Luật Sở hữu trí tuệ



còn tên miền chịu sự điều chỉnh và quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ảnh: Internet

thực hiện, tác giả bài viết đề xuất một số định hướng để giải quyết vấn đề này đối với Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, nên sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng bổ sung thêm một điều khoản từ chối trong trường hợp nhãn hiệu yêu cầu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên miền. Song cũng cần xem xét kỹ khả năng gây nhầm lẫn và kết luận chính xác về khả năng gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu và tên miền. Xung đột chỉ xảy ra khi việc đăng ký/sử dụng nhãn hiệu và tên miền làm cho người tiêu dùng lầm tưởng về nguồn gốc của hàng hóa/dịch vụ mang theo dấu hiệu. Trên thực tế, không phải trường hợp nào tên miền trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu cũng có khả năng làm cho người tiêu dùng lầm tưởng về nguồn gốc của hàng hóa/dịch vụ. Mặt khác, cần có các quy định cụ thể, chi tiết đối với hành vi “đăng ký, sử dụng tên miền với dụng ý xấu”. Để thực hiện giải pháp này, Việt Nam có thể tham khảo các quy định trong Đạo luật ACPA của Hoa Kỳ.

Đồng thời, Việt Nam nên học hỏi kinh nghiệm của Hoa Kỳ khi xây dựng TMEP, cụ thể là bổ sung vào Quy chế thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu hiện hành các hướng dẫn cụ thể liên quan đến trường hợp đơn đăng ký nhãn hiệu có chứa tên miền, giúp cho thẩm định viên có cơ sở để đưa ra các kết luận nhanh chóng và thống nhất.

*Thứ hai*, Việt Nam nên ban hành một chính sách giải quyết tranh chấp tên miền thống nhất, trên cơ sở UDRP của ICANN mà Hoa Kỳ đang áp dụng.

*Thứ ba*, hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên miền được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ cần được nghiên cứu và sửa đổi. Theo quy định tại điều luật này, một chủ thể có hành vi đăng

ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu thì bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là trên thực tế một tên miền có thể trùng hoặc tương tự với nhiều nhãn hiệu (các nhãn hiệu này đăng ký cho các sản phẩm/dịch vụ không trùng hoặc tương tự nhau). Vậy nhãn hiệu bị xâm phạm là nhãn hiệu nào trong số các nhãn hiệu nói trên? Nên chăng pháp luật Việt Nam cần quy định rõ tên miền xâm phạm là tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được bảo hộ của chủ thể khác và đăng ký cho các sản phẩm/dịch vụ trùng hoặc tương tự với sản phẩm/dịch vụ của nhãn hiệu đó. Hoặc tuy không trùng/tương tự về sản phẩm/dịch vụ nhưng nhãn hiệu đó đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam.

Nguồn: Tạp chí KH&CN Việt Nam

#### **CHÚ THÍCH**

<sup>1</sup> Điểm (d)(1)(A) Đạo luật ACPA.

<sup>2</sup> Điểm (d)(1)(B) Đạo luật ACPA.

<sup>3</sup> “Chính sách giải quyết tranh chấp tên miền thống nhất”, chú thích 35,4(a).

# Kết quả bước đầu từ đề tài “Điều tra chọn cây giống làm vật liệu đầu dòng và xây dựng mô hình vườn ươm giống bơ địa phương có triển vọng của huyện Gio Linh”

**Võ Thị Tuyết Trinh**

Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Gio Linh

*Bơ là cây ăn quả có giá trị kinh tế và dinh dưỡng cao, nhu cầu thị trường tiêu thụ lớn, nhưng rất nhanh bị thoái hóa do quá trình trồng, người trồng bơ chủ yếu gieo bằng hạt, chưa chú ý đến việc chọn lọc giống thường xuyên, cũng như chưa nắm vững về kỹ thuật trồng và đặc tính sinh học của cây bơ. Tại huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị cây bơ sáp dẻo sinh trưởng tốt, trong đó một số cây chất lượng nổi trội được thị trường ưa chuộng, nhưng sản lượng còn rất ít. Do vậy, việc thực hiện đề tài “Điều tra chọn cây giống làm vật liệu đầu dòng và xây dựng mô hình vườn ươm giống bơ địa phương có triển vọng tại huyện Gio Linh” được phê duyệt thực hiện (đề tài do Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Gio Linh chủ trì thực hiện) nhằm đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn của địa phương. Sau hơn 1 năm thực hiện đã đạt được những kết quả ban đầu đáng ghi nhận.*

Vùng tây Gio Linh rất đa dạng và phong phú với nhiều chủng loại cây ăn quả, trong đó cây Bơ được xem là một trong những cây ăn quả đặc sản của vùng này. (tổng diện tích cây bơ đang cho thu hoạch của huyện Gio Linh hiện có gần 100 ha). Việc phát triển cây bơ có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, đồng thời tạo ra mặt hàng xuất khẩu có giá trị của vùng trong tương lai. Tuy nhiên, các giống bơ đang trồng ở Quảng Trị hiện nay chủ yếu là tự trồng bằng hạt nên cây giống bị phân ly chất lượng không ổn định hoặc nhập giống từ nhiều vùng khác tới chưa có nguồn gốc rõ ràng.

Để nâng cao năng suất, chất lượng quả bơ trên địa bàn huyện Gio Linh nói

riêng và các vùng trồng bơ khác của tỉnh Quảng Trị nói chung cần bình tuyển những giống bơ tốt của địa phương, chọn lọc cây đầu dòng ưu tú làm vật liệu khởi đầu trong nhân giống. Đồng thời, nghiên cứu tuyển chọn một số dòng vô tính bơ thích nghi trong điều kiện sinh thái ở Quảng Trị để phát triển mở rộng sản xuất là việc làm mang tính cấp thiết hiện nay.

Trong quá trình thực hiện đề tài, cái khó nhất là phải chọn lọc, xác định được các cây bơ ngon, đạt tiêu chuẩn dùng làm cây giống đầu dòng. Cây phải sinh trưởng khỏe, không nhiễm các đối tượng dịch hại nghiêm trọng như chảy mủ gốc, thối gốc, thán thư, cây từ 8 năm tuổi trở lên, đạt năng suất từ 150kg quả tươi/vụ/ năm trở lên. Trọng lượng quả

trung bình từ 350g trở lên, quả tròn đến bầu dục, dễ đóng gói. Vỏ dày tối thiểu 0,8mm, dễ bóc. Hàm lượng chất khô trên 19%, tỷ lệ phần ăn được trên 65%, thịt quả có màu vàng kem đến vàng đậm, ít hoặc không có xơ, hàm lượng chất béo (lipit) trên 10%; hạt bám khít vào thịt quả nhưng vỏ hạt không dính chặt vào thịt quả, dễ tách hạt khỏi thịt quả khi chín. Sau hơn 1 năm tìm hiểu và chọn lọc, nhóm nghiên cứu đã chọn được 5 cây bơ ưu tú của 2 huyện Gio Linh và Vĩnh Linh dùng làm cây đầu dòng.

Xây dựng nhà màng ươm cây đạt tiêu chuẩn chất lượng giúp cây không bị ảnh hưởng bởi thời tiết, chủ động tưới tiêu. Cây gốc ghép đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9301:2013 về cây bơ thực sinh, số lượng 2500 cây; Cây khỏe mạnh, không bị sâu bệnh hại; Vỏ thân không có vết trầy xước phạm vào phần gỗ; Phần thân từ vị trí ghép trở xuống gốc và cổ rễ phải thẳng và không có chồi phát sinh.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND huyện Gio Linh, Sở Khoa học và



*Hội đồng KH&CN kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài. Ảnh: Sỹ Tiến*

Đã tiến hành ghép 500 cây bơ đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9301:2013 về cây bơ giống. Cây sinh trưởng khỏe, thân cây thẳng và vững chắc; vỏ cây không bị tổn thương cơ giới phạm vào phần gỗ. Không có chồi vượt ở phần gốc ghép. Vết ghép đã liền và tiếp hợp tốt. Cây giống phải sạch sâu bệnh.

Công nghệ tỉnh Quảng Trị. Nhóm nghiên cứu tiến hành thực hiện ghép thêm 200 cây bơ được trồng để làm vườn cây giống đầu dòng lấy chồi ghép cung cấp cây giống cho chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện Gio Linh. Hiện nay nhóm nghiên cứu đã ươm được 3.000 cây thực sinh, lấy mắt ghép 1000 cây ghép, mắt ghép đạt tiêu chuẩn

cây khỏe mạnh, không bị sâu bệnh hại, vỏ thân không có vết trầy xước phạm vào phần gỗ, phần thân từ vị trí ghép trở xuống gốc và cổ rễ phải thẳng và không có chồi phát sinh.

Có thể nói đây là công trình khoa học đầu tiên về chọn lọc và nhân giống vô tính với bơ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài hoàn thiện quy trình tạo ra vườn cây gốc ghép đạt chuẩn để ghép với bơ đầu dòng tạo giống phục vụ mô hình trồng bơ sáp hàng hóa của người dân trên địa bàn.

vô tính bơ phục vụ sản xuất. Đồng thời cho phép ứng dụng thành công vào việc ghép cải tạo cây giống xấu trên vườn kinh doanh trồng bằng hạt. Bên cạnh đó, đề tài đã đóng góp một phần trong việc đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện về cây bơ trồng tại Việt Nam nói chung và Quảng Trị nói riêng, tạo tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo về cây bơ trong tương lai.

Từ những thành công ban đầu của đề tài, nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục thực hiện giai đoạn 3 của đề tài đó là trồng,



*Chị Tuyết Trinh đang ghép giống bơ sáp chất lượng từ cây đầu dòng vào cây gốc ghép.  
Ảnh: baoquangtri.vn*

Tuyển chọn được một số cây bơ đầu dòng ưu tú trên địa bàn 2 huyện Gio Linh và Vĩnh Linh làm vật liệu khởi đầu cho nhân giống vô tính. Góp phần mở rộng diện tích trồng bơ trên địa bàn 2 huyện Gio Linh, Vĩnh Linh và một số vùng trồng bơ khác của tỉnh Quảng Trị.

Kết quả của công trình nghiên cứu góp phần xây dựng quy trình nhân giống

chăm sóc và theo dõi năng suất, chất lượng của các cây ghép đã được ghép trên vườn thực địa. Từ đó có những đánh giá toàn diện hơn về những dòng bơ đầu dòng đã chọn tạo, góp phần nhỏ trong việc xây dựng thương hiệu “Bơ Quảng Trị” đến người tiêu dùng cả nước và hướng tới xuất khẩu./.

V.T.T.T

# Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất lạc năng suất cao và sản xuất lạc an toàn theo VietGAP tại tỉnh Quảng Trị

Từ Linh Nhân  
Công ty TNHH MTV Từ Phong

*Để giúp nông dân hạn chế được rủi ro trong sản xuất, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo hướng sản xuất bền vững, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay. Dự án: “Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất lạc năng suất cao và sản xuất lạc an toàn theo VietGAP tại tỉnh Quảng Trị” được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt bước đầu đã đem lại những lợi ích thiết thực.*

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sản xuất lạc theo phương thức nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định ở quy mô hộ gia đình chưa có diện tích trồng tập trung quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, kỹ thuật trồng truyền thống còn lạc hậu chưa quan tâm đến năng suất và chất lượng sản phẩm, người dân chưa tuân thủ đúng theo yêu cầu của Quy trình kỹ thuật sản xuất (lạm dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học), do đó dễ bị ảnh hưởng do thiên tai và biến động của thị trường, trong sản xuất thiếu sự liên kết, công nghệ sau thu hoạch chưa được chú trọng, chế biến sau thu hoạch vẫn theo thủ công nên hàng hóa thiếu sức cạnh tranh, sức hấp dẫn và sức tiêu thụ thấp.

Bên cạnh đó, sản xuất lạc tại đây chịu ảnh hưởng nặng nề của thời tiết, còn hoàn toàn phụ thuộc vào nước

trời mà chưa chú trọng công tác tưới tiêu cho cây lạc. Người dân chưa có thói quen ứng dụng các chế phẩm sinh học để thúc đẩy quá trình sinh trưởng, phát triển của cây lạc nhằm nâng cao năng suất. Công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch chưa được người dân cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nông sản trên địa bàn toàn tỉnh chú trọng. Giống lạc sử dụng chủ yếu đang dùng sản xuất tại đây là giống địa phương gồm hai loại: Chùm Cam Lộ và lạc Đăklăk (lỳ và mỏ két). Đây là giống địa phương có khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên của tỉnh. Tuy nhiên, là những giống cho năng suất thấp, công tác sản xuất giống chưa được chú trọng. Người dân chủ yếu sử dụng lạc thương phẩm để làm giống nên độ thuần và tỷ lệ này mầm không đảm bảo, dẫn đến lạc thương phẩm có năng suất và phẩm cấp



thấp, không đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

Sản phẩm thu được dùng chủ yếu để ăn và bán cho thương lái một phần nhỏ dùng để ép dầu lạc... Sản phẩm thu được chưa đạt được yêu cầu của các thị trường tiêu thụ. Công nghệ chế biến các sản phẩm từ cây Lạc còn lạc hậu, công suất sản xuất thấp, chi phí nhân công và tiêu hao năng lượng cao. Sản phẩm chưa có chỗ đứng trên thị trường vì còn hạn chế về giá cả cũng như nhận

ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 2016-2025". Năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đã Quyết định phê duyệt Dự án: "Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất lạc năng suất cao và sản xuất lạc an toàn theo VietGAP tại tỉnh Quảng Trị" có tổng mức đầu tư là 5 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương: 2.230 triệu đồng;



*Tập huấn kỹ thuật canh tác lạc an toàn theo VietGAP. Ảnh: T.L.N*

diện thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Nhận diện những khó khăn, hạn chế đó, năm 2017 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã hỗ trợ Công ty TNHH MTV Từ Phong về các thông tin khoa học kỹ thuật, kinh tế, sản xuất cũng như tiềm năng, lợi thế của cây Lạc tại địa phương giúp doanh nghiệp đề xuất lên UBND tỉnh kêu gọi sự hỗ trợ từ nguồn vốn từ "Chương trình hỗ trợ

Nguồn tự có của Công ty: 2.770 triệu đồng, thời gian thực hiện là 24 tháng (từ tháng 6/2019 đến tháng 5/2021). Sau hơn 01 năm thực hiện, dự án đã đạt được một số kết quả ban đầu.

Theo đó, TNHH MTV Từ Phong tổ chức tiếp nhận thành công và làm chủ 05 quy trình kỹ thuật về sản xuất hạt giống lạc xác nhận (02 ha); sản xuất lạc đạt năng suất cao 05 tấn/ha (20 ha); canh tác lạc an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP

(10 ha) ; quy trình công nghệ sấy, chế biến và bảo quản lạc khô thương phẩm, quy trình công nghệ chế biến lạc sau thu hoạch (Dầu lạc, Bơ lạc); tổ chức đào tạo cho 05 kỹ thuật viên cơ sở; tập huấn 200 lượt người dân tham gia; đã lựa chọn 50 hộ dân đủ điều kiện tham gia các mô hình sản xuất sản xuất lạc xác nhận, lạc năng suất cao (5 tấn/ha) trên diện tích 32 ha cho 50 hộ dân tại địa bàn xã miền núi Cam Thành.

*Về hiệu quả xã hội:* Có thể nói nhận

nhận vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng (đất thiếu nước, đất canh tác kém hiệu quả) sang trồng lạc đạt năng suất cao tạo hiệu ứng tốt về mặt xã hội.

Dự án được triển khai thực hiện ở một xã miền núi, điều kiện kinh tế khó khăn, việc triển khai dự án góp phần giải quyết công ăn việc làm cho 200 lao động trực tiếp tham gia dự án, đặc biệt tạo công ăn việc làm tại chỗ đặc biệt cho lao động nữ tại địa phương. Bên cạnh đó việc thông qua các lớp tập huấn



*Thu hoạch lạc. Ảnh: T.L.N*

thức của người dân được nâng lên, thông qua dự án cũng đã giúp người dân phát huy năng lực tổ chức sản xuất, năng lực hạch toán kinh tế, năng lực ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đặc biệt là kỹ thuật trồng lạc năng suất cao, từ đây cũng cố thêm niềm tin của người dân vào các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, mạnh dạn hơn nữa trong áp dụng các tiến bộ khoa học công

kỹ thuật, đào tạo và chuyển giao công nghệ đã hình thành được tập quán sản xuất lạc theo công nghệ mới đạt năng suất cao, sản phẩm mang tính chất hàng hóa; thu hút nhiều hộ nông dân tham gia sản xuất làm rõ các nội dung về xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giải quyết việc làm, mức thu nhập so với trước khi thực hiện dự án.

Thông qua các nội dung của dự án

(xây dựng các mô hình trình diễn, đào tạo, tập huấn cho người dân, tổ chức hội nghị tham quan, tổng kết) đã cho bà con nông dân thấy được việc sản xuất lạc theo chuỗi giá trị mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và đã giải quyết được những khó khăn trước đây về vấn đề đầu ra sản phẩm của cây lạc (Công ty bao tiêu nguyên liệu), không còn phải lo sản xuất xong bán đi đâu, do đó việc mở rộng diện tích sản xuất lạc thương phẩm tại các hộ gia đình đã tham gia dự án mang hiệu quả rộng, nhiều người tham gia.

*Về hiệu quả kinh tế:* Với sự chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ từ Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ về quy trình kỹ thuật sản xuất giống để cung cấp nguồn giống chất lượng phục vụ cho sản xuất lạc chính vụ; về quy trình kỹ thuật thâm canh lạc năng suất cao để nâng cao năng suất trên một đơn vị diện tích (năng suất lạc L14 hay L20 luôn đạt từ 3,5-4 tấn/ha cao hơn rất nhiều so với sử dụng những giống lạc truyền thống ở địa phương lạc Lý Tây Nguyên năng suất chỉ đạt 1,5-2 tấn/ha); kỹ thuật canh tác lạc an toàn theo VietGAP để cung cấp nguồn nguyên liệu sạch, an toàn cho sản xuất dầu lạc, bơ lạc và quy trình công nghệ chế biến dầu lạc, bơ lạc để tạo ra các sản phẩm từ cây lạc (dầu lạc, bơ lạc) phục vụ tiêu dùng chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, đã được đào tạo, tập huấn, chuyển giao và hoàn thiện đến cán bộ kỹ thuật của đơn vị chủ trì và nông dân tham gia dự án nắm vững nên chuỗi giá trị sản phẩm đồng bộ.

Với sự hỗ trợ hệ thống thiết bị máy ép, tinh luyện dầu lạc với công nghệ tiên

tiến đã thay đổi công nghệ cho doanh nghiệp, đầu tư hệ thống thiết bị mới, tính năng, công suất lớn, sản xuất Dầu lạc chất lượng vượt trội về màu sắc, độ cặn, hương vị, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm. Nhất là, thiết bị mới đáp ứng được yêu cầu về kỹ thuật sản xuất giúp doanh nghiệp có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường.

Công ty TNHH MTV Từ Phong đã tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ và trực tiếp cùng với bà con nông dân mở rộng sản xuất về cả quy mô và chất lượng sản phẩm. Cung ứng ra thị trường ổn định các loại sản phẩm hàng hóa chế biến từ cây lạc mang nhãn hiệu vùng miền Super Green có chất lượng tốt phục vụ tiêu thụ nội địa và hướng đến xuất khẩu.

Dự án thành công sẽ được Công ty mở rộng trong các năm tiếp theo, đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả, phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu hiện nay và chắc chắn sẽ thu hút một lực lượng lớn lao động từ đó tăng thu nhập cho người lao động, giảm thiểu các tệ nạn xã hội, góp phần nâng cao đời sống cho người dân và góp phần thực hiện có kết quả chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương./.

T.L.N

# Tuyển chọn các chủng giống nấm đùi gà *Pleurotus eryngii* (DC.:Fr.) mới nhập nội nuôi trồng trên giá thể phụ phẩm nông nghiệp

Nguyễn Duy Trình, Trần Thu Hà, Lê Thanh Uyên, Phạm Xuân Hội  
Viện Di truyền Nông nghiệp

## Tóm tắt

Nấm đùi gà *Pleurotus eryngii* (DC.:Fr) thuộc chi nấm *Pleurotus* được nuôi trồng phổ biến thứ ba trên thế giới, sau chi nấm mỡ (*Agaricus*) và chi nấm hương (*Lentinus*). Ở Việt Nam, là một trong sáu loại nấm chủ lực, nấm đùi gà đang nhận được nhiều sự quan tâm trong các chương trình phát triển công nghệ nông nghiệp bền vững. Nhằm mục đích tuyển chọn được giống nấm năng suất, chất lượng cao, 4 chủng giống nấm đùi gà mới nhập nội đã được đánh giá về đặc tính và đặc điểm sinh trưởng. Kết quả thu nhận được cho thấy, chủng giống E11 được nhập nội từ Trung Quốc thể hiện khả năng sinh trưởng hệ sợi nhanh nhất (4,0-4,44 mm/ngày), tỷ lệ hình thành mầm quả thể nấm từ 97,7 đến 98,2% và hiệu suất sinh học (BE) đạt 61,4%. Trên các loại giá thể, sự sai khác về BE của chủng giống E11 với các chủng giống khác có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa  $p < 0,05$ . Chất lượng quả thể của chủng giống E11 cũng được đánh giá có sự vượt trội về hình thái, kích thước, hàm lượng protein và glucid tổng số.

## Đặt vấn đề

Chi nấm *Pleurotus* được nuôi trồng phổ biến xếp thứ ba trên thế giới, sau chi nấm mỡ (*Agaricus*) và nấm hương (*Lentinus*). Nấm đùi gà *P. eryngii* hay còn được gọi là nấm sò vua (king oyster) là một loại nấm ăn có chất lượng tốt, với hàm lượng dinh dưỡng cao và thời gian sử dụng dài hơn so với các loại nấm cùng loài khác [1]. Vào những năm 1970, nấm đùi gà bắt đầu được nuôi trồng thương mại ở Italy [2]. Sau đó được nuôi trồng rộng khắp thế giới, phát triển nhất ở các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc... Giá thể sử dụng nuôi trồng nấm

*P. eryngii* khá phong phú, có thể là mùn cưa, bông phế loại, rơm rạ, bã mía, vỏ đậu tương có bổ sung thêm các chất phụ gia như cám ngô, cám gạo [3, 4]. BE của nấm *P. eryngii* phụ thuộc vào từng chủng giống và các yếu tố tác động trong quá trình nuôi trồng [3]. József và cs (2011) [5] ghi nhận hiệu suất nuôi trồng của các chủng nấm đùi gà cao nhất đạt 156,18 và thấp nhất là 28,52%.

Ở Việt Nam, chi nấm *Pleurotus* đã được nuôi trồng từ rất lâu, tuy nhiên không như các loại nấm sò trắng (*P. florida*), nấm sò nâu (*P. sajor caju*), diện tích nuôi trồng nấm đùi gà ở Việt Nam

còn rất hạn chế do yêu cầu cần có sự kiểm soát khắt khe về các điều kiện nuôi trồng như nhà xưởng, chất lượng giống, dinh dưỡng và các yếu tố ngoại cảnh khác. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về nấm đùi gà ở nước ta cũng còn khiêm tốn. Một số nghiên cứu về chọn tạo giống nấm năng suất, chất lượng cao cũng mới được khởi động và thực hiện trong thời gian gần đây [2]. Hiện nay, chỉ duy nhất giống nấm đùi gà ENH của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nấm (Viện Di truyền Nông nghiệp) được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận và cho phép đưa vào sản xuất đại trà cùng một vài chủng nấm đùi gà mới được thu thập tuyển chọn có năng suất cao như E2 của tác giả Nguyễn Thị Bích Thùy và cs (2019) [2].

Nhằm hướng tới đa dạng hóa các chủng giống nấm, phát triển chọn tạo nhiều giống nấm đùi gà mới phù hợp với sản xuất nấm quy mô công nghiệp theo hướng tự động hóa hoàn toàn thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu), chúng tôi đã thực hiện các nghiên cứu đánh giá, tuyển chọn các nguồn gen nấm đùi gà mới nhập nội trên các loại giá thể nông nghiệp, làm cơ sở lựa chọn ra chủng giống nấm đùi gà mới có năng suất, chất lượng cao.

#### **Vật liệu và phương pháp nghiên cứu**

##### **Chủng giống nấm**

Bốn chủng giống nấm đùi gà *P. eryngii* (DC.:Fr.) mới được nhập nội ký hiệu lần lượt là E3 (Đài Loan, Trung Quốc), E7 (Nhật Bản), E10 (Hàn Quốc) và E11 (Trung Quốc). Sử dụng giống nấm đùi gà (ENH) làm giống đối chứng. Các giống nấm hiện được lưu giữ, bảo quản tại Trung tâm. Nghiên cứu và phát triển nấm, Viện Di truyền Nông nghiệp ở nhiệt độ 40C trên môi trường PDA gồm 200 g/l khoai tây, 20 g/l dextrose, 20 g/l agar.

##### **Chuẩn bị giống nấm**

Các chủng giống nấm đùi gà được nhân nuôi trên giá thể gồm 79% mùn cưa, 20% cám gạo và 1% bột nhẹ, nhiệt độ ươm sợi 25±10C, độ ẩm 65% và không cần ánh sáng trong thời gian 30 ngày.

##### **Chuẩn bị giá thể nuôi trồng**

Ba loại nguyên liệu là mùn cưa, bông hạt, rơm rạ được sử dụng để phối trộn tạo nên 2 loại giá thể nuôi trồng nấm đùi gà. Loại giá thể thứ nhất gồm mùn cưa, bông hạt (SD+CH=1:1) và bổ sung 15% cám gạo, 1% bột CaCO<sub>3</sub>. Loại giá thể thứ hai gồm mùn cưa, rơm rạ (SD+SR=1:1) và bổ sung 15% cám gạo, 1% bột CaCO<sub>3</sub>. Sử dụng máy Exotek MC-410 để chuẩn ẩm độ giá thể nuôi trồng nấm đùi gà bằng 65%, sau đó giá thể được cho vào lọ nhựa PP (1100 ml) và hấp khử trùng ở nhiệt độ 1210C trong thời gian 180 phút. Khi nhiệt độ của giá thể giảm xuống dưới 280C thì tiến hành cấy giống, lượng giống nấm đùi gà sử dụng là 15 g/lọ. Các lọ phối được nuôi sợi ở nhiệt độ 25±10C trong điều kiện tối hoàn toàn để hệ sợi nấm sinh trưởng.

##### **Chăm sóc và thu hái quả thể**

Sau khi hoàn thành pha sợi, các bịch phối được đưa vào nhà nuôi nấm được kiểm soát về nhiệt độ (19±20C), độ ẩm (85-90%), cường độ ánh sáng (250 lux), nồng độ khí cacbonic (dưới 1000 ppm) [3, 5-7]. Quả thể nấm đùi gà sẽ được thu hái khi mũ nấm phẳng và có màu sáng.

##### **Các chỉ tiêu theo dõi**

**Tốc độ sinh trưởng hệ sợi:** tốc độ sinh trưởng hệ sợi của nấm đùi gà được đánh giá theo phương pháp của Nguyễn Thị Bích Thùy và cs (2016) [8]. Đơn vị tính: mm/ngày.

**Thời gian hình thành mầm quả thể:** là thời gian từ khi cấy giống đến khi mầm quả thể nấm đùi gà đầu tiên được hình

thành trên giá thể. Đơn vị tính: ngày.

**Số lượng mầm quả thể:** là số lượng quả thể nấm đùi gà được hình thành trên 1 lọ giá thể. Đơn vị tính: ngày.

**Tỷ lệ hình thành quả thể:** là % số lượng lọ phôi cấy giống nấm đùi gà có khả năng hình thành mầm quả thể nấm. Đơn vị tính: %.

**Thời gian quả thể trưởng thành:** là thời gian từ khi mầm quả thể nấm đùi gà đầu tiên được hình thành đến lần thu hái quả thể đầu tiên. Đơn vị tính: ngày.

**Số lượng mầm quả thể:** là số lượng quả thể nấm đùi gà được hình thành trên 1 lọ giá thể.

**Số lượng quả thể hữu hiệu:** số lượng quả thể nấm đùi gà hữu hiệu được xác định theo phương pháp của Won và cs (2010) [9], là số lượng quả thể nấm đùi gà có khối lượng >10 g.

**BE(%):** hiệu suất sinh học nuôi trồng nấm đùi gà được tính theo công thức của Moonmoon và cs (2010) [10].

$$BE = \frac{M_1}{M_2} \times 100\%$$

Trong đó: M1 là khối lượng quả thể nấm tươi (gam); M2 là khối lượng giá thể khô (giá thể đạt độ ẩm 13%) (g).

**Đặc điểm phát triển quả thể:** đánh

giá các chỉ tiêu về đường kính mũ nấm (cm), đường kính cuống nấm (cm), chiều dài quả thể (cm) [10]. Tỷ lệ quả thể dị dạng (%) được đánh giá theo phương pháp của Won và cs (2010) [9], là tỷ lệ quả thể nấm đùi gà xuất hiện những bất thường về hình thái như không hình thành mũ nấm; mũ nấm, cuống nấm biến dạng.

**Chất lượng quả thể:** trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá chất lượng quả thể của các chủng nấm đùi gà mới dựa trên kết quả phân tích các chỉ tiêu hàm lượng glucid, hàm lượng protein tổng số và hàm lượng lipid tổng số. Trong đó, hàm lượng glucid tổng số được phân tích theo phương pháp KN/QTKT-10.3, hàm lượng protein tổng số được phân tích theo phương pháp KN/QTKT-10.1, hàm lượng lipid tổng số được phân tích theo phương pháp KN/QTKT-10.2 của Viện Thực phẩm chức năng.

**Phương pháp xử lý số liệu**

Kết quả nghiên cứu được xử lý thống kê bằng phần mềm excel 2010 và phân tích Anova bằng phần mềm IRRISTAT 5.0 tại mức ý nghĩa p<0,05 cho thí nghiệm một nhân tố. Các giá trị trung bình mang chữ cái khác nhau là

	Giá thể 1: mùn cưa, bông hạt					Giá thể 2: mùn cưa, rơm rạ				
	<i>E<sub>NH</sub></i>	<i>E<sub>3</sub></i>	<i>E<sub>7</sub></i>	<i>E<sub>10</sub></i>	<i>E<sub>11</sub></i>	<i>E<sub>NH</sub></i>	<i>E<sub>3</sub></i>	<i>E<sub>7</sub></i>	<i>E<sub>10</sub></i>	<i>E<sub>11</sub></i>
TĐHS	3,52±0,15 <sup>c</sup>	3,6±0,04 <sup>c</sup>	4,22±0,14 <sup>b</sup>	4,0±0,04 <sup>b</sup>	4,44±0,02 <sup>a</sup>	3,67±0,03 <sup>b</sup>	3,72±0,05 <sup>b</sup>	3,96±0,06 <sup>c</sup>	3,92±0,14 <sup>a</sup>	4,0±0,11 <sup>a</sup>
THTQT	41±1,0 <sup>b</sup>	40±0,0 <sup>b</sup>	40±1,0 <sup>b</sup>	48±1,0 <sup>a</sup>	38±1,0 <sup>c</sup>	42±0,0 <sup>b</sup>	42±1,0 <sup>b</sup>	43±1,0 <sup>b</sup>	47±1,0 <sup>a</sup>	39±1,0 <sup>c</sup>
TLHTQT	95,6±1,9 <sup>b</sup>	98,2±0,4 <sup>a</sup>	97,8±0,3 <sup>a</sup>	90,4±1,1 <sup>c</sup>	97,7±1,1 <sup>a</sup>	94,6±1,1 <sup>b</sup>	97,4±1,6 <sup>a</sup>	97,2±0,6 <sup>a</sup>	89,6±0,9 <sup>c</sup>	98,2±0,9 <sup>a</sup>
TQTTT	7±0,0 <sup>c</sup>	6±0,0 <sup>c</sup>	6±1,0 <sup>c</sup>	10±1,0 <sup>a</sup>	8±1,0 <sup>b</sup>	6±0,0 <sup>c</sup>	6±1,0 <sup>c</sup>	6±1,0 <sup>c</sup>	12±1,0 <sup>a</sup>	8±0,0 <sup>b</sup>

**Bảng 1. Sinh trưởng của các chủng giống nấm đùi gà *P.eryngii* trên các loại giá thể.**

**Ghi chú:** TĐHS: tốc độ sinh trưởng hệ sợi (mm/ngày); THTQT: thời gian hình thành mầm quả thể (ngày); TLHTQT: tỷ lệ hình thành quả thể (%); TQTTT: thời gian quả thể trưởng thành (ngày); các chữ a, b, c, d ứng với mỗi giá trị sai khác giữa các giá trị trung bình tại mức ý nghĩa p<0,05.

khác nhau có ý nghĩa thống kê.

**Kết quả nghiên cứu**

**Tốc độ sinh trưởng**

*Pleurotus* được biết đến là chi nấm có khả năng phân giải tốt nhất các loại vật liệu có chứa cellulose, hemicellulose hay lignin [11]. Khả năng phân giải và hấp thụ dinh dưỡng thể hiện tốc độ sinh trưởng và phát triển của một giống nấm và chịu sự chi phối của yếu tố nội tại (giống nấm), yếu tố ngoại cảnh (môi trường sống), trong đó cơ chất nền hay thành phần giá thể nuôi trồng là nhân tố hàng đầu.

Bảng 1 cho thấy, trên giá thể mùn cưa, bông hạt, tốc độ sinh trưởng hệ sợi của chủng E7 và E11 cao nhất, lần lượt là 4,22 và 4,44 mm/ngày, tiếp đến là chủng E10, chậm nhất là hai chủng ENH (3,52 mm/ngày) và E3 (3,60 mm/ngày). Trên giá thể mùn cưa, rơm rạ ba chủng E7, E10, E11 có tốc độ sinh trưởng hệ sợi tương tự nhau và khác biệt ở mức có ý nghĩa  $p < 0,05$ .

Thời gian hình thành mầm quả thể nấm của các chủng nấm đùi gà cũng có sự sai khác. Chủng E11 có thời gian hình thành quả thể sớm nhất, trung bình 38-39 ngày, giống ENH, E3, E7 có thời gian hình thành quả thể dao động từ 40 đến 43 ngày ở cả hai loại giá thể. Chủng E10 thời gian ra quả thể muộn nhất (47-48 ngày sau khi cấy giống).

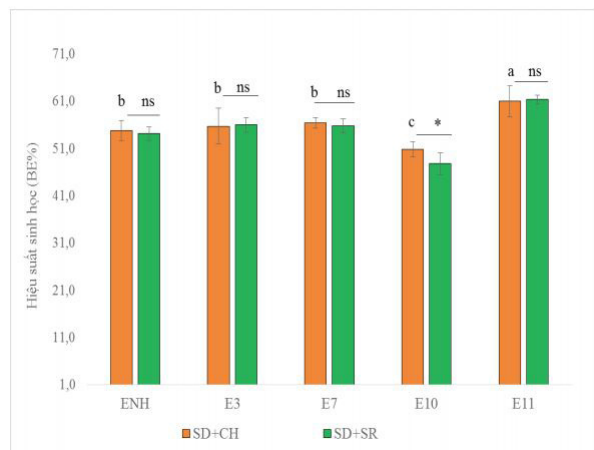
Tỷ lệ hình thành quả thể của các chủng nấm đùi gà mới cũng được xác định với khả năng hình thành mầm quả thể đạt tỷ lệ cao nhất ở giống E3, E7 và E11 (đều cao hơn 97% ở cả hai loại giá thể sử dụng). Chủng ENH có tỷ lệ hình thành quả thể đứng thứ hai (94,6-95,6%). Chủng E10 có tỷ lệ hình thành quả thể thấp nhất, trung bình có 89,6-90,4% lọ giá thể có khả năng hình thành mầm quả thể.

Thời gian quả thể trưởng thành của

chủng E10 dài nhất (10-12 ngày), chủng E3, E7 có thời gian quả thể nấm trưởng thành ngắn nhất (6 ngày từ khi mầm quả thể hình thành). Thời gian trưởng thành của chủng E11 là 8 ngày, sai khác có ý nghĩa ở mức  $p < 0,05$  ở cả 2 giá thể nghiên cứu. Sinh trưởng hệ sợi của các chủng giống nấm đùi gà mới trên hai loại giá thể nuôi trồng không có khác biệt có ý nghĩa thống kê.

**BE**

Hình 1 thể hiện BE của các chủng *P. eryngii* trên hai loại giá thể SD+CH và SD+SR. Trên giá thể SD+CH, BE cao nhất được ghi nhận ở chủng E11 (61,4%), BE của E3, E7 tương đương với giống ENH lần lượt là 55,7, 56,4 và 54,8%. BE của chủng E10 thấp đáng kể so với chủng E11 và chủng đối chứng ENH (50,8%). Trên giá thể SD+SR, BE cao nhất được tìm thấy ở chủng giống E11 (61,4%), tiếp theo là chủng E3 (56,0%) và E7 (55,8%), thấp nhất là chủng E10 (47,8%). Kết quả này có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa  $p < 0,05$ .



Hình 1. BE các chủng giống nấm đùi gà *P. eryngii* trên SD+CH và SD+SR.

Các chữ cái a, b, c ứng với mỗi giá trị sai khác giữa các giá trị trung bình khác nhau ở  $p < 0,05$ . \*: là sự sai khác có ý nghĩa thống kê; ns: là sự sai khác không có ý nghĩa thống kê.

	Giá thể 1: mùn cưa, bông hạt					Giá thể 2: mùn cưa, rơm rạ				
	$E_{NH}$	$E_3$	$E_7$	$E_{10}$	$E_{11}$	$E_{NH}$	$E_3$	$E_7$	$E_{10}$	$E_{11}$
CDQT	14,2±0,5 <sup>b</sup>	14,9±0,3 <sup>b</sup>	15,9±2,3 <sup>ab</sup>	9,6±0,7 <sup>c</sup>	17,8±1,2 <sup>a</sup>	14,5±0,8 <sup>a</sup>	14,6±0,6 <sup>a</sup>	16,2±1,2 <sup>a</sup>	10,2±1,6 <sup>b</sup>	14,2±0,3 <sup>a</sup>
DKC	4,05±0,08 <sup>b</sup>	4,25±0,22 <sup>ab</sup>	4,65±0,2 <sup>a</sup>	2,34±0,33 <sup>c</sup>	4,15±0,0 <sup>b</sup>	3,93±0,06	4,1±0,1 <sup>b</sup>	4,04±0,08 <sup>b</sup>	2,56±0,22 <sup>c</sup>	4,45±0,12 <sup>a</sup>
DKM	4,12±0,12 <sup>b</sup>	4,01±0,12 <sup>c</sup>	4,34±0,22 <sup>a</sup>	2,46±0,12 <sup>c</sup>	3,87±0,2 <sup>d</sup>	3,92±0,15 <sup>c</sup>	4,22±0,11 <sup>ab</sup>	3,95±0,08 <sup>bc</sup>	2,66±0,21 <sup>d</sup>	4,23±0,22 <sup>a</sup>
SLQTHH	2,6±0,4 <sup>ab</sup>	2,8±0,2 <sup>b</sup>	2,2±0,0 <sup>b</sup>	1,6±0,1 <sup>c</sup>	3,0±0,3 <sup>a</sup>	2,5±0,3 <sup>bc</sup>	2,7±0,2 <sup>ab</sup>	2,4±0,1 <sup>c</sup>	1,4±0,1 <sup>d</sup>	2,9±0,1 <sup>a</sup>
TLDD	7,2±0,2 <sup>b</sup>	6,4±0,3 <sup>cd</sup>	7±0,4 <sup>bc</sup>	10,2±0,4 <sup>a</sup>	5,6±0,4 <sup>d</sup>	7,1±0,1 <sup>b</sup>	6±0,0 <sup>d</sup>	6,7±0,2 <sup>c</sup>	9,8±0,1 <sup>a</sup>	5,3±0,2 <sup>c</sup>

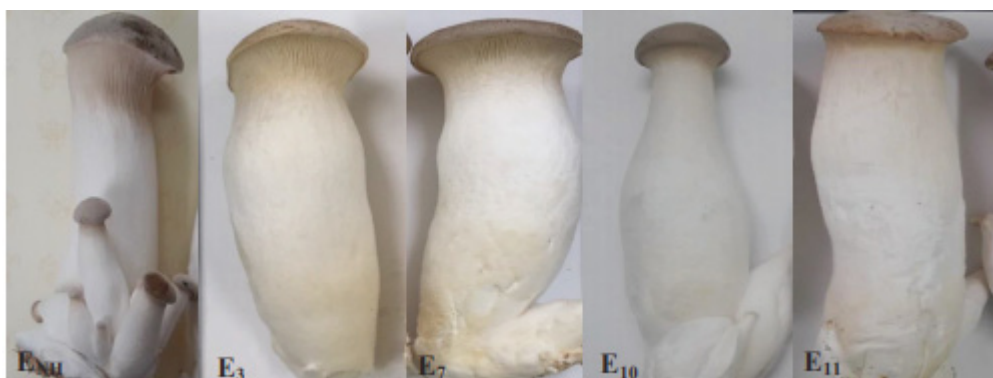
**Bảng 2. Đặc điểm quả thể của các chủng nấm đùi gà *P. eryngii* trên các loại giá thể.**  
 Ghi chú: CDQT: chiều dài quả thể (cm); DKC: đường kính cuống nấm (cm); DKM: đường kính mũ nấm (cm); SLQTHH: số lượng quả thể hữu hiệu (>10 g); TLDD: tỷ lệ dị dạng (%). Các chữ a, b, c, d, e ứng với mỗi giá trị sai khác giữa các giá trị trung bình tại mức ý nghĩa  $p < 0,05$ .

**Đặc điểm phát triển quả thể**

Bảng 2 miêu tả chất lượng quả thể của giống nấm đùi gà nuôi trồng trên 2 loại cơ chất tổng hợp mùn cưa, bông hạt và mùn cưa, rơm rạ. Nhận thấy trên giá thể SD+CH, E7 và E11 là 2 chủng giống có chiều dài quả thể lớn nhất và có sự khác biệt đối với các chủng nấm khác ở mức ý nghĩa  $p < 0,05$ ; đường kính cuống của chủng giống E7 lớn nhất. Chủng nấm E10 có chiều dài quả thể và đường

kính cuống nhỏ nhất ở cả hai loại giá thể SD+CH và SD+SR.

Đường kính mũ nấm của các chủng giống đùi gà có sự thay đổi đáng kể (bảng 2, hình 2), chủng E7 có đường kính mũ nấm lớn nhất ở giá thể SD+CH và có sự sai khác ở mức ý nghĩa  $p < 0,05$  đối với các chủng giống khác. Trên giá thể SD+SR, E11 là chủng giống có đường kính mũ nấm lớn nhất (4,23 cm). Ở cả hai loại giá thể, số lượng quả thể



**Hình 2. Hình thái quả thể của các chủng giống nấm đùi gà (*P.eryngii*) nuôi trồng trên giá thể SD+CH**



	Giá thể 1: mùn cưa + bông hạt			Giá thể 2: mùn cưa + rơm rạ		
	Protein tổng số (%)	Lipid tổng số (%)	Glucid (%)	Protein tổng số (%)	Lipid tổng số (%)	Glucid (%)
E <sub>NH</sub>	1,8±0,10 <sup>a</sup>	0,02±0,00 <sup>a</sup>	4,17±0,17 <sup>a</sup>	2,0±0,00 <sup>a</sup>	0,02±0,01 <sup>b</sup>	1,58±0,11 <sup>d</sup>
E <sub>3</sub>	1,8±0,20 <sup>a</sup>	0,10±0,05 <sup>b</sup>	5,1±0,11 <sup>a</sup>	2,2±0,10 <sup>b</sup>	0,10±0,03 <sup>a</sup>	5,9±0,45 <sup>a</sup>
E <sub>7</sub>	1,8±0,20 <sup>a</sup>	0,03±0,01 <sup>a</sup>	3,27±0,10 <sup>a</sup>	2,4±0,10 <sup>a</sup>	0,04±0,00 <sup>b</sup>	4,16±0,14 <sup>c</sup>
E <sub>10</sub>	1,4±0,00 <sup>b</sup>	0,15±0,02 <sup>a</sup>	2,12±0,01 <sup>d</sup>	1,2±0,00 <sup>d</sup>	0,11±0,02 <sup>a</sup>	2,07±0,05 <sup>c</sup>
E <sub>11</sub>	2,0±0,10 <sup>a</sup>	0,02±0,00 <sup>a</sup>	5,18±0,14 <sup>a</sup>	2,0±0,00 <sup>a</sup>	0,10±0,01 <sup>a</sup>	5,5±0,16 <sup>b</sup>

Bảng 3. Hàm lượng dinh dưỡng của quả thể các chủng giống nấm đùi gà *P. eryngii* trên các giá thể.

Ghi chú: các chữ a, b, c, d ứng với mỗi giá trị sai khác giữa các giá trị trung bình tại mức ý nghĩa  $p < 0,05$

hữu hiệu lớn nhất thuộc về chủng E11 (2,9 đến 3,0 quả/lo giá thể), nhỏ nhất là ở chủng giống E10 (1,4 và 1,6%). Tỷ lệ quả thể dị dạng của các giống nấm đùi gà từ 5,3 đến 10,2%, trong đó chủng giống E11 có tỷ lệ quả thể dị dạng thấp nhất ở cả SD+CH và SD+SR và thấp hơn có ý nghĩa đối với các giống nấm khác. Chủng giống E10 có tỷ lệ quả thể dị dạng lớn nhất, trung bình 10%.

#### Chất lượng quả thể

Ngoài các tiêu chí đánh giá về hình thái, kích thước quả thể nấm, trong nghiên cứu này chúng tôi còn đi sâu so sánh chất lượng quả thể của các chủng nấm đùi gà mới thông qua phân tích hàm lượng protein, lipid và glucid tổng số, kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Kết quả bảng 3 cho thấy có sự sai khác về hàm lượng glucid, protein, lipid giữa các chủng giống nấm đùi gà mới. Trên giá thể SD+CH ghi nhận, chủng giống E11, E3, E7

Có hàm lượng protein cao nhất và tương đương với đối chứng ENH. Hàm lượng glucid tổng số của chủng E11 và E3 sai khác có ý nghĩa  $p < 0,05$  so với các chủng nấm còn lại, lần lượt là 5,18 và 5,1%. E10 là chủng nấm có hàm lượng protein và glucid thấp nhất. Ngược lại, chủng E10 lại có hàm lượng lipid tổng số cao nhất (0,15%) và khác biệt có ý nghĩa với các chủng khác. Các chủng E7 và E11 có hàm lượng lipid tương đương với đối chứng ENH. Trên giá thể SD+SR, hàm lượng protein cao nhất cũng được xác định ở chủng E7. Chủng E11 có hàm lượng protein tương đương với chủng ENH (2,0%) và có hàm lượng glucide tổng số bằng 5,5%, xếp thứ hai sau chủng E3. Hàm lượng lipid tổng số có sự thay đổi so với trên giá thể SD+CH, chủng E3, E10, E11 đều có hàm lượng lipid cao hơn có ý nghĩa so với giống đối chứng ENH. Kết quả tại bảng 3 cũng cho thấy không có sự sai

khác đáng kể về hàm lượng dinh dưỡng của quả thể nấm đùi gà khi nuôi trồng trên các loại giá thể khác nhau.

### **Thảo luận**

Mùn cưa, bông hạt, rơm rạ là những loại phụ phẩm nông nghiệp được sử dụng khá phổ biến trong nuôi trồng nấm ở Việt Nam. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng 2 loại giá thể tổng hợp để nuôi trồng 4 chủng giống nấm đùi gà khác nhau. Chủng giống E11 được ghi nhận là chủng giống có tốc độ sinh trưởng hệ sợi cao hơn so với ba chủng nấm còn lại. Tốc độ mọc sợi của chủng E11 dao động từ 4,0 đến 4,44 mm/ngày. Đồng thời, tốc độ sinh trưởng hệ sợi của 4 chủng giống thí nghiệm khi nuôi trồng trên giá thể mùn cưa, bông hạt vượt trội hơn trên giá thể rơm rạ, bông hạt. Kết quả nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Philippousis và cs (2002) [12] khi cho rằng thời gian sinh trưởng của các chủng nấm khác nhau tùy thuộc vào kiểu gen và giá thể nuôi trồng.

Thời gian hình thành mầm quả thể của các chủng giống đùi gà mới cũng có sự sai khác có ý nghĩa. E11 vẫn được ghi nhận là chủng giống có thời gian hình thành mầm quả thể nhanh nhất, trung bình 38-39 ngày. Ngược lại chủng nấm E10 mặc dù có tốc độ sinh trưởng hệ sợi nhanh nhưng thời gian hình thành quả thể lại chậm nhất. Một kết quả tương tự cũng đã được Iqbal và cs (2018) [13] trình bày trong công bố của mình. Nhóm tác giả này so sánh hai chủng nấm đùi gà (ký hiệu là P9 và P10) ở 5 loại giá thể khác nhau. Kết quả cho thấy, P10 có tốc độ mọc sợi nhanh nhất ở giá thể 100% bông hạt, tuy nhiên thời gian hình thành mầm quả thể của P10 ở giá thể 100% bông hạt lại chậm hơn so với giá thể 75% bông hạt và 25% rơm. Kết quả này lần nữa khẳng định khả

năng sinh trưởng và hình thành quả thể của các chủng giống nấm nói chung và giống nấm đùi gà nói riêng chịu sự chi phối mạnh mẽ từ yếu tố kiểu gen [14].

Thời gian quả thể trưởng thành của chủng nấm đùi gà được Kirbag và Akyuz (2008) [15] nghiên cứu với khoảng dao động từ 34,7 đến 54,8 ngày kể từ khi cấy giống và phụ thuộc vào thành phần cơ chất. Kết quả của nghiên cứu này cũng tương tự khi xác định thời gian trưởng thành quả thể của các chủng giống nấm đùi mới từ khi cấy giống đến khi thu hoạch trong khoảng 47-59 ngày. Trong đó, E10 có thời gian quả thể trưởng thành dài nhất, giữa các chủng ENH, E3, E7, E11 không có sự sai khác có ý nghĩa khi thay đổi thành phần giá thể nuôi trồng ở  $p < 0,05$ . Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Moonmoon và cs (2010) [10] khi nuôi trồng các chủng nấm đùi gà mới trên giá thể mùn cưa và rơm rạ tại Banglades, khi đó thời gian quả thể trưởng thành của chủng giống nấm đùi gà Pe-3 là 47 ngày sau khi cấy giống.

Số lượng mầm quả thể hữu hiệu được xác định từ 1,4 đến 3,0 và không có sự sai khác ý nghĩa thống kê giữa chủng giống E11 và đối chứng ENH. Nuôi trồng các chủng giống nấm đùi gà trên hai loại giá thể cũng không mang đến sự sai khác có ý nghĩa thống kê về số lượng mầm quả thể ở mức ý nghĩa  $p < 0,05$ . Nghiên cứu của Amin và cs (2007) [16], Jawad và cs (2013) [17] cũng không tìm thấy sự thay đổi đáng kể nào về số lượng quả thể nấm đùi gà nuôi trồng trên hai loại giá thể mùn cưa và rơm rạ. Trong khi đó, Moonmoon và cs (2010) [10] lại cho rằng, số lượng quả thể nấm đùi gà nuôi trồng trên giá thể mùn cưa cao hơn đáng kể khi nuôi trồng trên giá thể rơm rạ và sự sai khác này có ý nghĩa ở độ tin cậy  $p < 0,05$ .

BE của các chủng nấm đùi gà mới trên giá thể SD+CH và SD+SR là từ 47,8 đến 61,4% và chủng giống E11 có hiệu suất cao nhất đạt 61,4%. Kết quả này phù hợp với công bố của Atila (2019) [18] khi nuôi trồng 3 chủng nấm đùi gà K-16, K-20 và M-18 trên 3 loại giá thể tổng hợp gồm mùn cưa (tỷ lệ 80%) và bột hướng dương, bã thải nhỏ, vỏ quả óc chó đã xác định BE dao động từ 28,9 đến 68,8%. Kirbag và Akyuz (2008) [15] nuôi trồng nấm đùi gà (*P. eryngii* Q:Fr) trên 6 loại giá thể tổng hợp được phối trộn từ rơm lúa mì (W), vỏ đậu tương (S), thân cây ngô (C), thân cây đậu tương (B), thân cây kê (M), thân cây bông (P) và cám gạo (RB) cho hiệu suất cao nhất là 82,5% trên giá thể thân lúa mì và thân cây kê, thấp nhất là 48,0% trên giá thể thân lúa mì. Công bố của Hassan và cs (2010) [3] cũng chỉ ra rằng, BE khi nuôi trồng nấm đùi gà trên giá thể mùn cưa, bã mía dao động từ 45,71 đến 65,22%. Chủng giống Pe-1 của Moonmoon và cs (2010) [10] được tìm thấy hiệu suất BE dao động từ 62,6 đến 73,5% khi nuôi trồng trên hai loại giá thể là mùn cưa và rơm rạ. 3 chủng nấm đùi gà *P. eryngii* B112, B012, B045 là các chủng giống lai tạo từ các monokaryon phân lập từ chủng ATCC 36047 và Holland 150 của Peng và cs (2001) [7] có BE từ 59,37 đến 77,87% khi nuôi trồng trên giá thể mùn cưa có bổ sung 15% cám gạo. Hay công bố của tác giả Nguyễn Thị Bích Thùy và cs (2016, 2019) [2, 8] về chủng giống đùi gà ký hiệu E1 và E2 có BE lần lượt là 59,4 và 54,37%.

Chất lượng quả thể các chủng nấm đùi gà *P. eryngii* trong nghiên cứu này được đánh giá tương đương với chất lượng của các chủng nấm *P. eryngii* khác đã được công bố và chất lượng quả thể của các chủng giống nấm đùi gà bị thay đổi bởi giá thể nuôi trồng [2].

Theo Mazzi và cs (2004) [19], nấm đùi gà có hàm lượng protein dao động từ 1,88 đến 2,65%. Rodrigues và cs (2015) [20] xác định hàm lượng đường, protein, chất béo trong nấm đùi gà lần lượt là 5,45, 1,36 và 0,29%. Tương tự Reis và cs (2012) [21] cũng công bố giá trị dinh dưỡng của nấm đùi gà *P. eryngii* gồm hàm lượng protein 1,21%, đường 8,95% và lipid là 0,15%.

### Kết luận

Sự khác nhau về khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng của các chủng nấm đùi gà *P. eryngii* được quy định bởi đặc tính sinh học của mỗi chủng nấm (kiểu gen). Chủng giống E11 cho thấy nhiều đặc điểm sinh trưởng, phát triển vượt trội. Với đặc điểm sinh trưởng hệ sợi khỏe, thời gian hình thành mầm quả thể ngắn (38-39 ngày), số lượng quả thể hữu hiệu đạt 2,9-3,0 quả/lọ và BE 60,0-61,4%, chủng giống nấm đùi gà E11 (có nguồn gốc từ Trung Quốc) được nhận định là chủng giống nấm triển vọng, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một giống nấm thương mại có năng suất và chất lượng cao và phù hợp với điều kiện nuôi trồng ở Việt Nam.

Tạp chí KH&CN Việt Nam

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] D. Lewinsohn, et al. (2002), "The *Pleurotus eryngii* species complex in Israel: distribution and morphological description of a new taxon", *Mycotaxon*, 81, pp.51-67.
- [2] Nguyễn Thị Bích Thùy, Ngô Xuân Nghiễn, Lê Văn Vê, Nguyễn Thị Luyện, Nguyễn Thị Huyền Trang, Phan Thu Huy (2019), "Sinh trưởng hệ sợi và hình thành quả thể của nấm sò vua *Pleurotus eryngii* (DC.: Fr.) chủng E2", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 61(7), tr.39-44.
- [3] F.R.H. Hassan, et al. (2010), "Cultivation of the king oyster Mushroom (*Pleurotus eryngii*) in Egypt", *Australian Journal of Basic and Applied Sciences*, 4(1), pp.99-105.
- [4] A. Li, et al. (2014), "Antioxidant activity of polysaccharide extracted from *Pleurotus eryngii* using response surface methodology",

Int. J. Biol. Macromol., 65, pp.28-32.

[5] S. J'ozsef, et al. (2011), "Comparative studies on the cultivation and phylogenetics of king oyster Mushroom (*Pleurotus eryngii* (DC.: Fr.) Qu'el.) strains", *Acta Universitatis Sapientiae Agriculture and Environment*, 3, pp.18-34.

[6] J.S. Ryu, et al. (2007), "The growth characteristics of *Pleurotus eryngii*", *The Korean Journal of Mycology*, 1(35), pp.47-53.

[7] J.T. Peng, et al. (2001), "Selection and breeding of king oyster mushroom", *Journal of Agricultural Research of China*, 50(4), pp.43-58.

[8] Nguyễn Thị Bích Thùy, Ngô Xuân Nghiễn, Nguyễn Thế Thắng, Trần Đông Anh, Nguyễn Xuân Cảnh, Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Đào (2016), "Đánh giá sinh trưởng và năng suất của nấm sò vua (*Pleurotus eryngii*) (DC.:Fr.) Quel trên nguyên liệu nuôi trồng khác nhau", *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 14, tr.816-823.

[9] S.Y. Won, et al. (2010), "Optimum CO<sub>2</sub> concentration for Fruit-body formation and yield of *Pleurotus ferulae* mushroom in the growing facility for bottle cultivation", *Journal of Bio-Environment*

Control, 19(2), pp.77-81.

[10] M. Moonmoon, et al. (2010), "Cultivation of different strains of king oyster mushroom (*Pleurotus eryngii*) on saw dust and rice straw in Bangladesh", *Saudi Journal of Biological Sciences*, 17, pp.341-345.

[11] E. Baysal, et al. (2003), "Cultivation of oyster mushroom on waster paper with some added supplementary materials", *Technology*, 89, pp.95-97.

[12] A. Philippoussis, et al. (2002), "Monitoring of mycelium growth and fructification of *lentinula edodes* on several lignocellulosic residues, *Mushroom Biology and Mushroom Products UAEM Cuernavaca Mexico*.

[13] W. Iqbal, et al. (2018), "Optimization of King oyster mushroom (*Pleurotus eryngii*) production against cotton waste and fenugreek straw". *Pak. J. Phytopathol.*, 31(2), pp.149-154.

[14] S.M. Ayodele, E.O. Akpaja (2007), "Yield evaluation of *Lentinus squarosulus* (Mont) sing on selected sawdust of economic tree species supplemented with 20% oil palm fruit fibers", *Asian J. Plant Sci.*, 6(7), pp.1098-1102.

[15] S. Kirbag, M. Akyuz (2008), "Effect of various agro-residues on growing periods, yield and biological efficiency of *Pleurotus eryngii*", *J. Food Agric. Environ.*, 6, pp.402-405.

[16] S.M. Amin, et al. (2007), "Effect of

different substrates on the growth and yield of five selected oyster mushrooms", *Bangladesh J. Mushroom*, 1, pp.21-25.

[17] A. Jawad, et al. (2013), "Effect of different substrate supplements on oyster mushroom (*Pleurotus* spp.) production", *Food Science and Technology*, 1(3), pp.44-51.

[18] F. Atila (2019), "Yield and fruit body properties of *Pleurotus eryngii* isolates grown on poplar sawdust supplemented with different additive materials", *The Journal of Fungus*, 10, pp.106-113.

[19] P. Manzi, et al. (2004), "Commercial mushrooms: nutritional quality and effect of cooking", *Food Chem.*, 84(2), pp.201-206.

[20] D.M.F. Rodrigues, et al. (2015), "Chemical composition and nutritive value of *Pleurotus citrinopileatus* var *cornucopiae*, *P. eryngii*, *P. salmoneo stramineus*, *Pholiota nameko* and *Hericium erinaceus*", *J. Food Sci. Technol.*, 52, pp.6927-6939.

[21] F.S. Reis, et al. (2012), "Chemical composition and nutritional value of the most widely appreciated cultivated mushrooms: An inter-species comparative study". *Food and Chemical Toxicology*, 50(2), pp.191-197.

# Một số hoạt động lễ hội nhằm tôn vinh giá trị của thông điệp “hòa bình” tại Quảng Trị

**Hoàng Thị Thu Hương**

Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị

## **Quảng Trị, mảnh đất điển hình của nỗi đau chiến tranh và khát vọng hòa bình của Việt Nam**

Trong lịch sử đấu tranh anh dũng của dân tộc Việt Nam, Quảng Trị là vùng đất có vị trí đặc biệt quan trọng về địa chính trị, kinh tế, quân sự, là nơi đối đầu về sức mạnh quân sự giữa hai thế lực XHCN và TBCN. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất Quảng Trị luôn là tuyến lửa, nơi đối đầu lịch sử giữa hai thế lực cách mạng và phản cách mạng. Vì thế, Quảng Trị được ví như là hình ảnh thu nhỏ của cả nước với những những mất mát, hy sinh to lớn; là nơi đã chứng kiến những cuộc chiến tranh tàn khốc và chịu sự tàn phá hết sức nặng nề.

Sau cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm chống Pháp của nhân dân ta thắng lợi (1945-1954), buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève (ngày 20/7/1954), lập lại hòa bình ở Việt Nam, Lào và Campuchia trên cơ sở tôn trọng chủ quyền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước. Theo Hiệp định Genève, Việt Nam tạm thời chia làm hai miền, vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm đường ranh giới quân sự tạm thời. Để xóa được

“đường ranh giới tạm thời ấy”, Quảng Trị và cả dân tộc Việt Nam đã phải trải qua cuộc trường chinh hơn hai mươi năm với bao đau thương, mất mát hy sinh trong cuộc chiến tranh vệ quốc.

Do được chọn là vị trí địa chính trị, là nơi chia cắt hai miền Nam - Bắc nên Quảng Trị trở thành là nơi tập trung binh lực mạnh nhất của cả hai phía. Hay nói cách khác, Quảng Trị chính là nơi đối đầu về chiến lược quân sự của cả hai bên. Chính vì thế nên Quảng Trị là nơi diễn ra những trận đấu quan trọng nhất và có ý nghĩa toàn cục như chiến dịch Mậu Thân năm 1968, chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971, cuộc chiến đấu bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị trong 81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa năm 1972.

Chiến tranh đi qua đã để lại không biết bao nhiêu đau thương, mất mát cho người và đất Quảng Trị; nhưng chiến tranh cũng đã làm nảy sinh ở đây hàng loạt sự tích anh hùng, làm xuất hiện nhiều địa danh lấy lòng chiến công biểu trưng cho chí khí quật cường, lòng quả cảm và niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc Việt Nam. Có ý kiến cho rằng: Gia tài văn hóa đồ sộ nhất, khả dĩ đưa tầm vóc

văn hóa Quảng Trị ngang tầm với những vùng đất khác trong nước cũng như trên thế giới đó là di sản văn hóa Chiến tranh và Cách mạng. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong 499 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng đã có 468 di tích lịch sử, 04 hồ sơ di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt (bao gồm 28 địa điểm). Ngoài ra, trên địa bàn Quảng Trị có 72 nghĩa trang liệt sĩ, trong đó có 02 Nghĩa trang quốc gia Trường Sơn và Đường 9 - nơi yên nghỉ của hàng vạn các Anh hùng liệt sĩ. Chính vì vậy, Quảng Trị được mệnh danh là “*Bảo tàng sinh động nhất về di tích chiến tranh*”.

Là một vùng đất từng chứng kiến quá nhiều sự khốc liệt của chiến tranh, chịu đựng quá nhiều sự hy sinh mất mát, cho nên hòa bình đã trở thành là khát

vọng cháy bỏng là mong muốn chung của nhân dân Quảng Trị cũng như của toàn thể nhân dân Việt Nam. Nhân dân Quảng Trị cũng như nhân dân cả nước thấu hiểu sâu sắc giá trị vĩnh hằng của hòa bình, vì thế, thông điệp “Hòa bình” đã trở thành là tâm nguyện của Đảng bộ, chính quyền và toàn thể nhân dân tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, nếu như chúng ta chỉ tập trung khai thác ở khía cạnh giá trị vật thể của di tích thì trong tương lai, hệ thống di tích lịch sử sẽ chỉ là một địa chỉ. Vì thế, muốn di tích được sống mãi với thời gian thì cần phải làm được nhiệm vụ là chuyển tải được những giá trị tinh thần thiêng liêng của di tích đến với mọi người. Trong thời gian qua Quảng Trị đã coi việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa như một động lực để tạo ra



Lễ hội “Thống nhất non sông” được tổ chức vào dịp 30/4 hàng năm tại Quảng Trị.

Ảnh: <https://nld.com.vn/>

sức mạnh vật chất, tinh thần cho công cuộc đổi mới và xây dựng quê hương. Trong tất cả những thành tựu về xây dựng đời sống tinh thần cho nhân dân thì việc hình thành, xây dựng và tổ chức thành công các hoạt động lễ hội tại các điểm di tích là một thành công đáng ghi nhận. Có thể nói, đây thực sự là một mũi nhọn, đột phá trong nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn giá trị văn hóa đồng thời cũng là đột phá để tạo nên tiềm năng cho sự nghiệp phát triển kinh tế ở Quảng Trị, từ việc khai thác tốt tiềm năng giá trị phi vật thể của các di tích lịch sử - văn hóa cùng với giá trị vật thể của các di tích đã làm nổi bật giá trị của di sản, thu hút đông đảo khách du lịch trong nước cũng như bạn bè quốc tế.

### **Một số hoạt động lễ hội nhằm tôn vinh thông điệp “Hòa Bình” tại Quảng Trị**

Với hàng trăm di tích có giá trị về lịch sử, văn hóa của vùng đất Quảng Trị, là minh chứng điển hình cho sự đau thương mất mát, hủy diệt của chiến tranh, là bằng chứng sinh động, nơi giáo dục lý tưởng cách mạng cho các thế hệ hôm nay. Tuy nhiên, để những di tích phát huy hết giá trị tiềm năng vốn có của nó cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tế của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị, của những người đã từng chiến đấu trên mảnh đất này cũng như của nhân dân cả nước, đã có rất nhiều lễ hội đã được tổ chức nhằm khơi dậy lòng yêu nước cho thế hệ hôm nay cũng như góp phần thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh như Lễ hội Thống nhất non sông, Lễ hội Nhịp cầu xuyên Á, Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn, Lễ hội tri ân tháng 7... Đây là những loại hình Lễ hội đặc sắc, riêng có được tổ chức hàng năm tại tỉnh Quảng Trị, nhận được sự đồng tình, ủng hộ rất lớn của du khách trong và ngoài nước. Những hoạt động lễ hội này đều

chuyển đi một thông điệp hòa bình.

Những hoạt động Lễ hội này đều được hình thành trên nền tảng cơ sở của những giá trị lịch sử, văn hóa của hệ thống di tích lịch sử tiêu biểu như di tích Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, di tích Thành Cổ Quảng Trị, Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn...

Đây cũng chính là dịp tôn vinh các giá trị truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc; thông qua đó giáo dục, bồi dưỡng và phát huy hơn nữa lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đoàn kết, niềm tự hào, ý chí tự cường dân tộc; khẳng định những thành tựu vĩ đại mà dân tộc ta đã đạt được trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Cổ vũ toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy truyền thống của cha ông.

#### *Lễ hội Thống nhất non sông*

Lễ hội Thống nhất non sông ở Quảng Trị thuộc loại hình Lễ hội cách mạng đặc sắc, riêng có được tổ chức vào dịp 30/4 hàng năm tại tỉnh Quảng Trị. Lễ hội được hình thành trên nền tảng cơ sở của những giá trị lịch sử, văn hóa của di tích Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, nơi chứng kiến nỗi đau chia cắt đất nước hơn hai mươi năm và cuộc đấu tranh vì khát vọng thống nhất đất nước của nhân dân hai miền Nam - Bắc, nơi biểu hiện cao nhất khát vọng thống nhất và đoàn tụ của dân tộc Việt Nam. Sau Hiệp định Genève, Cầu Hiền Lương được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời, dự định sau 02 năm sẽ tiến hành tổng tuyến cử thống nhất đất nước nhưng nhân dân 2 miền Nam - Bắc đã phải thực hiện cuộc trường chinh trong suốt 21 năm gian khổ với bao xương máu của chiến sĩ, đồng bào đã đổ xuống mới giành được độc lập, thống nhất, để đất nước có một Ngày hội Thống nhất non sông. Đồi bờ cầu Hiền Lương từ trong cuộc đấu tranh

thần thánh chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam đã trở thành biểu tượng của nỗi đau chia cắt và sáng rõ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc đấu tranh vì khát vọng thống nhất đất nước. Đây cũng là địa điểm duy nhất trong cả nước mang ý nghĩa biểu tượng của khát vọng hòa bình.

Lễ hội Thống nhất non sông là dịp để tôn vinh những chiến công bất tử của quân và dân hai miền Nam - Bắc và khát vọng thống nhất, độc lập, tự do của cả dân tộc, thực hiện di huấn thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”. Lễ hội còn là dịp tôn vinh các giá trị truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc; thông qua đó giáo dục, bồi dưỡng và phát huy hơn nữa lòng yêu nước, chủ

nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đoàn kết, niềm tự hào, ý chí tự cường dân tộc; khẳng định những thành tựu vĩ đại mà dân tộc ta đã đạt được trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Cổ vũ toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy truyền thống của cha ông.

Lễ hội có nội dung phù hợp, hình thức sáng tạo, góp phần làm phong phú thêm hoạt động lễ hội trên toàn quốc.

*Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn*

Chương trình “Đêm hoa đăng” tri ân các anh hùng liệt sỹ trên dòng sông Thạch Hãn đã có sức lan tỏa mạnh, tạo cho người dân một nếp nghĩ, thói quen về một lễ hội tri ân các anh hùng liệt sỹ. Đồng thời tạo nên dấu ấn văn hóa - du lịch tâm linh độc đáo trong chuỗi các hoạt động Lễ hội của vùng đất thiêng



*Đêm hoa đăng - Tri ân các anh hùng Liệt sĩ trên dòng sông Thạch Hãn.  
Ảnh: <https://ipa.quangtri.gov.vn/>*



Thành Cổ Quảng Trị.

“Đêm hoa đăng” không chỉ là sự tri ân đối với các chiến sĩ cách mạng mà còn là sự tưởng nhớ đối với những người đã ngã xuống trên mảnh đất này trong cuộc chiến tranh khốc liệt một thời vang dội.

Có thể nói, chương trình “Đêm hoa đăng” là một trong những điểm nhấn mới của thị xã Quảng Trị nói riêng, của tỉnh Quảng Trị nói chung. Mỗi chương trình Đêm hoa đăng thường xuyên trên sông Thạch Hãn đã thu hút hàng nghìn lượt người tham dự và đã được mọi tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ và đánh giá cao. Đây là cơ sở góp phần phát triển Du lịch gắn với bảo tồn và phát triển giá trị các di tích lịch sử văn hóa, các công trình tưởng niệm, tri ân, là một sản phẩm du lịch độc đáo thu hút khách thập phương, góp phần phát triển thương mại du lịch, quảng bá, giới thiệu hình ảnh mảnh đất và con người Quảng Trị.

Ngoài ra, còn rất nhiều các hoạt động lễ hội khác nhằm truyền tải thông điệp Hòa bình tại các điểm di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cũng được tổ chức thường xuyên và ghi dấu ấn trong lòng người dân cũng như du khách. Thông qua việc kết hợp phát huy giá trị của di sản văn hóa vật thể (di tích) với di sản văn hóa phi vật thể (lễ hội) trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã góp phần quảng bá thông điệp “Hòa bình”, thúc đẩy ngành du lịch của tỉnh ngày càng phát triển.

**Một số nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới, để thông điệp “Hòa Bình” được nâng lên tầm cao mới**

Như vậy, thực tiễn đã cho thấy Quảng Trị - mảnh đất trường tồn với những địa danh di tích đặc biệt, là huyền thoại về cuộc sống, chiến đấu của nhân

dân chiến sỹ cả nước đã một thời trộn máu viết lên những trang sử bi hùng. Đó chính là tinh thần bất tử của di tích, là giá trị phi vật thể vô giá của hệ thống văn hóa phi vật thể. Vì lẽ ấy, có thể nói không gian văn hóa nổi bật nhất của Quảng Trị chính là không gian văn hóa mang thông điệp hòa bình.

Là mảnh đất hội tụ nhân tâm, là Trong nhiều năm qua, với sự quan tâm của chính quyền các cấp, sự đồng thuận hưởng ứng của nhân dân, các hoạt động lễ hội đã được tổ chức và đạt được nhiều thành công trong việc khai thác giá trị của di sản, phục vụ nhu cầu tri ân, hướng về các thế hệ cha anh đã ngã xuống trên mảnh đất này của các thế hệ hôm nay. Để thông điệp “Hòa Bình” được nâng lên tầm cao mới, trong thời gian tới tiếp tục tổ chức thành công các lễ hội, các sự kiện văn hóa, tạo ra được những sản phẩm tinh thần mới, có dấu ấn sâu đậm, có sức lan tỏa rộng trong đời sống nhân dân.

Tăng cường hoạt động quảng bá, giới thiệu hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh đến với đông đảo du khách gần xa, quan tâm xây dựng những công trình, biểu tượng hòa bình trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại các điểm di tích lịch sử quan trọng.

Kết hợp hiệu quả giữa mục tiêu bảo tồn, tôn tạo với đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ du lịch, đặc biệt là khai thác mạnh giá trị phi vật thể của hệ thống di tích để tổ chức các sản phẩm du lịch hoài niệm có khả năng hấp dẫn thu hút khách, tạo khả năng cạnh tranh, liên kết, hợp tác với các sản phẩm du lịch trong khu vực.

Bên cạnh đó, để thông điệp “Hòa bình” có sức lan tỏa mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, trong nước cũng như du khách quốc tế, ngày 06/5/2020, UBND tỉnh Quảng Trị đã có

Tờ trình số 1959/TTr-UBND trình Thủ tướng Chính phủ Đề án tổ chức Festival Vì Hòa bình tại Quảng Trị. Sau khi xem xét, ngày 29/5/2020, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 4254/VPCP-KGVX thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương tổ chức một Lễ hội với thông điệp Hòa bình tại Quảng Trị.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, ngày 12/6/2020 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có

mục đích nhằm tôn vinh giá trị của hòa bình, kêu gọi mọi người chung tay đấu tranh gìn giữ, xây dựng cuộc sống hòa bình, thịnh vượng; góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam và mảnh đất, con người Quảng Trị; thu hút du khách trong nước và quốc tế; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng Quảng Trị trở thành một không gian văn hóa vì Hòa bình, là biểu tượng sức sống mãnh liệt của nhân loại ngay trên mảnh đất bị



*Cầu Hiền Lương trong ngày hội thống nhất non sông. Ảnh: cand.com.vn*

Công văn số 2202/BVHTTDL-VHCS hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị tổ chức thực hiện Lễ hội theo Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Quản lý và tổ chức lễ hội.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu tổ chức “Lễ hội Hòa bình tại Quảng Trị” với

hủy diệt do chiến tranh; sẽ là nơi hội ngộ của bạn bè bốn phương.

Với sự quan tâm, phối hợp của chính quyền các cấp, sự đồng thuận của đông đảo quần chúng nhân dân, hy vọng trong thời gian tới Quảng Trị sẽ trở thành là nơi hội tụ cao nhất của thông điệp “Hòa bình”, là điểm đến không thể thiếu trong hành trình tham quan của du khách gần xa./.

H.T.T.H

# Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị

**Nguyễn Thị Thanh Trâm**

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quảng Trị

*Trong những năm qua, công tác dân tộc, chính sách dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chăm lo, tạo điều kiện cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển, củng cố khối đoàn kết toàn dân. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Chương trình công tác trọng tâm về thực hiện chính sách dân tộc, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trong đó có vùng đồng bào dân tộc thiểu số như Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2025, chiến lược 2030; Kế hoạch số 2347/KH-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh về triển khai chiến lược hội nhập quốc tế về công tác dân tộc đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Kế hoạch số 2734/KH-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện đề án Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-1021; Kế hoạch số 3111/KH-UBND ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh về bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức viên chức tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2025...*

Riêng lĩnh vực văn hóa, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện tốt các chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 581/QĐ-TTg, ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020; Quyết định số 1270/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 7 năm 2011 của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Dự án Bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ

hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hóa, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Chương trình hành động số 100-CTHĐ/TU ngày 16/10/2014 về việc thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của tỉnh ủy; ban hành Kế hoạch số 2436/KH-UBND, ngày 30/6/2015 về thực hiện Nghị quyết

- miền núi giai đoạn 2017-2022”.

Để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành phục dựng lễ hội Ariëuping của dân tộc PaKô trên địa bàn huyện Hướng Hóa và huyện Đakrông; phục dựng lễ hội mừng làng mới (A riêu pachen vel tă me) của đồng bào dân tộc PaKô. Đối với văn hóa phi vật thể, đã tiến hành bảo tồn và phát triển 3 loại hình gồm: Lễ và lễ hội; ( gồm: lễ mừng



*Lễ hội A Riêu Ping hay còn gọi là lễ “cải táng” và “phong thần”, là một lễ hội truyền thống mang nét văn hóa tâm linh đặc sắc và là lễ hội lớn nhất của đồng bào Pa Cô.*

*Ảnh: <http://baovanhoa.vn/>*

số 33-NQ/TW trong toàn tỉnh; chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban dân tộc xây dựng Chương trình phối hợp số 622/CTPH-SVHTTDL-BDT ngày 07/6/2018 về “Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số

lúa mới, lễ cúng thần làng, lễ đâm trâu); Nghệ thuật truyền thống (gồm có Dân Ca, dân vũ, dân nhạc); Các ngành nghề truyền thống (dệt, đan lát, bài thuốc dân gian truyền thống), Tiến hành bảo tồn một số mô hình làng, bản, buôn truyền thống của dân tộc Vân Kiều, Pa Kô trên địa

bản tỉnh Quảng Trị như: nhà dài truyền thống của đồng bào dân tộc PaKô ở xã ANgo; Bru –Vân Kiều ở bản Ka Lu, làng Cát ở xã Đakrông..., tiến hành điều tra, phân loại di sản văn hóa công cộng tại các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh..., xây dựng 2 nhà văn hóa tại thôn Vùng Kho, huyện Đakrông; bản Cheng, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa trên cơ sở bảo tồn giá trị kiến trúc dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc... Thông

đồng bào Vân Kiều, PaKô như: Cha chấp, Ca lời, Oát, Xà nót và các làn điệu dân ca Pa Kô, Vân Kiều được truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Tiến hành nhận diện, điều tra thống kê các di sản văn hóa phi vật thể của 2 tộc người Pa Kô, Vân Kiều; sưu tầm hàng ngàn hiện vật là đồ dùng thủ công truyền thống, đồ gia dụng, công cụ sản xuất, nhạc cụ (bộ gõ, bộ hơi, bộ dây), trang phục, trang sức và các loại hình



*Nhà dài truyền thống của người Pa Kô. Ảnh: <https://baodantoc.vn/>*

qua các hoạt động đã góp phần rất lớn trong việc bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Quảng Trị.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND các huyện, thị tổ chức các lớp học hát dân ca Vân Kiều, Pa Kô cho cơ sở. Thông qua lớp học này, 4 làn điệu dân ca truyền thống của

hiện vật sẵn bản, hái lượm phục vụ công tác trưng bày nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa đặc trưng văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của dân tộc Vân Kiều, PaCô: dân ca, dân nhạc, dân vũ; chỉ đạo tổ chức và phục dựng các lễ hội truyền thống tiêu biểu; chế tác nhạc

cụ dân tộc; phục dựng không gian diễn xướng... Truyền dạy việc chế tác và sử dụng nhạc cụ, các làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc như: Caloi, Chacháp, Oát, Xà nót... bảo tồn và phổ biến chữ viết dân tộc Vân Kiều; tổ chức nghiên cứu, sưu tầm “Trường ca dân tộc PaCô”.

Nhờ sự quan tâm của của chính quyền các cấp, công tác bảo tồn các giá trị di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Trị trong những năm qua

của thời kỳ mới. Các thiết chế văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa được tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức và hoạt động bước đầu đã có sự đổi mới, phát huy được hiệu quả. Công tác đào tạo đội ngũ những người hoạt động văn hoá, nghệ thuật vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa được chú trọng; Một số di sản văn hoá của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số được tôn vinh. Tăng cường



Một tiết mục biểu diễn của người Vân Kiều tại Lễ hội Văn hóa-Thể thao-Du lịch các dân tộc huyện Đakrông lần II. Ảnh: <http://quangtriv.vn/>

có bước phát triển mới về quy mô cũng như chiều sâu. Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá đã góp phần quan trọng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá các dân tộc. Nhiều dự án lớn về sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hoá được thực hiện; Việc xây dựng thiết chế và thiết chế văn hoá đã chú ý đến những yêu cầu

giao lưu văn hoá qua các hoạt động mang tính chất vùng, miền góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc thiểu số Quảng Trị, trong thời gian tới cần tập trung một số giải pháp sau:

1. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến đối tượng là già làng trưởng bản vì đây là lực có tác động tích cực và hiệu quả nhất trong việc tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. Tiếp tục công tác đầu tư, bảo tồn làng, bản truyền thống tiêu biểu. Chú trọng bảo tồn, gìn giữ và nghiên cứu những mô hình kiến trúc nhà sàn truyền thống, đặc biệt là những ngôi nhà dài nơi sinh sống của nhiều thế hệ của đồng bào PaKô ở 2 huyện miền núi Hướng Hóa và Đakrông tỉnh Quảng Trị.

3. Tổ chức hội thi giao lưu văn hoá, văn nghệ giữa đồng bào các dân tộc trong tỉnh nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc ở 2 huyện miền núi và huyện có đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Khuyến khích sưu tầm, biên soạn, dịch thuật, thống kê, phân loại và lưu giữ, truyền bá các tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian... duy trì những phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc; phục hồi và phát triển các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu; phát triển các lễ hội, ngày hội truyền thống, bài trừ hủ tục có hại đến đời sống văn hóa; chống các biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong tổ chức và các hoạt động lễ hội; duy trì và phát huy các giá trị văn hóa ẩm thực, giá trị về trang phục truyền thống dân tộc và các tri thức dân gian khác...

5. Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đưa tiêu chí bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc trong việc bình xét các danh hiệu văn hóa hàng năm.

6. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tổ chức “Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam” (19/4) nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm, niềm tự hào về văn hóa các dân tộc, góp phần củng cố, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn vinh bản sắc văn hóa các dân tộc vì một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

7. Tổ chức kiểm tra, rà soát các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh để có định hướng trong quá trình gìn giữ và phục dựng.

8. Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý cho đội ngũ cán bộ văn hóa cấp huyện, xã, chú trọng đội ngũ già làng trưởng bản vì đây là lực lượng có tác động tích cực và hiệu quả nhất trong việc tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện tốt việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

9. Tăng cường đào tạo đội ngũ tri thức trẻ, người dân tộc có tâm huyết, có đạo đức là lực lượng kế cận để tiếp tục phát huy gìn giữ và bảo tồn vốn văn hoá truyền thống của dân tộc mình.

10. Đầu tư khai thác, xây dựng những danh lam thắng cảnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào miền núi để đưa vào các tuyến, địa điểm lữ hành du lịch.

N.T.T.T

# **Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng để thực hiện tốt Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị**

**Trần Hữu Hoà**  
Trưởng Chính trị Lê Duẩn

*Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tháng 10.2018 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Ở Quảng Trị, cấp ủy Đảng các cấp cũng tích cực triển khai, đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống, góp phần cùng nhân dân cả nước làm thất bại mọi âm mưu đen tối của các thế lực thù địch, trong đó nền tảng tư tưởng được xác định có vai trò rất quan trọng. Trong khuôn khổ bài viết sẽ đề cập đến quan điểm của Bác về công tác tư tưởng cũng như vận dụng tư tưởng của Bác trong thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, cũng là nhà tư tưởng và hoạt động tư tưởng kiệt xuất. Hồ Chí Minh là người khai sinh, người mở đường, người chiến sỹ đầu tiên trên mặt trận tư tưởng. Sự trưởng thành mạnh mẽ và thành tựu của công tác tư tưởng trong 90 năm qua đều bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành toàn bộ tâm huyết, nghị lực, tài năng, kinh nghiệm của mình tiến hành công tác tư tưởng để giáo dục và tổ chức quần chúng, nhằm biến đổi sâu sắc, triệt để đời sống tinh thần của xã hội cũ, tạo ra đời sống tinh thần mới, Nhân dân trở thành người làm chủ, xây dựng và sáng tạo cuộc sống văn hoá tinh thần cho mình, cho dân tộc, cho đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định công tác tư tưởng là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn hoạt động của Đảng, là một sức mạnh to lớn, một vũ khí sắc bén, quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Cho nên, theo Người công tác tư tưởng được thực hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

*Thứ nhất, công tác nghiên cứu lý luận:* Nghiên cứu lý luận tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chăm lo đến công tác lý luận. Phát triển quan điểm của Lênin, nếu không có bước tiến trong lý luận thì cũng không có bước tiến trong tuyên truyền, cổ động cũng như trong tổ chức. Lý luận cách mạng là yếu tố tiên quyết để làm nên sự vững mạnh của Đảng: “Đảng có vững



*cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy, Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng theo chủ nghĩa ấy, Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có kim chỉ nam”<sup>1</sup>. Một điều có ý nghĩa phương pháp luận to lớn trong công tác tư tưởng của Hồ Chí Minh là không dừng lại ở những nguyên lý lý luận mà Người chuyển những nguyên lý*

chính trị sang lĩnh vực giáo dục đạo đức. Người nói: Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

*Thứ hai, công tác tuyên truyền: Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa tuyên truyền một cách dễ hiểu: “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được*



*Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Lao động Việt Nam, ngày 5/9/1960. Ảnh: Tư liệu*

đó thành những chuẩn mực đạo đức xã hội. Những chuẩn mực được Bác nêu ra có giá trị hướng dẫn hành vi con người qua nhiều thế hệ: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ”, “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” v.v... Chính Người đã mở rộng nội dung của giáo dục lý luận

*mục đích đó, là tuyên truyền thất bại”<sup>2</sup>. Mục tiêu chung của tuyên truyền là phát huy lòng yêu nước, vì độc lập dân tộc, lợi ích của đất nước, làm cho Nhân dân ta hiểu rõ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong tuyên truyền, Hồ Chí Minh coi trọng cả tuyên truyền miệng và tuyên truyền trên*

báo chí. Người nhấn mạnh đến việc phát hiện nhân tố mới, nêu gương người tốt, việc tốt. Năm 1924, sau khi dự mít tinh của Trường Đại học phương Đông, trong thư gửi đồng chí Petơrốp, Tổng thư ký Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản, Người viết: *“Nói chung các dân tộc phương Đông phần nhiều là giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”*<sup>3</sup>. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục con người. Với cán bộ, đảng viên, đặc biệt khi đã có chức, có quyền. Người dặn công tác tuyên truyền cũng như báo chí hãy nêu gương những cán bộ trong sạch, gương mẫu, cần, kiệm, liêm, chính, *“Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”*<sup>4</sup>. Từ quan điểm đó, Người đã chỉ đạo biên soạn những tập sách “Người tốt việc tốt” cho mọi người noi theo. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh tự mình rèn luyện và chính Người là tấm gương mẫu mực để các thế hệ người Việt Nam nguyện “sống, lao động, học tập, chiến đấu theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

*Thứ ba, công tác cổ động:* Cổ động là khâu quan trọng trong công tác tư tưởng, cổ động là khâu nối tiếp chuyển từ ý thức tư tưởng sang hành động, biến nhận thức thành sức mạnh vật chất. Hồ Chí Minh cho rằng: Muốn thắng lợi thì cách mạng phải có một đảng lãnh đạo. Đảng phải làm cho quần chúng giác ngộ vì đâu mà họ bị áp bức, bóc lột, phải dạy cho quần chúng biết các quy luật phát triển của xã hội, để họ nhận thức rõ vì mục đích gì mà đấu tranh; chỉ rõ con đường giải phóng cho quần chúng, cổ súy cho quần chúng kiên quyết làm cách mạng, làm cho quần chúng tin chắc cách

mạng nhất định thắng lợi.

Muốn tiến hành cổ động có hiệu quả trước hết cần xác định “Khẩu hiệu hành động”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: trong mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng phải căn cứ vào tình hình trong nước và trên thế giới đề ra khẩu hiệu, mục đích và kế hoạch đấu tranh. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ngoài khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, có các khẩu hiệu: “ba sẵn sàng”, “ba đảm đang”, “tiếng hát át tiếng bom”... Ngày nay, ngoài các khẩu hiệu: “công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, “hòa nhập, không hòa tan” còn có các khẩu hiệu: “xây dựng nông thôn mới”, “chung tay chống dịch COVID-19”...

Công tác tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những nội dung sâu sắc, đúng đắn đã đem lại những thắng lợi to lớn cho cách mạng Việt Nam. Đảng ta đã vận dụng những lý luận và kinh nghiệm của Người về công tác tư tưởng để thực hiện đường lối đổi mới, khơi dậy sức sáng tạo, niềm tin của quần chúng, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đưa đất nước vượt qua những khó khăn để có được những kết quả ngày hôm nay như lời của Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Việt Nam đã hội nhập và đang trên đà phát triển, việc làm tốt công tác tư tưởng góp phần ổn định chính trị, tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 35-NQ/TW “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” nêu rõ: Bảo vệ nền tảng

tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó cơ quan báo chí các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Công tác tư tưởng phải được thực hiện đồng bộ, có chiều sâu, phải kết hợp “xây” và “chống”, tiếp tục đổi mới công tác tư tưởng một cách mạnh mẽ theo các nội dung sau:

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Công tác tư tưởng phải luôn luôn đổi mới, không thể sáo mòn, phải thực hiện bằng nhiều kênh thông tin phong phú, đa dạng, hiện đại. Chú trọng lĩnh vực giáo dục lý luận chính trị. Đó chính là để giữ vững sự kiên định, trung thành về lý tưởng, đừng để xảy ra hiện tượng

nói chẳng biết đúng sai, chẳng dám tỏ rõ chính kiến. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin. Qua đó trang bị cho cán bộ, đảng viên có lập trường, tư tưởng vững vàng trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động. Muốn phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền, chúng ta cần không ngừng đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin; phát huy vai trò của cơ quan tuyên huấn, cơ quan truyền thông, báo chí, tích cực sử dụng mạng internet để tuyên truyền, giáo dục để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2. Nắm vững, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng, đảm bảo thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội.

Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, đòi hỏi công tác tư tưởng phải có tính chiến đấu cao mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Muốn vậy, công tác dự báo phải đảm bảo chính xác, nhận định đúng tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc biệt là những vấn đề “nóng” mà dự luận quan tâm, từ đó để tuyên truyền, giáo dục tạo sự thống nhất về tư tưởng trong toàn Đảng toàn quân và toàn dân ta, đảm bảo sự đồng thuận cao trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

3. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, gắn nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương

phát triển, bảo vệ Tổ quốc.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn mà không có lý luận là thực tiễn mù quáng. Chính vì vậy, công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận là vấn đề then chốt trong công tác tư tưởng, lý luận soi đường cho các tác thực tế và thực tiễn kiểm nghiệm lý luận trong đời sống của xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm,

tiễn, đáp ứng và phục vụ yêu cầu phát triển đất nước, bảo đảm hài hòa giữa trước mắt với lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng; Coi trọng việc xây dựng môi trường dân chủ đi đôi với nêu cao trách nhiệm chính trị của tổ chức và cá nhân hoạt động lý luận. Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn; nâng cao năng lực và chất lượng dự báo, định hướng nghiên cứu trong từng thời kỳ; Kiên trì thế giới



*Bác Hồ nói chuyện với các giáo sư, cán bộ giảng dạy các trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp tháng 12-1958. Ảnh: Tư liệu*

làm mới lý luận để lý luận “vẫn mãi xanh tươi”. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận, ngày 9/10/2014, Bộ Chính trị khóa XI đã ra Nghị quyết 37-NQ/TW, về “*Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*” với phương châm: Lý luận phải gắn chặt với thực tiễn, xuất phát từ thực

quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; đồng thời, tiếp thu các thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại. Nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; uốn nắn những nhận thức lệch lạc. Từ

đó, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao năng lực khoa học phục vụ phát triển công tác lý luận, bảo đảm cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã và đang tiếp tục tạo thế và lực mới để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, chúng ta cũng đứng trước nhiều thử thách. Các thế lực thù địch tăng cường thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” bằng âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, thâm độc. Chúng tập trung chống phá trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng; xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền và những hạn chế, yếu kém của một bộ phận cán bộ, đảng viên nhằm phá hoại sự lãnh đạo của Đảng, hạ thấp những thành tựu to lớn của đất nước trong công cuộc đổi mới; thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Vì vậy, phải tăng cường việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nâng cao nhận thức, cảnh giác trước những âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Đồng

thời, kịp thời phát hiện, răn đe, xử lý theo quy định của pháp luật những cá nhân có hành vi xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vào công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh xử lý các đối tượng xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 35, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với chủ năm 2020 đề “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

T.H.H

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995. t2, tr268.

<sup>2</sup>Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995. t5, tr 612.

<sup>3</sup>Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995. t12, tr 499.

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXb, Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995. t12, tr558.

# Học và làm theo Bác về “Đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh”

**Trần Văn Toàn, Đinh Thị Thu Hoài**  
Trường Chính trị Lê Duẩn

*Năm 2020 là năm có nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc, là năm Đảng ta tròn 90 mùa xuân, đồng thời cũng là năm tiến hành đại hội Đảng các cấp tiến tới đại hội lần thứ XIII của Đảng, vì vậy, xây dựng sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng là bài học sống còn của Đảng ta hiện nay. Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đặc biệt tới việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là vấn đề xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Trong mỗi giai đoạn của cách mạng, Người đều nhắc nhở phải chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng xứng đáng “là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”.*

Vì vậy, trên cương vị là người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam, Người nhấn mạnh “Đoàn kết là sức mạnh nhất của ta”, là then chốt của thành công, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Vì lẽ đó, Người trở thành một tấm gương mẫu mực về xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Khi nói về

tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết, xây dựng Đảng, trước hết là phải nói đến sự quan tâm giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên nòng cốt của Đảng; thứ đến là tấm gương mẫu mực về phẩm chất, tư cách của một đảng viên, trung thực, trách nhiệm, luôn luôn phấn đấu làm tròn mọi nhiệm vụ được Đảng giao phó; là tấm gương sáng, mẫu



Toàn cảnh Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ 17. Ảnh: <https://nhandan.com.vn/>

mục của một người cộng sản suốt đời phấn đấu, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; là tấm gương tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; là tấm gương luôn luôn tự rèn luyện, trau dồi phẩm chất, năng lực, đạo đức, lối sống, tác phong của một đảng viên; là tấm gương tuyệt đối trung thành với Đảng, với sự nghiệp cách mạng, trung với nước, hiếu với dân.

Trước lúc đi xa, trong Di chúc thiêng liêng, Người đặc biệt căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Bác nhấn mạnh đoàn kết, thống nhất trong Đảng phải được xây dựng, củng cố trên cơ sở vì mục đích cao cả “một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc”. Chỉ trên cơ sở đó, trong Đảng mới có sự thống nhất về ý chí và hành động “triệu người như một” để vượt qua mọi khó khăn trở ngại. “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”.

Di chúc của Bác không những chỉ rõ vai trò quan trọng của sự đoàn kết, tính tất yếu của việc giữ gìn, củng cố, phát triển sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng mà còn nêu bật những nguyên tắc quan trọng, hiệu quả nhất để xây dựng, củng cố sự đoàn kết, thống nhất.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng Đảng, là sự vận động và phát triển theo đúng quy luật của Đảng. Đoàn kết, xây dựng sự đoàn kết thống

nhất trong Đảng có vai trò cực kỳ quan trọng, là bài học sống còn của một Đảng cầm quyền, là nguồn gốc của sức mạnh, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta. Kinh nghiệm thực tiễn xây dựng Đảng cho thấy, lúc nào, nơi nào tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc và sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng được quán triệt và thực hiện đầy đủ, thì khi đó, nơi đó cách mạng đạt được thành tựu.

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 90 năm qua, nhất là 50 năm Thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, Đảng ta càng ý thức sâu sắc ý nghĩa to lớn của việc xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, xem đây là vấn đề quan trọng hàng đầu, là nhiệm vụ sống còn của Đảng, của dân tộc. Đặc biệt, trong thời kỳ mới, Đảng ta luôn coi trọng chính đốn Đảng, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người về đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là công việc thường xuyên, là việc của mọi đảng viên, cán bộ từ Trung ương đến cơ sở, trước hết là ngay từ mỗi chi bộ; do vậy mà trải qua các thời kỳ cách mạng, dù gặp phải muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, có lúc phong trào cách mạng lắng xuống đến mức “ngàn cân treo sợi tóc”, vậy mà, nhờ đoàn kết, thống nhất ý chí, muôn người như một, Đảng ta đã vượt qua tất cả, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điều đó lịch sử dân tộc và lịch sử của Đảng đã ghi nhận, nhân dân ta qua bao thế hệ đã tự hào vì dân tộc ta có một Đảng cầm quyền xứng đáng “Là đạo đức, là văn minh”.

Đặc biệt, gần 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, nước ta đã đạt được

những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, chính trị ổn định, kinh tế phát triển vượt bậc, quốc phòng- an ninh được củng cố và tăng cường, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng nâng cao. Có được thành tựu to lớn đó là do tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng đã đoàn kết nhất trí một lòng, không sợ khó khăn gian khổ phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc; đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ bản xây dựng được bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định trước khó khăn, thách thức; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh...

Bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước, Đảng ta đang đứng trước những nhiệm vụ và thử thách lớn. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã trở thành vấn đề cấp bách, cần tập trung giải quyết. Lợi ích nhóm đang tác động lớn đến việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đang là nguy cơ chia rẽ trong nội bộ Đảng và dân tộc. Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) đã chỉ rõ: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) cũng đã nhận diện: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa

bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước” *đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng, làm phai nhạt niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.*

Để tăng cường xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước thời gian qua việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được các cấp, các ngành, các địa phương và mỗi cán bộ, đảng viên thực hiện một cách nghiêm túc, bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng tạo sự lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

Đặc biệt, ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị (khóa XII) đã ban hành Chỉ thị 05/CT-TW về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, nhất là, để chào mừng đại hội Đảng các cấp tiến tới đại hội lần thứ XIII của Đảng, Trung ương đã chọn chủ đề năm 2020 là “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh” đã càng khẳng định thêm vị trí, vai trò và ý nghĩa to lớn của việc học tập và làm theo Bác về đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

Vi vậy, trước thềm Đại hội XIII của Đảng, khi chúng ta đang đứng trước thời điểm phải lựa chọn những người xứng đáng, vừa có đức, vừa có tài để đảm nhận những trọng trách lãnh đạo đất nước, thì hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, do đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, thống nhất trong



Đảng và tầm quan trọng của việc giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Gắn tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng với củng cố khối đại toàn kết toàn dân tộc, trên cơ sở mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Đẩy mạnh hơn nữa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đối với việc xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Mặt khác, mở rộng dân chủ trong Đảng đi đôi với nắm vững nguyên tắc đoàn kết, nhất trí trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, đường lối, quan điểm, Điều lệ của Đảng và trên cơ sở tình cảm cách mạng trong sáng của người cộng sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”. Đảng chỉ mạnh thực sự khi trong Đảng có sự đoàn kết thống nhất cả trong tư tưởng, hành động và tổ chức. Chỉ trên cơ sở đoàn kết thống nhất, dân chủ thì đảng viên mới thực sự trung thực, thẳng thắn, chân thành với nhau giúp nhau nhận rõ khuyết điểm sai lầm để cùng tiến bộ. Đặc biệt, phải thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng; trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; tự phê bình, phê bình và cần phải kiên quyết chống bệnh quan liêu, độc đoán chuyên quyền, cá nhân chủ nghĩa, tư tưởng cục bộ, địa vị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, uy tín của Đảng, xây dựng, hoàn thiện đường lối đổi mới, đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với quyền và lợi ích nhân dân. Phải lấy lợi ích của nhân dân làm mục đích và động lực; các chính sách được ban hành phải có mục tiêu vì dân; cán bộ, đảng viên, công chức phải là công bộc của dân, “vì nhân dân phục vụ”; các biện pháp thực hiện phải phù hợp với thực tiễn và sức dân, mang lợi ích cho dân.

Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của Đảng. Đây là hoạt động rất quan trọng của tổ chức đảng, nhất là trong tình mới nhằm phát hiện sớm và kiên quyết giải quyết dứt điểm mọi hiện tượng gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng. Mặt khác, củng cố kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, đề cao trách nhiệm của các cơ quan chức năng, tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, cách thức tiến hành, đồng thời cần có cơ chế, quy chế cụ thể để bảo vệ và phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác về đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, là trách nhiệm của các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên. Do đó mỗi một cán bộ, đảng viên chắc chắn sẽ thấy được vai trò, trách nhiệm của mình đối với dân, với nước. Từ đó, “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

T.V.T

# VĂN BẢN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## **Thông tư số 02/2020/TT-BKH&CN: Hướng dẫn quy định sử dụng tài sản hình thành thông qua triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

*Ngày 10/8/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ban hành Thông tư số 02/2020/TT-BKH&CN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước (viết tắt là Thông tư).*

Cụ thể, Thông tư hướng dẫn các nội dung về giao quyền sử dụng tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN và hoàn trả giá trị tài sản thông qua thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN được giao quyền sở hữu; Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN do ngân sách nhà nước cấp và phân chia lợi nhuận thu được với nhà nước từ thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tại Điều 6 và Điều 7, Thông tư quy định trường hợp hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN do ngân sách nhà nước cấp và hỗ trợ được giao quyền sở hữu:

Đối với giao quyền sở hữu tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN do ngân

sách nhà nước cấp cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ và hoàn trả lại giá trị tài sản theo quy định được thực hiện theo các bước:

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giao quyền, cơ quan được giao quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

3. Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu được ký kết, cơ quan được giao quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện bàn giao tài sản.

4. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ giao quyền sở hữu đối với tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Thông tư số 63/2018/TT-BTC.

Đối với giao quyền sở hữu tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 30% tổng số vốn cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và hoàn trả tài sản theo quy định như sau:

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ đồng thời là tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho nhiệm vụ KH&CN, việc giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị phần tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN thuộc

sở hữu nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ không đồng thời là tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho nhiệm vụ KH&CN, các đồng sở hữu thỏa thuận việc thực hiện giao quyền bằng hợp đồng giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN thuộc phần sở hữu nhà nước.

Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/9/2020.

-----

**Quyết định số 1322/QĐ-TTg:  
Phê duyệt chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030**

*Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg.*

Chương trình được phê duyệt nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (gọi chung là năng suất, chất lượng) trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Theo đó, mục tiêu cụ thể được đưa ra cho từng giai đoạn như sau:

Giai đoạn 2021- 2025, đạt 65% tỷ lệ hài hòa hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn khoảng 600 chuyên gia năng suất, chất lượng.

Giai đoạn 2026-2030, đạt khoảng 70-75% tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn khoảng 1.000 chuyên gia năng suất chất lượng, trong đó có khoảng 200 chuyên gia nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Giai đoạn 2021-2030, số doanh nghiệp được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng hàng năm tăng từ 10-15%, trong đó, số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cấp cho doanh nghiệp tăng ít nhất 10% so với giai đoạn 2011-2020; có ít nhất 100 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng trên toàn quốc.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Chương trình đưa ra 06 nhiệm vụ cụ thể:

(1). Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng. (2). Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng. (3). Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh. (4). Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng. (5). Tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. (6). Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về năng suất, chất lượng.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, điều hành hoạt động của Chương trình; hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ KH&CN là cơ quan thực hiện Chương trình/.

**Quyết định số 508/QĐ-BKHCN: Kế hoạch thực hiện “Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030”**

*Chiến lược Sở hữu trí tuệ (SHTT) đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 22/8/2019 tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg, để triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Chiến lược, ngày 03/3/2020, Bộ KH&CN đã ban hành Kế hoạch thực hiện “Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030” với 02 mục tiêu: Thứ nhất: Cụ thể hóa, triển khai các nhiệm vụ của Bộ KH&CN được phân công tại Chiến lược SHTT đến năm 2030; Thứ hai: Phân công cho các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện Kế hoạch, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả theo các nhiệm vụ được giao.*

Theo Kế hoạch, có 08 nhóm nhiệm vụ cần được thực hiện: (1). Phổ biến, hướng dẫn, triển khai Chiến lược cho các Bộ, ngành, địa phương; (2). Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để thúc đẩy hoạt động tạo ra, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT; xây dựng Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn đến năm 2030; hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến giao dịch tài sản trí tuệ (góp vốn, định giá, giao dịch bảo đảm,

kế toán, kiểm toán tài sản trí tuệ);... (3). Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, quản trị và xử lý đơn sở hữu công nghiệp, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; sửa đổi quy chế liên quan đến xử lý đơn sở hữu công nghiệp; xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan xác lập quyền sở hữu công nghiệp;... (4). Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT: Xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT nhằm đáp ứng yêu cầu mới của thực tiễn; triển khai Chương trình hành động phòng chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2020-2024; (5). Thúc đẩy các hoạt động tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ: Triển khai dự án môi trường SHTT kiến tạo (EIE); hướng dẫn quản lý SHTT đối với các dự án hợp tác, nhiệm vụ KH&CN; hướng dẫn quản lý SHTT cho các doanh nghiệp;... (6). Phát triển các hoạt động hỗ trợ về SHTT: Xây dựng tiêu chí chuẩn hóa hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát các dịch vụ về sở hữu công nghiệp, đặc biệt là các dịch vụ trung gian; rà soát, bổ sung và củng cố đội ngũ giám định viên về SHTT; (7). Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động SHTT: Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp về SHTT; tăng cường đào tạo quản trị viên tài sản trí tuệ cho các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp tại Việt Nam; (8). Hình thành văn hóa SHTT trong xã hội: Xây dựng Đề án tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT./.

## **Nghị định số 27/2020/NĐ-CP: Sửa đổi chính sách thu hút các cá nhân và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam**

*Ngày 01/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam (viết tắt là Nghị định 27).*

Nghị định 27 sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 87/2014/NĐ-CP, cụ thể, người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này khi chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN quan trọng, có ảnh hưởng ở tầm quốc gia hoặc đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hoặc của một địa phương hoặc cho sự phát triển của chuyên ngành, lĩnh vực KH&CN của Việt Nam và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Có sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn hoặc có kinh nghiệm, chuyên môn sâu về ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ KH&CN thực hiện tại Việt Nam và đang làm việc tại bộ phận nghiên cứu của Viện Nghiên cứu, Trường Đại học hoặc doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài.

2. Có công trình nghiên cứu

KH&CN xuất sắc, đạt giải thưởng về KH&CN hoặc đã được ứng dụng rộng rãi, mang lại hiệu quả và phù hợp với nhiệm vụ KH&CN thực hiện tại Việt Nam.

3. Có bằng tiến sĩ và đang giảng dạy, tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong ít nhất 3 năm tại cơ sở nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài về lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KH&CN thực hiện tại Việt Nam.

4. Có bằng tiến sĩ và đã làm việc ít nhất 3 năm ở vị trí nghiên cứu khoa học tại chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KH&CN hoặc bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài.

Căn cứ tình hình thực tiễn và theo đề nghị của cơ quan có nhu cầu sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh thống nhất với Bộ KH&CN báo cáo, xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng chính sách thu hút đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện quy định trên nhưng chứng minh được khả năng đóng góp có hiệu quả khi tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, Nghị định 27 còn sửa đổi quy định về chính sách tuyển dụng, lao động, học tập và tiền lương. Theo đó, người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN công lập; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước các cấp; được xét công nhận, bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ theo quy định của Luật KH&CN.

Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Việt Nam được hưởng mức lương theo thỏa thuận. Mức

lương thỏa thuận được xác định trên cơ sở: 1). Tính chất, quy mô và tầm ảnh hưởng của nhiệm vụ KH&CN; 2). Trình độ, năng lực và hiệu quả đóng góp của cá nhân; 3). Mức lương của các vị trí tương đương trong các tổ chức nước ngoài hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Ngoài ra, Nghị định 27 còn sửa đổi, bổ sung một số quy định khác của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào hoạt động KH&CN tại Việt Nam./.

-----

### **Thông tư số 04/2020/TT-BKH&CN: Sửa đổi quy định việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao**

*Ngày 28/9/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ban hành Thông tư số 04/2020/TT-BKH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKH&CN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (viết tắt là Thông tư 04).*

Cụ thể Thông tư 04 sửa đổi, bổ sung các điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 2; sửa đổi, bổ sung điểm a, d và đ khoản 1 Điều 3; sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 7; bổ sung khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 04/2020/TT-BKH&CN.

Đơn cử như, Thông tư 04 đã sửa

đổi quy định về nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của dự án thuộc một trong 3 trường hợp sau:

Trường hợp 1: Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên và tổng số lao động của dự án từ 3.000 người trở lên thì số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 1%.

Trường hợp 2: Dự án không thuộc trường hợp 1 có quy mô vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên và tổng số lao động của dự án từ 200 người trở lên thì số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 2,5%.

Trường hợp 3: Dự án không thuộc trường hợp 1 và 2 thì số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 5%.

Số lao động có trình độ cao đẳng theo quy định tại điểm này không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm. Thông tư số 04/2020/TT-BKH&CN có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2020.

## **Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

*Ngày 12/8/2020, Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 190-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết 52-NQ/TW).*

Với mục tiêu tổng quát được đưa ra: Phát huy hiệu quả các cơ hội, nguồn lực từ cuộc Cách mạng lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao đời sống nhân dân. ngày 12/8/2020, Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 190-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.

Theo đó Kế hoạch đã đưa ra các mục tiêu cụ thể gồm: Đến năm 2025: Cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2025 thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị cơ bản đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh, tập trung ưu tiên các lĩnh vực trọng yếu như: Y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, chính quyền điện tử, Internet băng thông rộng phủ 100% đến các xã. Phấn đấu kinh tế số chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP). Đến năm 2030: Phủ sóng mạng

di động 5G, mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, triển khai đồng bộ hệ thống các dịch vụ thiết yếu thông minh để phục vụ người dân như: Điện, nước, ngân hàng, thương mại, điện tử, du lịch, môi trường, quy hoạch và nhà ở đô thị... thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu lớn của đô thị thông minh. Các đô thị lớn trên địa bàn tỉnh đạt hoặc tiệm cận các tiêu chí đô thị thông minh. Kinh tế số chiếm khoảng 30% tổng sản phẩm (GRDP) trong tỉnh. Tầm nhìn đến năm 2045: Xây dựng Quảng Trị thành tỉnh có trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động đạt mức khá của cả nước.

Để thực hiện được các mục tiêu đưa ra ở trên, Kế hoạch đã đề ra 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: (1). Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. (2). Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của tỉnh để hoàn thiện cơ chế, chính sách, chủ động tham gia chuyển đổi số và cuộc CMCN 4.0. (3). Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin thiết yếu hiện đại, đồng bộ. (4). Triển khai mạnh mẽ các chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. (5). Triển khai thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực. (6). Phát triển các ngành công nghệ ưu tiên. (7). Chính sách hợp tác, hội nhập quốc tế. (8). Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Kế hoạch nêu rõ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn

thể tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết 52-NQ/TW và Kế hoạch này của Ban thường vụ Tỉnh ủy; xác định rõ những nội dung cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện với lộ trình phù hợp thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị: đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các địa phương./.

### **Chỉ thị số 07/CT-UBND: Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Ngày 1/6/2020, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Thời gian qua, hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh đã mang lại những tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm và góp phần nâng cao đời sống của người dân. Thống kê đến tháng 4/2020 tỉnh Quảng Trị có số đơn đăng ký hợp lệ 438 đơn, số văn bằng được cấp 246 văn bằng (trong đó quyền tác giả có 18 văn bằng và sở hữu công nghiệp 228 văn bằng). Tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động để đưa sở hữu trí tuệ đến gần người dân và các doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa công tác đầu tư cho bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, cũng như nâng cao nhận thức của người dân về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, hoạt động sở hữu trí tuệ trong thời gian qua vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, bất cập, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của xã hội trong tình hình mới. Việc khai thác giá trị các sản phẩm đặc thù đã được bảo hộ quyền sở hữu

trí tuệ để phát triển trở thành sản phẩm thế mạnh của địa phương còn nhiều khó khăn, nhận thức về giá trị tài sản trí tuệ, ý thức tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của một bộ phận tổ chức, cá nhân còn hạn chế, tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh diễn ra phức tạp làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của tỉnh.

Đề tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh; đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ hữu hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ thị:

Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật sở hữu trí tuệ bằng nhiều hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ trong hoạt động của các ngành, các cấp, đoàn thể, các tổ chức sản xuất, kinh doanh; nâng cao nhận thức của cộng đồng về tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo các điều ước, công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết;

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi thẩm quyền và chức năng quản lý của đơn vị mình. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật; bảo vệ quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo hiệu quả công tác thực thi quyền, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, duy trì môi trường kinh



doanh, cạnh tranh lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư và các doanh nghiệp phát triển;

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của các ngành, các cấp và đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

Ngoài trách nhiệm chung nêu trên, UBND tỉnh cũng đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố...

Riêng đối với các doanh nghiệp, hội ngành nghề, các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh: Nâng cao nhận thức pháp luật về sở hữu trí tuệ; chủ động xác lập quyền hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ của mình nhằm có cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực; bảo vệ quyền lợi hợp pháp về quyền sở hữu trí tuệ theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân; tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại nhằm phát triển thương hiệu và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ./.

## **Quyết định số 1928/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh” và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Ngày 20/7/2020, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 1928/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh” và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị .*

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về hoạt động đo lường. Phổ biến ít nhất 10 phóng sự phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; 20 bài báo đăng tải trên trang Thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ; Báo quảng trị và các tạp chí khác; Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường ít nhất 200 cán bộ công chức, viên chức và người tham gia hoạt động đo lường; Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Hướng dẫn cho ít nhất 100 doanh nghiệp triển khai áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường. Hỗ trợ ít nhất 20 doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp có vốn nhà nước và doanh

ngành khu vực kinh tế tư nhân) áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường; Đầu tư tăng cường trang thiết bị đáp ứng chức năng, nhiệm vụ được giao và các yêu cầu thực tiễn đặt ra. Có đủ năng lực để thực hiện kiểm định được tối thiểu 60% phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo bắt buộc phải thực hiện kiểm định trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể từ năm 2026 đến năm 2030: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về hoạt động đo lường. Phổ biến ít nhất 20 phóng sự phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; 30 bài báo đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ; Báo Quảng Trị và các tạp chí khác; Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho ít nhất 300 cán bộ công chức, viên chức và người tham gia hoạt động đo lường; Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Hướng dẫn cho ít nhất 200 doanh nghiệp triển khai Chương trình đảm bảo đo lường. Hỗ trợ cho ít nhất 20 doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp có vốn nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân) áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường; Triển khai áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường, ít nhất 01 phòng thí nghiệm được công nhận trên địa bàn tỉnh cho các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đo lường; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Đầu tư tăng cường trang thiết bị đáp ứng được chức năng,

nhiệm vụ được giao và các yêu cầu thực tiễn đặt ra. Có đủ năng lực để thực hiện kiểm định được tối thiểu 70% phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo bắt buộc phải thực hiện kiểm định trên địa bàn tỉnh.

Để triển khai thực hiện, Kế hoạch đã đưa ra 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện bao gồm: (1). Áp dụng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp. (2). Tăng cường phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh. (3). Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường. (4). Triển khai công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa. (5). Hợp tác với các địa phương trong công tác nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ về đo lường; Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương có hệ thống đo lường phát triển. (6). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về hoạt động đo lường./

Trần Phượng, Nguyễn Thị Hòa

# SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KH&CN

■ Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Phường Đông Lương - TP. Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị  
 ■ ĐT: 0233. 2211643 ■ Website: <http://sanphamquangtri.com>

## ■ Sản phẩm chế biến từ thảo dược



## ■ Chế phẩm vi sinh

**Bio-QTMIC**  
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ  
 TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**CHẾ PHẨM VI SINH LÂM ĐỀM LỢI SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI**

- ✓ Tăng hiệu suất phân, giảm mùi hôi thối, khử độc trong chuồng nuôi
- ✓ Không phải thay chất độn trong quá trình nuôi, giảm công dọn chuồng
- ✓ Giảm tỷ lệ mắc bệnh ở vật nuôi
- ✓ Tăng chất lượng vật nuôi và chất lượng của sản phẩm

1kg

**Compo-QTMIC**  
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ  
 TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**CHẾ PHẨM VI SINH XỬ LÝ CHẤT THẢI HỮU CƠ**

- ✓ Xử lý chất thải hữu cơ làm phân bón
- ✓ Diệt mầm bệnh
- ✓ Khử mùi hôi thối
- ✓ Hạn chế ruồi muỗi

1kg

**Pro-QTMIC**  
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ  
 TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

**THỨC ĂN BỔ SUNG VI KHUẨN CÓ LỢI CHO GIA SÚC, GIA CẦM**

- ✓ Kích thích sự thèm ăn, ăn ngon của vật nuôi
- ✓ Tăng tỷ lệ và hiệu quả thức ăn, tránh lãng phí và dư thừa thức ăn thải ra ngoài
- ✓ Giảm bệnh gây ra bởi E.coli, Salmonella
- ✓ Tránh phụ thuộc và lạm dụng thuốc kháng sinh

1kg

**CHẾ PHẨM NẤM ĐỐI KHÁNG TRICHO-PSEU**  
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ  
 TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

**ĐỪNG ĐỂ TỐI VÀ Ứ PHẢN CHƯỠNG**

- Từ các loài nấm rơm, nấm sào sản phẩm Phytother, Isarozon... lấy ra
- Phòng trị bệnh tương tự rệp
- Ủ phân chuồng, phân phụ phân nhày vại

1kg

**NITRO-QTMIC**  
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ  
 TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

**CHẾ PHẨM VI SINH XỬ LÝ ĐÁY, KHỬ MÙI HÔI, NO, AO NUÔI TÔM**

- ✓ Phân hủy nhanh các chất hữu cơ từ thức ăn thừa, phân tôm, xác tảo.
- ✓ Giảm hàm lượng BOD, COD.
- ✓ Giảm phát sinh khí độc H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, NO<sub>2</sub>...

1kg

**PERFECT-QTMIC**  
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ  
 TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

**CHẾ PHẨM VI SINH BỔ SUNG THỨC ĂN NUÔI TÔM**

- ✓ Hỗ trợ tiêu hóa, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.
- ✓ Giúp tôm khỏe, chóng lớn, nở to đường ruột.
- ✓ Tăng cường sức đề kháng.

TÔM KHỎE - SẠCH BỆNH - TĂNG NĂNG SUẤT

1kg

## ■ Hoa, quả chất lượng cao



# ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG

Thị trấn Krông Klang – Huyện Đakrông – Tỉnh Quảng Trị



*Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quảng Trị  
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác và khách hàng*



**QMC**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ**

**QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY**

Add: Vinh Linh - Quang Tri \* Tel: 02333.820028 \* Fax: 02333.621848 \* Web: [www.qmc-titanium.com](http://www.qmc-titanium.com)